

I THÁNG 10 NĂM 1971

BACH KHOA

năm mười lăm

VIỆT PHƯƠNG vấn đề Trung Cộng gia nhập Liên Hiệp
Quốc • TỪ TRÌ Nikita Krouchtchev • GEORGES E.
GAUTHIER về nét vẽ và hình dáng • VÕ THỊ THANH
ROON bác sĩ Dewey với phương pháp nhện ăn • VÕ
QUANG YẾN nhân cuộc tổng hợp kích-thích-tổ phát
dục thành công : tập lùn và họ pháp • BẢO
TRÂN câu chuyện của những người về từ Nguyệt-
cầu trong phi-vụ Apollo 15 • NGUYỄN MỘNG
GIÁC dư sinh • TỔ ĐIỂM gác miền biên ải •
TRẦN VẠN GIẢ tình cảnh người về • LAN SƠN
ĐÀI thơ mùa hạ • TƯỜNG LINH bối cảnh
• TỪ TRÌ thời sự
thế giới • THU THỦY
thời sự văn nghệ

354



TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Thư ký: TÔN THẮT HÀM
HOÀNG MINH TUYNH Tòa soạn:
Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Chủ bút: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO

MỖI SỐ	50đ.
SÁU THÁNG	550đ.
MỘT NĂM	1050đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 120 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54.262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon, Trương mục 27-46, Trung Khu Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	800đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-ly Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Số 353 ngày 15-9-1971

VIỆT PHƯƠNG vấn đề Trung Cộng gia nhập Liên Hiệp Quốc	05
TỪ TRÌ <i>Nikita Krouchtchev</i>	13
GEORGES E. GAUTHIER <i>Phạm Duy, một nghệ thuật khúc điệu : Vẽ nét vẽ và hình dáng</i>	23
VÕ THỊ THANH RÒON <i>bác sĩ Dewey với phương pháp nhin ắn</i>	29
PHAN DU <i>con người và tính hiếu chiến</i>	41
VÕ QUANG YẾN <i>nhân cuộc tổng-hợp kích-thích-tổ phát dục thành công : tật lùn và hộ pháp</i>	49
BẢO TRẦN <i>câu chuyện của những người về từ Nguyệt cầu trong phi-vụ Apollo 15</i>	55
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>dư sinh (truyện)</i>	61
TỔ ĐIỂM <i>gác miền biên ải (thơ)</i>	74
TRẦN VĂN GIẢ <i>tình cảnh người về (thơ)</i>	76
LAN SƠN ĐÀI <i>thơ mùa hạ (thơ)</i>	76
TƯỜNG LINH <i>bối cảnh (thơ)</i>	77
SINH HOẠT	
TỪ TRÌ <i>thời sự thế giới</i>	79
THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	83

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU

Chủ bút :

Tòa soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon

Điện thoại : 25.539

H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG

21, Nguyễn Thiện Thuật—Saigon

GIÁ : 50đ Công sở : 100đ

Cao-Nguyên và Miền Trung

thêm cước phí máy bay

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin giới thiệu cùng quý bạn đọc:

— **Xin lại tình người** tập thơ của Đỗ Quyên văn đoàn do Thần Kinh xuất bản và gửi tặng. Sách dày 16 trang gồm những bài thơ của Bùi Duy Uyên, Xứ Tùng Anh, Đỗ Khuê, Miêu Khương, Văn Châu, Triều Sơn. Giá 100đ.

— **Quanh tôi hui hát cuộc đời** tập thơ của Phạm Thanh Chương do Hành Động xuất bản và gửi tặng. Sách dày 38 trang in ronéo gồm 17 bài thơ trình bày đẹp, phổ biến hạn chế.

— **Viết từ nỗi nhớ** tập thơ của Trần hữu Nghiễm do Nhập Cuộc xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in lần thứ 2 gồm 12 bài thơ. Giá 35đ.

— **Tình khúc không tên** tập thơ của Võ Đức Biếc do nhóm Văn-ngệ Phong-Sương ấn hành, gồm 10 bài «Tình khúc không tên» in ronéo.

— **Đạo ca**: 10 bản nhạc, Lời Phạm Thiên Thư, Nhạc Phạm Duy, trình bày rất mỹ thuật, lời ca do thủ bút của nhạc sĩ Phạm Duy, Georges E. Gauthier viết cảm nghĩ về 10 bài Đạo ca: Tiến về ánh sáng. Sách do Văn Sử Học xuất bản trên giấy trắng đẹp bìa Nguyễn Quỳnh, phụ bản Nguyễn Đồng. Giá 200đ.

— **Nói có sách** của Vũ Bằng do Nguyễn Đình Vượng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 280 trang có giải thích rất tường tận những danh từ thường dùng (khoảng 400 danh từ) rất ích lợi cho mọi hạng người, từ học sinh đến các nhà văn, chính khách v. v. Giá 300đ.

— **Luyện lý trí, thuật suy luận** trong đời sống hàng ngày, của Nguyễn Hiến Lê, do nhà sách «Khai Trí» xuất bản, và tác giả gửi tặng. Sách dày 230 trang gồm 10 chương từ «Bốn phép lý luận» đến «Những lỗi lý luận», «Luyện óc phán đoán» «Học chữ ngò» «Tập đề phòng» v.v... Bản đặc biệt. Giá bán thường 200đ.

— **Trong hoang vu** tập truyện của Dương Nghiễm Mậu do Tân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 136 trang, gồm 7 truyện ngắn. Giá nhất định: 50đ.

— **Khúc ca ái tình chiến thắng** tuyển truyện quốc tế, của I. Tourgueniev, M. Aloni, A. Ryonosuke, Quỳnh Dao, Chu xuân Đẳng, A. Maurois, do Vi Huyền Đắc, Chương Ngọc, Trương Kim Uẩn dịch, Trí Đẳng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 192 trang gồm 6 truyện quốc tế, in đẹp. Bản đặc biệt. Giá bán thường: 160đ

— **Việt kiều ở Kampuchia** của Lê Hương do Trí Đẳng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 260 trang gồm 6 chương, từ «Nguồn gốc cuộc di cư» đến đời sống kinh tế, xã hội, tôn giáo, văn hóa, chánh trị của đồng bào ta ở Kampuchia từ thời Pháp thuộc đến thời Cao Miên độc lập. Nhiều hình ảnh. Giá 350đ.

— **Đời Bích Khê** của Quách Tấn do Lửa Thiêng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 194 trang gồm 4 chương: Những quãng đời. Những cuộc tình duyên, Đời thơ, Chút tình riêng. Giá 250đ.

— **Đốt lò hương cũ** của Đinh Hùng do Lửa Thiêng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 194 trang gồm một số bài của Đinh Hùng viết đề tưởng niệm một số văn, thi sĩ: Tản Đà, Thạch Lam, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Đình Chiểu, Phan T. Giản, Nguyễn Du, Phan Bội Châu, Ung Bình Thúc Giạ... Giá 250đ.

Vấn đề Trung Cộng *gia nhập Liên-Hiệp-Quốc*

Mỗi năm cứ vào tháng 9, Đại Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc khai mạc khóa thường niên. Từ khóa đầu tiên vào năm 1946 đến khóa thứ 26, khai mạc ngày thứ ba 21-9-1971, số hội viên đã tăng từ 51 đến 130. Ngay từ năm 1951 nghĩa là 2 năm sau khi Trung Cộng làm chủ lục-địa Trung-hoa, khóa nào cũng nêu vấn-đề Bắc-kinh gia nhập Liên-Hiệp-Quốc. Nhưng cho tới năm 1960, phe thân Mỹ ở Liên-Hiệp-Quốc còn chiếm đa số, việc gạt bỏ Trung-Cộng được thực hiện một cách dễ dàng, nên Hoa-kỳ thấy yên tâm. Bắt đầu từ năm 1956, với sự gia nhập ào ạt của các nước Phi châu, Hoa-kỳ cảm thấy không còn vững tâm như trước nữa, hèn xui một nước đàn em là Tân-Tây-Lan đưa ra một đề nghị mới, coi vấn-đề đại-diện Trung-hoa tại Liên-Hiệp-Quốc là một vấn đề quan trọng, vậy phải là một vấn đề nội dung chứ không phải là vấn đề thủ-tục nữa, muốn thông qua cần phải có một đa số là 2/3 hội viên Liên-Hiệp-Quốc. Từ năm đó, chỉ có một lần vào năm 1965 phe ủng hộ Trung-Cộng gia nhập L.H.Q. đạt được số phiếu ngang bằng phe chống đối : 47/47 và 20 phiếu trắng. Cuộc Cách-mạng Văn-hóa đã làm cho số phiếu ủng hộ giảm đi nhiều. Cho tới năm 1970, một năm sau khi cuộc Cách mạng Văn-hóa chấm dứt, số nước ủng hộ lại tăng gia trước sự giảm sút rõ rệt của phe chống đối (51 th/49 ch

và 25 phiếu trắng). Trung - Cộng đã phục hồi được địa vị của mình trên trường quốc tế. Nhưng trong năm 1971 nhiều sự kiện xảy ra càng nâng cao thêm uy-tín của Bắc-kinh. Những sự kiện đó là :

— 1. Sự thay đổi thái độ của một số quốc gia thân Mỹ. Một số các nước như Bỉ, Ý, Gia nã đại, Thổ nhĩ kỳ đã thừa nhận Trung Cộng. Dĩ nhiên là sau họ sẽ còn nhiều nước khác. Những nước đặc biệt thân Mỹ như Úc, Thái lan, Phi luật tân, tuy chưa thừa nhận Bắc kinh nhưng cũng tỏ thái độ ủng hộ Bắc kinh gia nhập L H Q, cả Nhật bản cũng không chống đối. Họ rập theo khuôn đàn anh Hoa-kỳ.

— 2. Sự thay đổi thái độ của Hoa-kỳ : Đó là điểm quan trọng nhất. Từ xưa đến giờ Hoa kỳ vẫn chống đối việc Trung Cộng gia nhập LHQ. Chẳng những Hoa kỳ chống đối mà còn kéo theo một số lớn nước quyết định theo thái độ của mình. Vì thế mà chưa bao giờ vấn đề đại diện Bắc kinh ở LHQ đạt tới đa số quá bán chứ đừng nói tới đa số 2/3.

Nay đột nhiên Hoa kỳ thay đổi thái độ. Từ sau cuộc ngoại giao bóng bàn tình hình biến chuyển một cách mau lẹ. Tiếp sau cuộc viếng thăm Bắc kinh của cố vấn Kissinger, Tổng Thống Nixon tuyên bố sẵn sàng ủng hộ việc chấp nhận Trung

Cộng gia nhập LHQ. Ông lại còn đi xa hơn nữa là bằng lòng để cho Trung Cộng giữ ghế tại Hội đồng Bảo-an. Tại sao Hoa kỳ lại có một sự nhượng bộ lớn lao như vậy? Đó là vì những lý do sau đây:

— Hoa kỳ muốn chấm dứt chiến tranh Đông Dương. Muốn chấm dứt cuộc chiến tranh này, không thể nào không biết đến Trung Cộng vì Trung Cộng là nguồn tiếp tế vũ khí chính cho Bắc Việt. Hơn thế nữa, Trung Cộng còn ảnh hưởng tinh thần rất lớn đối với Bắc Việt và MTGPMN. Phần lớn cán bộ chính trị, quân sự của Cộng sản Việt Nam đều được đào tạo ở Trung Cộng. Muốn đối thoại với Trung Cộng thì chỉ có cách là đem một cái mồi ra mà nhử con sư tử. Cái mồi đó là việc cho Bắc kinh gia nhập LHQ.

— Hoa kỳ muốn dùng LHQ để buộc chân Trung-Cộng. Khi còn đứng ngoài tổ chức quốc tế này, Bắc Kinh muốn làm gì thì làm, không ai có quyền bắt bẻ. Khi đã gia nhập rồi thì bắt buộc phải tuân theo hiến chương LHQ. Như vậy là Bắc kinh không còn thể khuấy phá được nữa, không còn tự do ủng hộ các phong trào nổi dậy tại các quốc gia Á Phi được nữa. Thành ra cho Trung Cộng vào LHQ là cốt để trói tay nước này lại làm cho họ Mao khó mà thực hiện được mộng xích hóa hoàn cầu.

— Hoa-kỳ cũng muốn, trong việc này, đào sâu thêm mâu thuẫn Nga sô-Trung Cộng. Tại LHQ, Hoa kỳ có thể vận động tiến gần lại Bắc kinh hơn để làm suy giảm ảnh hưởng của Nga. Với trò chơi đó Hoa kỳ hy vọng làm cho

Bắc kinh mỗi ngày một xa Mac-tư-khoa và trong cái thế đó, Hoa kỳ sẽ là nước thủ lợi. Hoa kỳ cũng mơ ước là với việc cho Trung Cộng vào LHQ Hoa kỳ sẽ đi bước đầu tiên trong việc giao thương với Trung Cộng, việc mà các nước tư bản khác đã làm bất chấp sự cấm cản của Hoa kỳ.

Nhưng liệu miếng mồi ngon đó có nhử được con sư tử Bắc kinh không?

Trước hết người ta thấy rõ vấn đề gia nhập LHQ ngày nay tuy là một vấn đề uy tín thật đấy, nhưng chưa phải là vấn đề quan yếu nhất đối với Trung Cộng. Cái ghế ngồi tại Hội đồng Bảo An LHQ cứ mỗi ngày một nhích tới gần tay, một ngày kia Trung Cộng chẳng phải đòi mà cũng vẫn có được. Do đó Trung Cộng có thể chẳng vội gì phải hy sinh một nguyên tắc bất di bất dịch mà họ vẫn đòi hỏi từ trước. Đó là nguyên tắc chỉ có một nước Trung hoa và chỉ có Bắc kinh là đại diện duy nhất của nhân dân Trung quốc. Ông Nixon muốn nhượng bộ gì thì nhượng bộ, nhưng nhượng bộ chưa tới mức đó thì e rằng Bắc kinh vẫn chưa nhúc nhích.

Điểm thứ hai cũng quan trọng đối với Trung-Cộng là vấn đề giải phóng Đài Loan. Từ trước đến nay tuyên truyền công khai của Bắc kinh vẫn nói Đài loan là một phần của lãnh thổ Trung-quốc. Trung-quốc phải giải phóng Đài loan với bất cứ giá nào. Nhưng sự thực Đài loan vẫn tồn tại và phồn thịnh từ 20 năm nay. Ngay đến những đảo Bành hồ, Kim-môn, Mã-tổ ở cửa ngõ lục địa, Trung Cộng cũng vẫn để nguyên.

Lý do vì có sự che chở của Ham đội thứ 7 của Mỹ và lực lượng nguyên tử của Hoa kỳ đóng ở đảo Okinawa. Trung Cộng biết là sẽ tốn công vô ích chừng nào mình chưa có một Không quân và một Hải quân mạnh, hoặc chừng nào chưa có những vũ khí nguyên tử và hỏa tiễn liên lục địa đủ sức chống trả quân lực Hoa kỳ.

Cho dù đã đầy đủ lực lượng rồi Trung Cộng cũng không dại gì mà phí sức tấn công. Với sự tồn tại của Đài Loan, mục tiêu chống Mỹ luôn luôn được nuôi dưỡng và những khó khăn chính trị nội bộ của họ đều đã vì thế mà dễ dàng giải quyết hơn. Thành ra tuy Bắc Kinh hò hét giải phóng Đài Loan nhưng thực tế việc giải phóng chưa cần thực hiện vội. Một ngày kia, cụ Tưởng quy tiên, Mỹ thay đổi chính sách, tự nhiên quả chín sẽ rụng.

Điểm thứ ba thực sự quan trọng đối với Bắc kinh là cuộc chiến tranh Đông Dương. Người ta có thể nghĩ rằng Mỹ sẽ điều đình với Trung Cộng, để đổi sự gia nhập L H Q của Trung Cộng lấy việc Trung Cộng bỏ rơi hoặc làm áp lực với Bắc Việt và Việt Cộng để chấm dứt chiến tranh. Nhưng như ta đã thấy cái giá đổi trác không đều: một đảng Trung Cộng chưa cần vào LHQ vì biết rằng trong một tương lai gần gũi họ cũng sẽ được mời vào. Một đảng Mỹ cần phải chấm dứt chiến tranh Đông Dương để ổn định nền kinh tế, để thỏa mãn dư luận phản chiến và trước mắt để phục vụ nhu cầu tuyển cử. Thật khó mà Trung Cộng lại chịu giúp Mỹ ổn định tình

hình nội bộ, giải quyết khó khăn chiến tranh để đổi lấy một chỗ ngồi đã được dành sẵn!

Hơn nữa việc gây dựng và duy trì một phong-trào giải-phóng có thể trường kỳ chiến đấu được, đâu phải là một chuyện dễ dàng? Tại nhiều nơi, đã thất bại. Tại Đông Dương, đối với Trung Cộng, như vậy là thành công. Vậy chắc Trung Cộng không thể bỏ rơi dễ dàng Bắc Việt và Việt Cộng được, nhất là trong khi Nga-sô là nước đang cạnh tranh gay gắt với Bắc-kinh trong việc nâng đỡ phong-trào cách-mạng ở Đông Dương.

Vậy giữa Hoa kỳ và Trung Cộng, ai ở thế mạnh, ai có nhiều con «tây», ai gặp nhiều khó khăn? Giải đáp được những câu hỏi đó thì sẽ biết ai thắng trong cuộc cờ đang được bày ra mà ngựa Hoa, xe Mỹ, pháo Nga đang quần nhau lộn bầy.

Nhiều người lại nghĩ rằng Bắc kinh đi với Mỹ phen này đến giải quyết vấn đề Đông Dương là cốt để loại bỏ ảnh hưởng Nga. Có khi vì quyền lợi của mình, Bắc kinh sẽ ép buộc Bắc Việt phải nhượng bộ, nghĩa là phải tiến tới một thỏa-hiệp có lợi cho Hoa kỳ. Tuy nhiên Bắc Việt xưa nay đâu có phải là một tay sai ngoan ngoãn của Bắc-kinh hay Mạc-tư-khoa. Từ trước đến giờ, Hà-nội vẫn nổi tiếng trong chính sách đi dây giữa 2 đại cường Cộng sản. Nếu Bắc kinh áp lực Hà nội trái với nguyện vọng của họ, thì tất nhiên họ phải quay về phía Mạc-tư-khoa để cầu cứu. Cả hai anh khổng lồ Cộng sản đều không ai dám bỏ rơi cuộc chiến,

Đông Dương. Mỹ không thể chỉ thỏa hiệp với Bắc kinh hoặc với Mạc-tư-Khoa mà còn cả với những phe đang chiến đấu nữa. Điều đó Hoa-kỳ biết rõ hơn ai hết và đang chuẩn bị phương tiện để thực hiện.

Trở lại vấn đề LHQ, năm nay Đại Hội-đồng LHQ có việc thay đổi chức Tổng Thư-ký, ông Thant sẽ ra đi sau 10 năm tận tâm phục vụ tổ chức quốc tế này và có lẽ một nhân vật Bắc-Âu sẽ thay thế ông. Chức vụ Tổng-thư-ký LHQ thường dành cho một nước Trung lập. Trong khóa họp trước, ông Thant đã thất bại trong việc kêu gọi giải quyết hòa bình vấn đề VN. Trong khóa này, trước khi ra đi, ông lại đặt vấn đề các nước chia đôi có thể được chấp nhận vào LHQ. Như vậy là Nam Bắc VN, Nam Bắc Hàn, Đông Tây Đức nay mai đều có thể được chấp nhận vào LHQ. Tuy nhiên việc đó chắc chắn không thể xảy ra trong khóa này. Trong khóa này chỉ có vấn đề Trung-Cộng gia nhập LHQ là được đề ra và đa số 2/3 sẽ đạt được một cách dễ dàng vì Hoa kỳ sẽ bỏ phiếu thuận và những nước đàn em sẽ ồ ạt làm theo. Nhưng chỉ có vấn đề này là hóc búa: Trung-Cộng vào LHQ với tư cách nào? Với tư cách một hội viên thường thì chắc chắn Bắc-kinh bác bỏ. Với tư cách hội viên thường trực của Hội đồng Bảo an, thì tất nhiên phải loại bỏ đại biểu của Đài loan.

Điều này thật khó cho Mỹ. Vì từ trước đến nay Đài Loan vẫn ngồi ở ghế Hội đồng Bảo an. Hơn nữa Trung-hoa quốc gia lại là một hội viên sáng lập

của LHQ, làm sao gạt bỏ mà không mất tình mặt nghĩa được. Vì thế mà Hoa-kỳ chủ trương ghế Hội đồng Bảo-an dành cho Bắc-kinh còn ghế Hội-viên thường dành cho Đài-loan.

Chủ trương này không những b Đài loan chống đối kịch liệt vì là bước thứ nhất đẩy họ ra khỏi LHQ mà c Bắc kinh cũng không chấp nhận như đã phân tích ở trên.

Vậy nếu cuộc đầu phiếu tại LHQ được thực hiện đúng như chủ trương của Mỹ thì một là Trung-hoa Quốc-gia nhất định không chịu chấp-hành nghị-quyết vì hiện nay họ vẫn còn quyền phủ quyết. Hai là Trung-hoa quốc-gia sẽ tẩy chay LHQ trong khi đó Bắc-kinh cũng không chấp nhận ghế của Hội đồng Bảo an trong một tình trạng mập mờ hai nước Trung-hoa. Tình trạng đó sẽ gây rắc rối không nhỏ cho LHQ. Trong khi đó Bắc-kinh vẫn có thể dồn hết khả năng vào việc giải quyết điểm chính của họ là đẩy mạnh cuộc chiến tranh Đông Dương đã tới giai đoạn đặc biệt, giai đoạn mà Hoa-kỳ đang thực hiện rút quân và mỗi ngày một ngập sâu vào những khó khăn chính trị và kinh tế nội bộ.

Cuộc viếng thăm Bắc-kinh của Tổng thống Nixon trong những tháng tới sẽ cung cấp cho ta những dữ-kiện mới liên quan đến thái độ và hành động của Bắc-kinh trong cuộc chiến tranh Đông Dương và tại Tổ chức Liên-Hiệp-Quốc.

VIỆT PHƯƠNG

Nikita Krouchtchev

● T U T R I

Ngày 11-9-1971, Nikita Serguévitch Krouchtchev, cựu Thủ tướng và cựu Tổng Bí-thư đảng Cộng sản Nga sô đã trút hơi thở cuối cùng tại ngoại-ô Mạc-tư-khoa. Trong một cuộc sống 74 năm, lãnh tụ Nga Krouchtchev đã đóng một vai trò quan trọng không những trong lịch sử của Liên-bang Xô-viết mà còn trong lịch sử của thế-giới nữa.

Thật vậy, với Nikita Krouchtchev lên cầm quyền ở Điện Kremlin, Nga sô đã bắt đầu chuyển hướng. Từ địa vị một kẻ thù bất cộng đái thiên của thế giới tư-bản tự do, Nga sô dưới quyền lãnh đạo của Krouchtchev đã dần dần trở thành một người hàng xóm chấp nhận sống chung hòa bình, nếu chưa là một người bạn vui vẻ cộng tác với thế-giới này.

Krouchtchev đã là một gạch nối giữa chế độ bạo quyền của Staline và chính thể tương đối tự do hiện thời tại Nga. Về phương diện chính trị quốc-tế, Krouchtchev cũng là một gạch nối giữa chính sách gây hấn của một Nga sô theo Staline và chính sách mềm dẻo hiện thời. Tuy vậy vào lúc khởi đầu sự nghiệp của ông, không có một dấu hiệu nào cho ta biết rằng Krouchtchev sẽ theo một đường lối chính trị ôn hòa như vậy. Cho đến năm 1953 tức là cho tới năm 59 tuổi, cả sự nghiệp chính trị của Krouchtchev đã núp dưới bóng Staline, đã dính líu với



Nikita Krouchtchev

tất cả các vụ đàn áp đẫm máu của Staline. Nhưng đến năm 1956 chính ông lại là người khởi xướng phong trào hạ bệ Staline.

Núp bóng Staline

Nikita Serguévitch Krouchtchev sinh ngày 17-4-1894 tại Kalinovka, một làng nhỏ của vùng Ukraine màu mỡ. Nikita thuộc gia đình nông dân. Ông nội là một nông nô (serf) và cũng như bao nhiêu nông nô khác bị các lãnh chúa bóc lột. Nhưng qui chế nông nô dù sao cũng còn bảo đảm cho người dân cày Nga có cơm ăn áo mặc. Chế độ nông nô năm 1860 được Nga Hoàng Alexandre II hủy bỏ để giải phóng nông dân. Nhưng biện pháp này thay vì giải phóng họ lại đưa họ vào vòng làm thuê hơn. Ruộng cày chỉ có hạn mà nông nô lại quá đông nên chỉ có những người nào khôn ngoan mới được chia đất. Những

người còn lại không kể sinh nhai phải chuyển sang nghề khác. Serge Krouchtchev, cha của Nikita, đã phải bỏ vợ con ở nhà để làm thợ mỏ than ở Donetsk. Năm 1909, Nikita 15 tuổi cũng phải bỏ làng đến làm thợ mỏ ở Youzovka sống một cuộc đời lam lũ. Ngay trong giai đoạn này Nikita Krouchtchev đã nhận định được thực chất của chủ-nghĩa tư-bản. Sau này khi lên tới tột đỉnh danh vọng Krouchtchev còn nói rằng: «Tôi đã làm việc trong một nhà máy của người Đức, trong một mỏ than của người Pháp, trong một khu kỹ nghệ hóa học của người Bỉ. Nhưng dù thuộc quốc tịch nào đi nữa thì những người tư-bản cũng bắt tôi phải làm việc tới mức tối đa để hưởng lương tối thiểu.»

Tuy không ưa tư - bản, tuy bị tư - bản bóc lột, nhưng Nikita Krouchtchev đợi cho tới năm 1918 tức là năm 24 tuổi mới gia nhập đảng Cộng sản. Làm việc trong ngành kỹ nghệ mà Krouchtchev lại chỉ luôn luôn mơ tưởng tới đời sống nông thôn. Thật vậy, trong con người của Krouchtchev bản chất nông dân luôn luôn chi phối mọi tư tưởng, mọi hành động. Vùng Ukraine với những đồng cỏ hoang (steppe) bao la, với những đàn mục súc gặm cỏ, với những người dân cấy làm lưng bắng nông cụ thô sơ, với những bãi cát bỏng cháy vào mùa hạ, luôn luôn là những kỷ niệm êm đềm nhất trong cuộc đời lãnh-tụ của Nikita.

Ngay sau khi Lénine lên nắm chính quyền, một cuộc nội chiến đã bùng

nổ tại Nga giữa những bộ hạ của Nga hoàng và phe Cộng sản. Nikita Krouchtchev, lúc đó mới gia nhập đảng Cộng-sản, phục vụ trong Hồng quân Nga sơ do Trotsky vừa thành lập. Từ năm 1918 tới năm 1920 người ta không biết Krouchtchev đã làm gì trong quân đội. Nhưng đến năm 1920, khi cuộc nội chiến chấm dứt, người ta thấy Krouchtchev trở lại Youzovka với chức vụ Phó Giám-đốc các mỏ than truất hữu-hóa. Trong chức vụ này Krouchtchev đã phục vụ Đảng hết sức đặc lực: các mỏ than đã hoạt động lại được sau khi bị chiến tranh tàn phá.

Năm 1921, bà vợ đầu tiên của ông qua đời; Krouchtchev tuy gà trống nuôi hai con, nhưng cũng cố theo học tại Trường Kỹ thuật Hầm-mỏ vừa được thiết lập tại vùng Ukraine. Trước kia Krouchtchev có theo học được vài ba năm tại trường làng nên chưa viết và đọc được thông thạo. Vào trường Kỹ-thuật Hầm-mỏ là một dịp để ông trau dồi thêm kiến thức tổng quát và chuyên môn. Tại trường này, từ năm 1921 tới năm 1925, ông đã hết sức chuyên cần, vừa đi học vừa giữ nhiệm vụ hướng dẫn chính trị các bạn cùng học. Tốt nghiệp năm 1925 Krouchtchev đã biết đọc biết viết và có một số kiến thức tạm đủ về ý-thức-hệ Cộng sản. Như vậy cũng đủ để ông đảm nhiệm được chức vụ Bí thư Ủy ban Đảng bộ tại quận Petrovska-Marinski với trách vụ chấn hưng kinh tế trong vùng này. Trong giai đoạn này Krouchtchev đã tục

huyền với một nữ giáo viên tên là Nina Pétrovna, người sau này trở thành đệ nhất phu nhân của Liên-bang Xô-viết.

Khi Lénine từ trần năm 1924, thì Krouchtchev còn đang theo học tại trường Kỹ thuật Hầm-mỏ, nên chưa bao giờ có dịp gặp vị lãnh tụ này. Khi Krouchtchev bắt đầu nhận lãnh trách vụ trong đảng thì Staline đã nắm cầm quyền và đang tìm cách loại bỏ các đối thủ tả khuynh cũng như hữu khuynh.

Năm 1925, vừa tốt nghiệp, Krouchtchev đã được cử đi dự các Đại-hội của Đảng tại Ukraine cũng như Đại-hội toàn quốc ở Mạc-tư-khoa. Tại Đại-hội Đảng Cộng-sản Nga kỳ thứ 14, Krouchtchev, tuy không có quyền biểu-quyết, nhưng đã hô hét lớn hơn ai hết đề cổ võ Staline, khi Staline loại các đối thủ thân-hữu, như Zinoviev và Kamenev.

Năm 1927, Kaganovitch, cánh tay mặt của Staline và là lãnh-tụ tối cao của Đảng ở vùng Ukraine, cử Krouchtchev tới Kiev để công tác trong cuộc thanh trừng hữu phái. Trước sự đặc lực của Krouchtchev, Kaganovitch đã tìm mọi cách để nâng đỡ và đề bạt ông. Kaganovitch và Krouchtchev từ đó luôn luôn sát cánh trên con đường cầm quyền chính. Họ chỉ chia tay nhau vào năm 1957, khi Krouchtchev quyết định thanh trừng ông "xếp" cũ mà thôi.

Năm 1928, Kaganovitch được cử vào Ủy ban Trung ương Đảng vẫn không quên mang theo Krouchtchev tới Mạc-

tư-khoa. Tại đây Krouchtchev đã được thu nhận vào Viện Đại học Kỹ nghệ, nơi mà chính quyền Cộng sản Nga đào tạo các cán bộ ưu tú nhất để lãnh đạo quốc gia sau này. Từ năm 1929 tới năm 1931 Krouchtchev đã cố gắng học tập để chuẩn bị tương lai. Ngoài ra ông còn có dịp thi thố tài năng để phục vụ Staline trong công cuộc củng cố địa vị. Thật vậy, tại Viện Đại học Kỹ nghệ một số lớn các học viên có khuynh hướng thiên hữu, Krouchtchev đã nằm "vùng" trong tổ Cộng sản thiên hữu để giúp chính quyền thanh toán phe này. Kết quả là Staline, theo phúc-trình của Krouchtchev, đã thủ tiêu một số lớn các học viên hữu phái. Ngay cả Nadejda Allilouieva, vợ Staline, cũng không thoát khỏi tay Krouchtchev và đã phải tự vẫn khi cuộc tranh trừng bắt đầu.

Năm 1931, Krouchtchev rời Viện Đại học Kỹ nghệ để được cử làm Đệ-nhị Bí-thư của Ủy-ban đảng ở Mạc-tư-khoa trong khi Kaganovitch giữ chức Đệ-nhất Bí-thư. Trong giai đoạn này Krouchtchev đã tận lực giúp đỡ Kaganovitch thiết lập hệ thống xe điện hầm ở Mạc-tư-khoa. Hệ thống xe điện hầm Mạc-tư-khoa là một công trình trứ danh trên thế giới. Khiêm nhượng hay khôn khéo, Krouchtchev để mặc cho Kaganovitch hưởng trọn công lao.

Nhưng đến lại, Kaganovitch đã giúp cho Krouchtchev được cử làm Đệ-nhất Bí-thư Đảng ở Ukraine năm 1938 và kiêm nhiệm chức vụ Ủy-viên

trong Ủy-ban Trung Ương Đảng năm 1939.

Phó vương xứ Ukraine, Krouchtchev đã phải đối phó với cuộc xâm lăng của Đức quốc-xã. Ông đau đớn nhìn thấy quân Đức tàn phá vùng Ukraine thân yêu. Nhưng đề thi hành lệnh của Staline, ông cũng vẫn dùng kỷ-luật sắt buộc người dân Ukraine phải nỗ lực làm việc để kháng chiến cũng như để tái thiết sau khi bị Đức đẩy lui.

Tại Mạc-tư-khoa ông cũng giúp Staline tận diệt phe đối lập tả-khuynh Trotsky. Ông đã nhúng tay vào phong trào tàn sát các cấp chỉ-huy Hồng-quân Nga do Staline khởi xướng.

Từ năm 1925 tới năm 1935, Krouchtchev đã từ địa vị của một đảng viên tối tăm trở thành một lãnh tụ quốc gia. Giai-đoạn này trùng hợp với giai đoạn đàn áp đối thủ đẫm máu nhất của Staline. Núp dưới bóng Staline, Krouchtchev đã không ngần ngại tiếp tay với nhà độc tài đồ trong các vụ thảm sát bi đát nhất. Trong cuộc chiến tranh Nga-Đức tại vùng Ukraine, chiến dịch vườn không nhà trống đã được Krouchtchev áp dụng tích cực đến nỗi cả vùng này sau đó bị làm mồi cho nạn đói. Chính hai người con lớn của Krouchtchev cũng chết vì nạn đói này!

Krouchtchev cũng là một trong những người tôn thờ cá nhân Staline nhất. Năm 1944, với tư cách là «Phó vương Ukraine», Krouchtchev đã bắt

13 thi sĩ vùng này làm một bài thơ tặng «Staline vĩ đại» với những câu:

«Hôm nay và mãi mãi, xin cảm ơn Staline

«Đã cho ánh sáng tràn lan trên cây cỏ ruộng đồng

«Người là con tim của dân tộc, là sự thật, là đức tin

«Chúng tôi cảm ơn người đã làm cho mặt trời sáng tỏ.»

Nhưng 12 năm sau, chính Krouchtchev đã là người đầu tiên hạ bệ Staline vì lúc đó Krouchtchev không còn là một cộng-sự-viên của Staline có tầm mắt nhìn không quá vùng đất Ukraine nữa mà đã là lãnh-tụ một cường quốc mà mỗi quyết định đều ảnh hưởng đến cả thế-giới.

Hạ bệ Staline

Sau khi Đề nghị thể-chiến chấm dứt, Krouchtchev đã cố gắng phát triển canh nông vùng Ukraine nhưng bị thất bại. Malenkov, Béria, những tay chân của Staline đã cố gắng tìm cách hạ ông nhưng Krouchtchev chỉ bị thất sủng có vài tháng, rồi, lại được Staline vời về trao cho nhiệm vụ cai trị vùng Ukraine. Năm 1949 ông về Mạc-tư-khoa để phục vụ Staline hữu hiệu hơn Staline. Càng về già tính nết càng trở thành khó khăn. Ông bắt các cộng sự viên phải tuyệt đối tuân lệnh Krouchtchev đã biết cách khéo léo chiều chuộng Staline đến nỗi Staline say rượu bắt Krouchtchev ra giữa quan khách nhảy múa kiểu dân quê Ukraine,

ông cũng nhảy.

Tháng 3-1953, Staline qua đời, tuy Krouchtchev được trao vinh dự tổ chức đám táng, nhưng sau đó ông đã kín đáo rút lui vào hậu trường để Malenkov giữ chức vụ Thủ tướng và Đề nhất Bí thư đảng.

Trong khi Malenkov cầm quyền thì Krouchtchev hoạt động trong bóng tối để nắm guồng máy đảng, loại trừ tay chân của Malenkov trong đảng, đi khắp các vùng trong nước đề ra những biện pháp mới lạ. Vào mùa hè 1953 Béria, trùm mật vụ, bị thủ tiêu. Người ta không biết rõ vai trò của Krouchtchev trong vụ này. Có thể Krouchtchev đã đề cho Malenkov hạ Béria để trừ hậu hoạn. Có thể chính Krouchtchev đã loại Béria để Malenkov mất một lực lượng yểm trợ.

Tháng 9-1953, sau khi nắm được guồng máy đảng, Krouchtchev được cử làm Đề nhất Bí thư Đảng Cộng sản Nga. Và từ đó Krouchtchev phát động phong trào đả kích các bộ chuyên môn. Bộ Kỹ nghệ không sản xuất đủ máy cày, bộ Giao thông không chuyên chở hàng hóa đúng hạn. Tuy không đả kích đích danh Malenkov, nhưng vì Malenkov làm Thủ tướng mà lại là một kỹ sư nên phong trào đả kích của Krouchtchex làm Malenkov mất dần uy tín.

Để có sự ủng hộ của dân chúng, Malenkov muốn sửa đổi chính sách kinh tế, sản xuất phẩm vật tiêu thụ hơn là đẩy mạnh kỹ nghệ nặng, phát triển ngành canh nông hơn là kỹ nghệ. Nhưng Malenkov đã thất bại

trong chính sách này khiến cho Krouchtchev được dịp tố Malenkov là bất tài và đi ngược lại với đường lối Cộng sản từ 25 năm qua.

Tháng 2-1955 Malenkov từ chức và tự kiểm thảo. Loại được Malenkov, Krouchtchev trở thành lãnh tụ tối cao của Liên bang Xô viết. Tuy Thống chế Boulganine được cử làm Thủ tướng nhưng chỉ đóng vai bù nhìn, bao nhiêu quyền bính trong nước được tập trung trong tay Krouchtchev, và chỉ bắt đầu từ giai đoạn này người ta mới thấy cá tính của Krouchtchev xuất hiện thực sự.

Thật vậy, từ trước tới nay Krouchtchev chỉ luôn luôn đóng vai trò một tay sai ngoan ngoãn của Staline, lúc nào cũng vui lòng làm đẹp lòng chủ. Chỉ bắt đầu từ khi làm chủ cả Nga sô người ta mới nhận chân được con người phức tạp của Nikita Serguévitch Krouchtchev. Khi thô lỗ cục cằn, khi tế nhị kín đáo Krouchtchev có biệt tài là nói nhiều không ngớt. Trong các buổi tiếp tân ngoại giao, người ta đã từng thấy một Krouchtchev lịch thiệp nhã nhặn đến độ hôn tay bà Kennedy tại Vienne năm 1960, đúng theo truyền thống của các vị Nga hoàng. Nhưng nếu cần, Krouchtchev lại có thể trở thành, một nhân vật thực cục cằn. Trước Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc, vào mùa thu năm 1961, ông đã rút giấy ra đập lên bàn chan chất đề át lời đối thủ.

Tuy bề ngoài thay đổi như vậy, nhưng bề trong người ta thấy có một

Krouchtchev mang nặng bản chất nông dân, tính toán nhưng hiểu biết các vấn đề của Nga sô và của thế giới. Ông biết rằng dân chúng Nga sô đã hy sinh quá nhiều để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nay chủ nghĩa xã hội đã vững mạnh ông không còn lý do gì để tiếp tục đường lối của Staline bắt dân thắt lưng buộc bụng để chế tạo súng đạn. Hơn nữa cuộc thi đua võ trang giữa Nga và Mỹ chỉ đưa thế giới tới một cuộc chiến tranh nguyên tử và một cuộc tự sát tập thể. Vì vậy mà Krouchtchev đã quyết định mở màn cho một giai đoạn mới, một chính sách mới. Để thực hiện chính sách mới Krouchtchev phải dứt khoát với đường lối của Staline.

Tháng 2-1956 trước Đại hội đảng Cộng sản Nga kỳ thứ 20, ông đã khởi đầu phong trào hạ bệ Staline và đưa ra chủ trương sống chung hòa bình với Tây phương. Trước Đại hội đảng thứ 21 vào năm 1959, Krouchtchev đã tung ra kế hoạch phát triển 7 năm nhằm đẩy mạnh việc sản xuất phẩm vật tiêu thụ để nhân dân cải thiện mức sống vật chất. Khẩu hiệu «bớt súng đại bác, thêm bơ sữa» được tung ra để đánh dấu sự chuyển hướng của lịch sử Nga sô.

Các đối thủ còn lại của Krouchtchev đã tố cáo ông là theo đuổi một «chủ nghĩa Cộng sản bơ sữa» cũng bị loại ngay từ năm 1957. Trong những người bị thanh trừng vào dịp này có cả Kaganovitch, «xếp» cũ của Krouchtchev.

Với Krouchtchev, xã-hội Nga đã dần dần trường giả hóa.

Các cửa hàng bắt đầu có đầy phẩm vật. Dân chúng ăn ở sung sướng hơn, có nhiều tiện nghi hơn. Người dân Nga bắt đầu tính chuyện mua xe hơi, tủ lạnh. Với Krouchtchev, tình trạng căng thẳng trên thế giới đã giảm đi rất nhiều. Ông đi du lịch khắp hoàn cầu mang theo một nụ cười dễ thương, với những câu đối đáp dí dỏm chứa đầy phương ngôn tục ngữ của người dân quê Nga. Ông sang Mỹ gặp Tổng thống Eisenhower, sang Pháp gặp tướng De Gaulle, sang Anh diện kiến với Nữ hoàng Elisabeth. Dưới triều đại Krouchtchev Nga sô không còn có bộ mặt dữ dằn bí mật như dưới thời Staline nữa. Với Krouchtchev cuộc đối thoại giữa Đông-Tây được thực sự khởi đầu.

Tuy nhiên Krouchtchev là con người muôn mặt. Nếu ông tỏ ra hòa hoãn với Tây phương đến độ phải nhượng bộ Mỹ trong vụ Cuba cuối năm 1962, thì ông cũng có những cơn giận dữ ghê gớm. Năm 1960, chỉ vì máy bay U-2 của Mỹ thám thính trên không phận Nga sô mà ông đã đập bàn đập ghế tại Điện Chaillot ở Paris và phá hội nghị tay tư Anh-Nga-Pháp-Mỹ được triệu tập tại thành phố này. Tuy hòa hoãn nhưng ông không ngần ngại đàn áp phong trào tự-do-hoá ở Hung-gia-ly năm 1956. Để thương thuyết với Tây phương một cách hữu hiệu, Krouchtchev cần phải có một khối Cộng sản hùng hậu và đoàn kết. Do đó Krouchtchev không

thề đề cho các nước Cộng sản có một thái độ độc lập đối với Nga xô. Nhưng chính vì Krouchtchev chủ trương tự do hóa chính thể Nga xô và sống chung hòa bình với Tây phương mà ông đã vấp phải sự chống đối mạnh mẽ của Trung Cộng.

Mao Trạch Đông luôn luôn có tham vọng đóng vai lãnh tụ khối Cộng sản. Trước mặt Krouchtchev vô học, Mao thường có một thái độ kẻ cả của một lý thuyết gia. Hơn nữa, Mao lo rằng phong trào hạ bộ Staline ở Nga sẽ lan tràn sang Trung Cộng để trở thành phong trào hạ bộ Mao. Sau hết chỉ vì chủ trương sống chung hòa bình với phe tư bản mà Krouchtchev không chịu trao cho Trung Cộng những bí mật nguyên tử. Những bất đồng ý kiến trên đã là nguồn gốc của cuộc tranh chấp Nga-Hoa thật sự bùng nổ từ năm 1963.

Tháng 10-1964 cả thế giới sửng sốt khi nghe tin Krouchtchev bị Trung ương Đảng lật đổ. Ngay hôm sau khi Krouchtchev rời khỏi chính quyền, Trung Cộng cho nổ quả bom nguyên tử đầu tiên và tập đoàn Podgorny, Brejnev, Kossyguine tuyên bố muốn hòa giải với Trung Cộng, nên người ta đã tưởng rằng ông bị lật đổ về vấn đề Trung hoa. Nhưng chỉ vài tháng sau, người ta thấy chính thể mới vẫn tiếp tục đường lối của Krouchtchev, tức là vẫn theo đuổi việc nâng cao mức sống vật chất của dân chúng và sống chung hòa bình với các nước tư bản. Như vậy Krouchtchev bị hạ bộ chỉ là một vấn đề tranh chấp cá nhân còn

chính sách của ông quả đã đưa Nga xô vào một con đường mới, tốt đẹp hơn và hợp lý hơn. Công cuộc dân chủ hóa Nga xô và chính sách sống chung hòa bình do ông khởi xướng là những phong trào không thể đảo ngược lại được (irréversible). Ông đã hành động theo đúng trào lưu của lịch sử. Đó là công lao lớn nhất của ông trong lịch sử thế giới.

Sau khi rời bỏ Điện Kremlin, Krouchtchev đã trở về sống ẩn dật tại một căn biệt thự nhỏ ở vùng ngoại ô Mạc tư khoa. Ông ngày ngày đọc sách, làm vườn, ít khi xuất hiện trước công chúng. Năm 1970, bỗng dưng cả thế giới sôi nổi nhắc đến ông và tập hồi ký của ông được phổ biến tại Hoa kỳ. Tuy cả ông, cả bà Krouchtchev cùng tuyên bố là cuốn hồi ký này chỉ là một "trò bịp bợm", nhưng vì nó chứa đựng nhiều sự kiện sát với lịch sử nên nhiều người vẫn tin rằng chính Krouchtchev đã là tác giả của thiên hồi ký này.

Ngày 11-9-1971 Nikita Serguévitch Krouchtchev đã lìa đời về chứng bệnh đau tim, hưởng thọ 77 tuổi. Đám tang của ông được cử hành trong một bầu không khí ảm đạm thê lương với khoảng hơn 100 người, không có sự hiện diện của một lãnh tụ cầm quyền nào. Cái chết của ông chỉ được các báo chí Nga, nói riêng và báo chí Cộng sản nói chung, đề cập thoáng qua. Ngược lại tại các quốc gia tư bản người ta lại tỏ ra hết sức xúc động. Đối với báo chí Mỹ, ông là một trong những

nhân vật lịch sử vĩ đại nhất của thế giới. Tại Ý người ta cho ông là một chính trị gia can đảm và có tài. Tại Anh người ta cho rằng ông đã có công lớn trong việc hòa giải Đông-Tây. Tại Nga tuy không có ai dám tán dương sự nghiệp của ông, nhưng riêng việc ông được chết một cách êm ả trên giường bệnh, đã nói lên sự thành công của ông trong công cuộc tự do hóa chế độ ở Nga. Thật vậy, theo thường lệ thì các lãnh tụ Cộng sản Nga, kể cả Staline, đều qua đời trong những điều kiện bí mật, nếu không trong các vụ thanh toán đẫm máu. Cái chết của Krouchtchev tuy khiêm tốn nhưng không kém về vĩ đại như cái chết của tướng De Gaulle.

oOo

Nikita Serguévitch Krouchtchev đã nằm xuống, tuy ông chỉ được chôn tại một nghĩa trang hạng nhì ở ngoại ô Mạc tư khoa, nghĩa trang Novodevichy, nhưng ông đã qua đời vào lúc mà bang giao giữa thế giới tư bản và cộng sản đang bước vào một giai đoạn tốt đẹp nhất. Tại Bá linh tứ cường đã đi tới thỏa hiệp, Tổng thống Nixon sửa soạn sang Bắc kinh, và Hội nghị giảm vũ khí nguyên tử (SALT) đang tiến triển khả quan.

Cuộc đời của Krouchtchev là một

chuỗi dài thành công. Từ địa vị một chú nông dân đời thành thợ mỏ cho đến địa vị một lãnh tụ tối cao của Nga xô, từ mỏ than Youzovka tới Điện Kremlin, ông đã phải vận dụng đủ mọi thủ đoạn, đóng đủ mọi vai trò, mang đủ mọi bộ mặt. Ông lần lượt là một cấp chỉ huy nghiêm khắc, một nịnh thần qui lụy, một lãnh tụ khi thô lỗ khi lịch thiệp, khi nóng nảy khi bốc đồng, khi kiên nhẫn chịu đựng. Nhưng qua các vai trò, qua các bộ mặt khác nhau, ông vẫn theo dõi một mục tiêu là phục vụ một nước Nga xã hội, nhưng cố gắng giới hạn sự khắt nghiệt của chế độ Cộng sản. Khi Đức quốc xã xâm lăng vùng Ukraine của ông, tuy là dân sự, ông đã khoác quân phục để khuyến khích kháng chiến. Tuy quân phục khoác trên vai ông, chẳng khác "một cái yên ngựa buộc trên lưng con bò cái", nhưng Krouchtchev đã áp dụng một kỷ luật sắt để tổ chức công cuộc giải phóng lãnh thổ. Khi quân thù bị đẩy lui ông đã lại nghĩ ngay tới việc phát triển canh nông đúng theo bản tính nông dân của ông. Đối với Krouchtchev, mọi phương tiện, kể cả tàn sát đối thủ, đều có thể được sử dụng, miễn là đạt được mục tiêu tối hậu là phục vụ Nga xô trong một thế giới hòa bình.

TỪ TRÌ

Tin mừng

Được tin NGŨ HUỲNH và HỒ THỊ TRÂM sẽ làm lễ thành hôn tại Hội-an vào ngày 29-9-71 (11-8 Tân Hợi)

Thành thật chúc mừng HUỲNH-TRÂM trăm năm đầm-ấm.

TRẦN CÔNG CHÍN
TRẦN CÔNG NGHỊ

PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 9-1971 :

Muốn hiểu rõ các **danh từ mới**,
như bồ xung, môi trường, mỹ hóa,
cốt cán, thiên địa chiến, du kích
chiến v.v...

*Các chánh khách, sinh viên, học sinh,
giáo sư, ký giả....
tìm đọc :*

NÓI CÓ SÁCH

do **VŨ BẰNG** biên soạn

Trong Tủ sách Nghiên cứu



NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG

xuất bản

ĐÃ PHÁT HÀNH:

V

CON SÂU

truyện dài DƯƠNG NGHIÊM MẬU

- *tiếng kêu thất thanh của tuổi trẻ mồ côi trên đất nước lửa đạn và xã hội phá sản*
- *hi vọng của tuyệt vọng trong tình bạn, tình yêu, tình người...*

NGUYỄN-ĐÌNH-VƯỢNG xuất bản

Một người Gia-nã-đại và nghệ thuật của Phạm-Duy

Phạm-Duy một nghệ thuật khúc điệu

*Hãy nhìn cho khá sâu xa
và sẽ nhìn thấy khúc điệu*

CARLYLE

Về nét vẽ và hình dáng...

Đối với tôi, một khúc điệu của Phạm Duy trước hết là một nét vạch trên giấy. Bởi vì nếu khi nghe một khúc điệu ta thấy rõ cơ cấu thanh âm của nó, thì khi nhìn khúc điệu ấy, chúng ta lại thấy rõ ràng cấu trúc trí năng của nó. Trong ba mươi năm bình giải về nghệ thuật Phạm Duy, theo như tôi được biết thì người ta chưa bao giờ chú trọng nhiều đến khía cạnh thị giác ở các khúc điệu của nhạc sĩ ấy. Mặc dù ở một nhà soạn nhạc Việt Nam, chưa bao giờ danh từ *nét nhạc* lại có nhiều ý nghĩa như ở Phạm Duy. Hãy xem qua, không cần chọn lựa các bản hợp phổ của *Khởi tình Trương Chi*, *Thu chiến trường*, *Nương chiều*, *Về miền Trung*, *Em bé quê*, *Dạ lai hương*, *Tình ca*, *Tình nghèo*, *Ngày trở về*, *Kiếp nào có yêu nhau*, *Ngày đó chúng mình*, *Tâm sự gửi về đâu*, *Mùa xuân yêu em*, *Huyền sử ca một người mang tên Quốc Người yêu của cán bộ*, *Mùa thu chết*, *Khi tôi về*, các liên hợp phổ trong hai thiên

Trường ca, của một số *Đạo ca* và của nhiều bài khác, hoặc cũ hoặc mới : thường khi mắt đã trông thấy trước những cái tuyệt mỹ mà tai sắp được nghe. Sự thực thì có thể nói mà không sợ quá đáng rằng ở Phạm Duy cũng như ở Mozart, Schubert hay Chopin, nhiều khi một khúc điệu đã đẹp mắt sẵn trên giấy trước khi đẹp tai nghe. Nhưng lại còn hơn thế nữa. Đối với những ai biết đọc nhạc thì sự nghiên cứu cẩn thận một bản hợp phổ của Phạm Duy cho thấy thêm một bằng chứng nữa, nếu cần, rằng phần nhiều các khúc điệu ấy vừa là kết quả của cảm hứng vừa là kết quả của công phu. Thực ra sự kết hợp diệu kỳ của lý trí và tình cảm nơi Phạm Duy — sự kết hợp làm cho thiên tài khác với thứ tài năng thông thường — sự kết hợp ấy nhìn vào giấy cũng nhận ra được như là nghe bằng tai. Nếu muốn thấu hiểu đến nơi đến chốn cái luận lý tiềm tàng lớn lao ngụ trong rất nhiều tác phẩm của người nhạc

sĩ ấy, trước hết phải xét đến bản nhạc viết trên giấy. Một cách tìm hiểu có thể soi sáng và phát giác được nhiều bí ẩn trong nghệ thuật khúc điệu của Phạm Duy. Sự thực thì nghiên cứu một bản hợp phở của Phạm Duy là xem nghệ sĩ làm việc, là theo dõi nghệ sĩ trong bí thuật luyện kim qua cách soạn nhạc.

Nhân tiện cũng nên ghi nhận công phu thận trọng của Phạm Duy trong việc chép các khúc điệu của mình. Từ khi tôi bắt đầu ngành nhạc học đến nay, mắt tôi đã xem qua hàng trăm bản hợp phở, hoặc đề đánh đàn hoặc đề hát, vậy mà ít khi tôi trông thấy những bản hợp phở được viết kỹ càng như của Phạm Duy. Bản viết rõ ràng là chính xác một cách kiểu mẫu, những hợp phở ấy chứng tỏ rằng nét nhạc trong tâm tư đã hoàn toàn đồng hóa với nét nhạc trên giấy. Thật là tác giả các *Trường ca* đã có tài viết nhạc điệu xảo. Hãy xem kỹ những đoạn nhạc như *Ai vô xứ Huế thì vô*, *Ai đi trên dặm đường trường*, *Nước non ngàn dặm ra đi*, *Mẹ xinh đẹp*, *Những dòng sông chia rẽ*, *Chớp bề mưa nguồn*, hãy xem kỹ các bản hợp phở của *Đạo ca một*, *Đạo ca 4*, *Đạo ca 5* và *Đạo ca 7*, hãy xem các bản hợp phở của hàng chục ca khúc khác... Thật là tuyệt diệu! Nhất là thật đáng cho ta học hỏi! Mỗi nhịp, mỗi nốt nhạc, mỗi dấu lặng, tất cả đều được ghi rõ ràng, chính xác, tỉ mỉ, bất cứ đoạn nhạc khó khăn ra sao. Ở đây thực sự phải nói là có một khoa học viết nhạc, nhưng lại phải nhấn mạnh rằng khoa học đó

có quan trọng đến đâu đối với Phạm Duy nó vẫn không bao giờ là một cứu cánh. Trái lại nơi mỗi tác phẩm, chính khoa học phục vụ cho sự phô diễn nghệ thuật, chính khoa học phục vụ cho ý nhạc và không có mục đích nào khác hơn là ghi cho thật chính xác khía cạnh bất trị và biến ảo của ý nhạc đó. Vậy nếu có xảy ra trường hợp khúc điệu Phạm Duy bị trình bày kém sút ít nhiều thì không thể đổ lỗi cho những thuyết điềm hay những sự mập mờ nơi bản viết của tác giả, bởi lẽ giản dị là không hề có những cái đó bao giờ. Thực ra, nói về chuyện trình bày, có thể rằng đôi khi ý kiến của Phạm Duy gần với của Maurice Ravel và Igor Strawinski vốn cũng là những nhạc sĩ rất cẩn thận trong việc ghi nhạc trên bản thảo, và muốn rằng người ta đừng «trình bày» tác phẩm của họ mà chỉ nên «chơi đúng những gì đã được viết thôi»... Tất nhiên người ca sĩ hay nhạc sĩ giỏi nhất về lý thuyết âm nhạc không nhất thiết phải là người trình bày nhạc Phạm Duy hay nhất. Không phải tất cả đều nằm trong nốt nhạc viết ra, còn có nhiều cái vượt khỏi chữ viết, ở ngoài những ký hiệu chỉ đủ diễn đạt tư tưởng một cách tương đối. Và những «cái» đó, chỉ một diễn viên có tình cảm và năng khiếu siêu đẳng mới khám phá và mới trình bày ra được. Chính vì thế mà Thái Thanh đã trở thành một người trình bày nhạc Phạm Duy giỏi nhất, hoàn toàn nhất. Ở nơi người đàn bà ấy sự hòa hợp giữa lý trí và tính cảm,

giữa cảm xúc và năng khiếu đạt đến mức ngang bằng với sự hòa hợp giữa lý trí và tình cảm, giữa cảm xúc và năng khiếu nơi Phạm Duy. Nói thế là đa ngôn, nhưng cũng là nói lên tất cả những điều cần nói.

Có thể nói mỗi một khúc điệu của Phạm Duy đều xứng đáng được phân tích riêng biệt. Nhưng phân tích tất cả các khúc điệu của Phạm Duy là điều vượt quá phạm vi loạt bài này, bởi vậy trong những trang sau đây tôi chỉ xin nhấn mạnh vào một vài đặc điểm căn bản của nghệ thuật khúc điệu Phạm Duy và nêu lên những nét chi tiết của sự cấu tạo khúc điệu mà tôi đặc biệt chú ý. Tóm lại, mục đích của tôi là cố gắng *qui định* càng đúng càng hay, cái gì đã làm ra *tính cách duy nhất và cá biệt* của nghệ thuật khúc điệu Phạm Duy. « Hãy tìm lại nguồn ; hãy làm cho nguồn trong sạch ; như thế ta có thể nghe tiếng reo hát của nguồn » Tôi yêu câu nói ấy của Maurras bởi vì nó hợp với câu chuyện của tôi : tìm lại các khúc điệu Phạm Duy với tất cả sự thuần túy của chúng để chúng càng cất lên tiếng hát tuyệt diệu hơn nơi chúng ta...

Mục đích của mọi sáng tác không nhất thiết phải tạo cho kỳ được một xúc động, một cảm giác, một tư tưởng, nhưng mà là diễn đạt trung thành một tình cảm hay một cảm giác của chính tác giả Phạm Duy là nghệ sĩ, nhưng không phải vì đã diễn đạt trung thành những cảnh đời và những tình người mâu thuẫn và cực đoan, mà vì sự xúc động mạnh mẽ của ông trước

cảnh đời cùng tình người ấy. Sự xúc động đã đem lại một không khí tình cảm riêng cho tác phẩm nghệ thuật của ông. Trước tôi, đã có những người khác từng nhấn mạnh về khía cạnh *tự nhiên*, không gượng ép ấy của nghệ thuật Phạm Duy. Nhưng vì sao mà có cái ấy ? Sự thực thì không khí âm nhạc hay thi ca của người nào là biểu thị của thể chất người ấy. Mozart, Schubert, Chopin — và Phạm Duy — sống trong âm nhạc, bởi vì họ sống trong cơn sốt. (« Cơn sốt là cái gì gần với âm nhạc hơn cả », họa sĩ Gavarni đã nói thế...) Âm nhạc đối với họ là tự nhiên. Âm nhạc phát xuất tự nhiên ở họ bởi vì âm nhạc trong lĩnh vực tinh thần của họ cũng giống như sự run rẩy và mồ hôi trong lãnh vực thể chất. Đối với những nghệ sĩ như thế thì nghệ thuật là một cảm hứng không ngừng. Hơn thế nữa : một sự hô hấp. Mozart, Schubert, Chopin, Phạm Duy là nhạc sĩ, là nghệ sĩ cũng như họ thở vậy. Dù tác phẩm của họ có trau chuốt công phu đến đâu, tác phẩm ấy cũng không bao giờ khiến người ta có cảm tưởng là một cố gắng xây dựng. Nó là một thứ *linh giác* và cái đã sống đã đạt đến chỗ cực đỉnh của nó trong nghệ thuật có thể không đạt được mức ấy trong cuộc đời thực tại. Mặt khác, tôi không quên rằng Mozart, Schubert và Chopin chỉ là nhạc sĩ, còn Phạm Duy thì vừa là nhạc sĩ vừa là thi sĩ. Để nói ra những gì cần phải nói trong tư cách nghệ sĩ, Mozart, Schubert và Chopin

chỉ cần có một ngôn ngữ âm nhạc mà thôi. Để diễn đạt con người nghệ sĩ của mình, Phạm Duy vừa cần đến ngôn ngữ thi ca vừa cần đến ngôn ngữ âm nhạc. Thực ra, đây chỉ là một vấn đề phương tiện và không thay đổi gì về những điều tôi đã viết ở đầu đoạn này.

Nhưng hãy trở lại cái «đà sống» mà tôi vừa mới nói đến. Bởi vì chính là phải tìm ra nguồn gốc, điểm xuất phát của quá trình sáng tạo Phạm Duy từ cái đà sống ấy. Chính do tính chất riêng của mỗi thứ ngôn ngữ, thi ca và âm nhạc, mà cái đà sống của nghệ sĩ này có thể nhận định dễ dàng trong âm nhạc hơn là trong thi ca nhiều. Có thể nói khúc điệu của Phạm Duy không phải là một cách *bình giảng* lời thơ. Trái lại thường khi tôi thấy rằng như thể khúc điệu ấy là một cách *xác định lại bài thơ về giá trị âm thanh và âm nhạc của nó*. Đó là điều khiến cho các khúc điệu của Phạm Duy dù sao vẫn là những khúc điệu *thuần túy*, tự nó đẹp, không cần đến lời thơ. Cũng như thế, các bài thơ của Phạm Duy tự nó hay và đẹp, không cần đến điệu nhạc. Tất nhiên, nghệ thuật của soạn giả chỉ đạt đến tác dụng cực điểm của nó khi mà tác phẩm được đưa ra đúng như trong ý niệm nguyên thủy, nghĩa là với cả lời lẫn nhạc. Mặt khác, có một sự khác biệt vô cùng tế nhị giữa những khúc điệu do Phạm Duy soạn ra với lời thơ của mình, và những khúc điệu ấy soạn ra với lời thơ

kẻ khác. Tôi sẽ không giải thích tính chất của sự khác biệt ấy, tôi chỉ nói thế này : hình như sự khác biệt ấy là do ở chỗ các khúc điệu làm ra với thơ của mình thì tác giả ít nhiều đã nghĩ ra *cùng một lượt* với lời thơ, còn các khúc điệu làm ra với thơ kẻ khác thì nhạc sĩ dĩ nhiên đã soạn ra *sau* lời thơ ít nhiều. Hơn nữa, thơ Phạm Duy và thơ các thi sĩ Việt nam khác, mỗi bên có tính chất và không khí riêng, nhưng phải đợi ở một nghệ sĩ nhạy cảm như Phạm Duy thì sự khác biệt rất tế nhị đó mới được biểu lộ trong các khúc điệu phổ nhạc các lời thơ ấy vậy.

Trước tôi, người ta đã nhận thấy rằng Phạm Duy đã phổ nhạc lời thơ của các thi sĩ mà ông yêu thích với sự cảm xúc và hoàn mỹ như thế nào. Thực ra, nó hoàn mỹ đến nỗi người ta gần như có thể tưởng rằng những câu thơ nọ của Lưu Trọng Lư, Hồng Nam, Thế Lữ, Hoài Trinh, Hàn Mặc Tử, Cung Trầm Tưởng, Lê Lan, Lê minh Ngọc và của nhiều người khác, tự nó vốn đã hàm chứa một thứ âm nhạc ít nhiều mơ hồ và Phạm Duy chỉ cần bắt lấy cái âm nhạc ấy, rồi viết ra dưới bài thơ, thế là xong. Nhưng sự thực không phải giản dị như thế. — Thế mà... Khi viết đến những giòng này, tôi chợt nhớ đến câu nói của nhà thơ Anh quốc Byron : «Ở mọi vật đều có âm nhạc, nếu người ta có tai nghe.» Thật vậy, cần phải có một nghệ sĩ với xúc cảm siêu đẳng thì mới có thể chuyển những lời thơ ấy thành những âm

thanh đẹp để tuyệt vời đến thế. Tóm lại, để có thể có một bản phổ nhạc hoàn toàn như vậy, tất nhiên cần phải có một nghệ sĩ *vừa là một thi sĩ vừa là một nhạc sĩ*, sâu sắc như nhau.

«Tú nhạc không có gì là trừu tượng hết.» Câu nói ấy của Gabriel Marcel đặc biệt thích hợp với các khúc điệu của Phạm Duy. Thực ra, tự nó, khúc điệu không liên quan với một hành động nào cả, và cũng không đưa tới một hành động nào cả. Nó như thể là một cú cánh đầy đủ. Nhạc chỉ dùng để giải thích hành động; đề tài là một phương tiện để quảng diễn tư tưởng, còn khúc điệu thì không dùng làm gì cả. Nó đem đến sự giải thoát. Khúc điệu là một cái, còn tất cả những thiết bị âm nhạc lại là một cái khác. Thực vậy, với khúc điệu người ta không thể làm được gì cả. Mỗi khúc đều có đặc tính phát lộ một chân lý thâm thiết nào đó, khám phá cái thực tại nguyên thủy, trong tâm lý và tinh thần của kẻ đã tạo ra khúc điệu ấy. Khúc điệu cho thấy bản chất của chủ thể chứ không phải của đối tượng. Điều này đặc biệt dễ nhận thấy ở những khúc ca không do Phạm Duy đặt lời. Ở đây, trước hết, khúc điệu cho chúng ta thấy thái độ của Phạm Duy đối với lời thơ, cho chúng ta thấy sự bối rối và cảm xúc của ông. Sự thực có thể nói rằng ở Phạm Duy cũng y như ở Schubert, bài

thơ thường khi là một cái cớ để cho cái vốn trữ tình lớn lao lúc nào cũng sẵn sàng nơi hai nhà nghệ sĩ ấy được tự do tuôn trào ra.

Dù như vậy, mục đích của tôi không phải là muốn *tách rời* khúc điệu của Phạm Duy khỏi thi phẩm của ông, mà trái lại, là muốn đặt mối *liên quan* chính xác giữa hai bên và làm sống tỏ theo một lối mới quá trình sáng tác nghệ thuật nơi nhà soạn giả của chúng ta. Bởi vì — ở đây tôi đang nghĩ đến *Tiếng sáo thiên thai*, *Thuyền viễn xứ*, *Tình nghèo*, *Kiếp nào có yêu nhau*, *Văn thơ sầu rụng*, *Kiếp sau*, *Tiền em*, *Ngậm ngùi*, *Tâm sự gửi về đâu*, *Mùa xuân yêu em*, *Tôi đang mơ giấc mộng dài*, *Khi tôi về*, *Mùa thu chết* và đến một số bài khác nữa tôi cảm thấy có những ca khúc của Phạm Duy trong đó thơ và nhạc hòa hợp một cách hoàn hảo đến nỗi tôi tưởng rằng mình sẽ không bao giờ nghe lại bài thơ mà không nghĩ đến khúc điệu của Phạm Duy, cũng như không bao giờ có thể nghe khúc điệu Phạm Duy mà không nhớ đến bài thơ.

Hector de Saint-Denys Garneau, nhà thi sĩ Gia mã Đại mà tôi rất yêu mến, đã từng viết: «Cái gì cũng là thơ; miễn là có một thi sĩ!». . . Nhưng tôi, tôi muốn thêm, như sau:

Thơ nào cũng là nhạc, miễn là có Phạm Duy!

(còn tiếp)

GEORGES ETIENNE GAUTHIER

Montréal Canada 7-71.

(THU THỦY dịch)

ĐẠI - Á - NGÂN - HÀNG

Trụ-sở chính : 61 65, Hàm-Nghi Saigon

Đ. T. 98.460 — 98.700

Chi nhánh Chợ Lớn : 47-49 Tổng Đốc Phương

ĐT 51.047

Chi nhánh Cầu Ông Lãnh : 21, Bác sĩ Yersin

ĐT 99.386

Chi nhánh Gia-Long : 121-123, Gia-Long

ĐT 96.927

Chi nhánh Biên Hòa : 10, Nguyễn Hữu-Canh

ĐT 36

Chi nhánh Ban mê thuật : 16, Amatrang Long

ĐT 148



— Thực-hiện tất cả mọi nghiệp-vụ
ngân - hàng :

*Nhận tiền ký-Thác, chuyển ngân, Trương-mục
tiết - kiệm, Nghiệp - vụ tín - dụng, Hối - Đoái,
Xuất-nhập-cảng v.v...*

— Phục-vụ thân-chủ trong tôn chỉ :

LỊCH-THIỆP — NHANH CHÓNG

CHÍNH XÁC — KÍN ĐÁO

Bác-sĩ Dewey với phương-pháp nhịn ăn

Kính tặng các Sinh viên Y khoa Việt-nam

Tuy rằng tác-phẩm «*Tuyệt thực đi về đâu?*» của ông Thái-Khắc-Lễ đã ra đời nhưng thiết-tưởng quan-niệm cao quý của một danh-y Tây-phương khả-kính suốt đời hi-sinh thân-thể để cứu giúp các bệnh nhân bằng phương pháp tuyệt thực không phải là thừa nên tôi cũng không ngần ngại tóm lược đại-ý để giới-thiệu cùng các độc giả gọi là đóng góp một chút công đức trong lúc phong trào dưỡng sinh Ohsawa đang lớn mạnh trên đất nước Việt-nam này. . .

Bác-sĩ Dewey kể cho chúng ta như lời mở đầu cho sự tường thuật phương pháp của ông rằng ngay từ lúc đầu trong sự học thuốc lòng tin của ông vào giá-trị trị liệu các dược phẩm hết sức hạn chế. Quan niệm này càng lớn mạnh hơn nữa sau một thời gian tập-sự với tư cách y-sĩ ở Bệnh viện Chattanooga, nơi mà ông có dịp chữa cho nhiều bệnh nhân và người bị thương. Ở đây ông đã có thể nhận thấy rằng số những trường hợp lành bệnh dưới sự chữa trị của ông cũng như dưới sự chăm sóc của các bác sĩ đồng nghiệp chẳng phải do tác dụng trực tiếp và tỷ lệ với lượng thuốc cho người bệnh dùng. Nhưng những sự lành bệnh tùy thuộc phần lớn vào sức đề-kháng cá-nhân của những

người bệnh đã tự chữa lành cho mình hơn là nhờ nơi ông thầy thuốc. Ông ta quyết định cho các bệnh-nhân dùng ít thuốc chừng nào tốt chừng ấy và phó thác cho Tạo-hóa công việc tu-bổ sửa-sang lại những sự tàn phá của bệnh. Ông ta tâm sự rằng :

«Tôi thừa nhận từ hồi ấy rằng tôi đã giúp rất nhiều cho những bệnh-nhân của tôi như kẻ thông-dịch các triệu chứng hơn là kẻ phân-phát thuốc men. Hễ kinh nghiệm tôi gia tăng bao nhiêu thì lòng tin vào thiên nhiên của tôi lại càng thâm hậu bấy nhiêu. Sau khi đã nhận ra rằng chẳng hề có một sự giống hệt nào về khí chất giữa loài người, lượng thuốc cũng như thời gian điều trị trong cùng những bệnh giống nhau, chút tín nhiệm mong manh của tôi nơi thuốc men lại dần dần sa-sút hơn nữa».

Về sau ông thú nhận với chúng ta rằng chút tín nhiệm mong manh còn sót kia dường như cũng đã già biệt hẳn ông ta. Chúng ta thử lắng nghe ông ta nói :

«Lòng tin-tưởng mù quáng của công chúng vào khả năng trị liệu của các dược phẩm có thể chữa lành các bệnh nhân thật chẳng khác nào lòng cuồng tín của các chiến sĩ da đỏ đặt vào thần vật của bộ lạc họ và lòng

tin đó hầu như phi-lý Y-ĩ vào trong phòng bệnh-nhân với sự bó-buộc tuyệt-đối là để lại một «phái thuốc». Dĩ nhiên y-sĩ càng tin-tưởng vào thuốc men bao nhiêu thì cái bồn-phận này càng quan-trọng bấy nhiêu. Nếu như ông ta thuộc vào môn-phái cũ, môn-phái đối-trị cũng là môn-phái của tôi, sự can-thiệp của ông ta càng nguy-hại trong việc cản-trở nỗ-lực chữa lành bệnh của thiên-nhiên.»

Bác sĩ E Dewey đã có những ý tưởng tân kỳ sáng suốt như sau:

«Đối với công-chúng nói chung, bệnh tật là một sự tấn công chứ không phải là hậu quả của những sự vi phạm các định-luật thiên-nhiên có thể là đã được tiếp tục ngay từ khi mới sinh ra. Đối với công chúng, các triệu-chứng chỉ là những dấu-hiệu của sự phá-hoại chứ không phải những nỗ lực cho ta trông thấy của cơ-thể đang hướng về sự phục-hồi tình-trạng bình thường.»

Bác-sĩ Dewey nói tiếp:

«Lòng tin mù quáng này, thiếu suy luận và vô lý trong qui-tắc trị-liệu lại rất kiên cố nơi những bậc rất thông minh tài trí cũng như nơi những kẻ rất đần-độn u-mê và đã luôn luôn gây cho tôi nhiều khó-khăn còn hơn là sự trị-liệu ngay cả cho bệnh-nhân.»

Ngày nay hoàn cảnh khốn thay cũng chẳng đổi thay gì và lòng tin vào hiệu-năng trị-liệu các loại hóa-chất, kháng-sinh.v.v... vẫn nồng-nhiệt trong lòng của quần chúng.

Bác-sĩ E. Dewey mở bệnh-xá tại Meadville (Pennsylvania) chữa bệnh

trong 10 năm theo lẽ lối cũ nhưng ông cho bệnh nhân dùng ít thuốc chừng nào tốt chừng ấy. Nhờ đấy ông được dịp có một nhận-định chính-xác đã giúp ông ta về sau có một chiều-hướng riêng-biệt trong phương-pháp trị-liệu. Ông đã có can-đảm đoạn-tuyệt với những gì mà ông nhận thấy sai-lầm trong nền y-khoa đối-trị của công-y.

Sau đây là kinh-nghiệm đã thúc-dẩy ông ta chuyển-hướng :

Được mời đến chữa trị cho một thiếu-nữ mắc chứng cơ-thể suy-nhược cực-điểm, Bác-sĩ Dewey nhận thấy một trình-trạng suy-nhược trầm-trọng đến nỗi suốt 3 tuần lễ ròng, nữ bệnh-nhân không thể uống ngay một giọt nước mà không mửa. Sau đó ít lâu thì cô ta có thể uống được chút ít nước trong và dần dần trình-trạng của người bệnh cải-thiện một cách rõ-rệt. Bác-sĩ Dewey cuối cùng đã thức-ngộ rằng những nỗ-lực chữa lành bệnh của thiên-nhiên đã vô cùng hiệu-quả, vô cùng hữu-ích và rất thích-hợp hơn lối trị-liệu hóa-chất của công-y.

Ông viết :

« Phép trị-liệu «vô-vi» này kéo dài đến ngày thứ 35 thì bệnh-nhân—không chết — nhưng thêm ăn trở lại, dấu hiệu tốt đẹp của sự lành bệnh ».

Về trường-hợp này Dewey viết :

« Đây là trường-hợp đầu tiên trong những trường-hợp rất trầm-trọng mà tôi thấy, đã được chữa lành. Tôi có

thể chứng nhận rằng sự suy-nhược cơ-thể của bệnh-nhân tuyệt-thực cũng chẳng trăm-trọng gì hơn trong những tình-trạng suy-nhược cực-điểm mà bệnh-nhân được nuôi ăn với ít nhiều thực-phẩm.»

Và sau đây ông viết thêm :

« Sự lành bệnh này đã ghi trong trí tôi một tác-dụng sâu đậm đã thúc đẩy tôi khởi sự áp-dụng cho các bệnh-nhân của tôi những phương-pháp thiên-nhiên đó với những kết-quả tốt đẹp như vậy »

Từ đây Bác-sĩ Dewey gạt bỏ một bên các thuốc men, hóa-hoảng chỉ cho những loại thuốc giả-tạo và vô-hại để trấn an sự lo lắng của bệnh-nhân và nhất là sự ngại-ngùng của những kẻ chung quanh. Thuốc men trong trường-hợp hi-hữu chỉ để dành cho những tình trạng tuyệt-vọng dùng để làm dịu những cơn đau-đớn dữ-dội của một căn bệnh nan-y mà thôi.

Dần dần ông đạt đến một lòng tin không lay-chuyển căn-cứ trên những chứng-nghiệm càng ngày càng nhiều, rằng sự chữa lành các thương-tích và các bệnh-tật đã được ưu-đãi lớn-lao bằng cách thực-hành chặt-chẽ phép nhịn ăn mà ông đặt tên là « *Phép trị liệu của thiên-nhiên* ».

Trong một trận dịch giết người về bệnh bạch-hầu, Bác-sĩ Dewey đã được dịp thí-nghiệm hiệu lực phương-pháp của ông chính ngay trong gia-đình của ông ta : Đứa con trai của ông 3 tuổi ngã bệnh nặng. Để trấn an những sự lo âu của mẹ nó ông ta đã

hỏi ý-kiến và sự giúp đỡ của một đồng-nghiệp xuất sắc, không biết gì khác hơn là lối chữa công-phạt với các dược-phẩm độc-địa. Cách chữa bá đạo không đem lại kết-quả nào ngoài việc gây ra những cơn nôn mửa dữ-dội. Từ đây Bác-sĩ Dewey không còn cưỡng-bách đứa bé uống thuốc nữa. Tuy vậy trong lúc vắng mặt Bác-sĩ Dewey, mẹ nó vì quá lo-lắng đã cho con uống thuốc đề rồi sau đó gây nên một cơn kích-động thần-kinh ghê rợn phải một giờ sau mới lắng dịu. Lúc trở về Bác-sĩ Dewey cho con nhịn ăn tuyệt-đối và chỉ cho uống vài giọt nước trong cho khỏi khát mà thôi. Ông đã được cái hạnh-phúc xúng đáng thấy con trai mình bình-phục hoàn-toàn và trong một thời-gian ngắn hơn nhiều so với những trường-hợp tương-tự được chữa trị bằng phương-pháp cũ với những thuốc men công-phạt.

Bác-sĩ Dewey cuối cùng đã thừa nhận rằng cưỡng-bức ăn uống trong trường-hợp lên cơn sốt chẳng những vô ích mà còn hoàn-toàn nguy-hại.

Chúng ta ai cũng nhận thấy rằng những khám phá hiện nay về sinh- lý học phù-hợp hoàn-toàn với quan điểm của Bác-sĩ Dewey. Thật vậy, sự xuất-tiết các dịch-vị ngưng lại khi cơn sốt lên cao. Đây là một lời cảnh-cáo quả quyết của thiên-nhiên cho chúng ta hiểu rằng trong tình-trạng ấy ta không bắt bộ máy tiêu-hóa phải làm việc. Chớ nên cưỡng-bức nhồi-nhét thức ăn vào dạ-dạ một người đang sốt, dù

những thức ăn mà người ta lầm tưởng là dễ tiêu như sữa, trứng. Dường như những thức ăn này không gặp dịch-vị và những điều-tổ để phân hóa chúng ra, chúng nằm ỳ trong ống tiêu-hóa để rồi bị lên men và thối rữa ra tạo thành những chất độc nội-sinh

Bác sĩ Dewey chứng minh với bằng cứ để chứng thực rằng ép việc ăn uống nơi những người đang sốt và ngay cả những người bệnh là trái thiên nhiên. Quả vậy, theo sự nhận-xét của ông ta sự sụt cân nơi những người bệnh nhịn ăn cũng chẳng nhiều là bao so với những bệnh-nhân vẫn được nuôi ăn. Hơn thế nữa, dường như công việc tiêu hóa đòi hỏi ở cơ-thể những sự xữ dụng một số lượng sinh-lực và năng lực thần kinh, theo ông tốt hơn hết là để yên cho người bệnh ngộ hầu bệnh nhân có thể dồn toàn lực để chiến-thắng hiệu quả căn bệnh. Vì vậy trong trường hợp bệnh tật nên tránh được chừng nào hay chừng ấy sự hao phí «những nguồn sinh lực quý báu» mà sự cố tọng đồ ăn vào cho nhiều là một trong những nguyên nhân chính

Ý-kiến này được bác sĩ Dewey tóm tắt như sau :

«Sinh-lực là hoàn-toàn tối-thiết để duy trì sự toàn vẹn cho bộ não là bộ tư-lệnh mà một khi thiếu đi thì không có một cơ-năng nào hoàn tất công-việc được. Thử hỏi nào có ích gì mà chúng ta ăn uống và chúng ta có nên ăn uống chẳng khi mà thức ăn ngổn vào đã không được đồng-hóa

thì chớ lại còn tiêu thụ mất của chúng ta một cách vô-bổ một số lượng năng lực thần-kinh để dùng vào việc phân-tán và đào thải thức ăn tai hại kia? Nếu chấp nhận quan-điểm này, người ta đi đến kết luận là cho người bệnh ăn tức là làm hao tổn sinh lực của họ trong lúc bệnh nhân rất cần nó để chữa lành bệnh.»

Ý-kiến chủ yếu này đã được Bác sĩ Dewey nhắc đi nhắc-lại nhiều lần một cách hợp lý. Về thời hạn nhịn ăn, Bác sĩ Dewey cũng đã thuận theo thiên nhiên mà áp dụng cho các bệnh nhân :

«Triệu chứng hướng dẫn người bệnh để quyết định việc ăn trở lại là sự xuất hiện thỉnh linh lại cảm giác đói bụng sinh lý, cảm giác đôi khi có thể phải đợi trong nhiều tuần nếu không phải trong nhiều tháng. Trong khi nhịn ăn để trị bệnh, ta phải biết phân biệt hai cảm giác đối khác nhau; *đói bụng thực sự sinh lý* mà rất ít người trong chúng ta cảm thấy vì chế độ thực phẩm của chúng ta thường quá thừa thãi, *đói bụng tâm linh* là tiếng gọi của bộ não phản ứng cho một thói quen hay là sự khó chịu vì thừa thãi vật thực! Sự đói tâm linh này không đòi hỏi một nhu cầu thực-phẩm thực-sự nhưng là một tiếng gọi thêm khát của tính háu ăn sinh ra một phần do thói quen đói bụng vào bất kỳ giờ nào trong ngày bằng cách luyện tập.»

Đề trấn an những người yếu bóng vía, thiếu kinh nghiệm, kém hiểu biết

lo sợ vô căn cứ sẽ chết đói nếu nhịn ăn mà trên thực tế thì có chết chẳng là các tế-bào yếu-đuối, bệnh-hoạn chết đi để được thay thế vào bằng những tế bào mới lành-mạnh, cường-khiếu hơn. Về vấn đề này Bác-sĩ Dewey viện dẫn bảng phân tích mượn của nhà sinh-lý-học Yeo chứng-minh rằng những sự mất trọng-lượng trong trường hợp chết đói chỉ tổn hại phần lớn ở các cơ quan và những mô thứ-yếu mà thôi, tỷ-dụ như :

Mỡ	97 0/0
Tụy tạng	68 0/0
Gan	56 0/0
Bắp thịt	30 0/0
Máu	17 0/0
Não và thần kinh	0 0/0
Bác sĩ Dewey nói:	

«Bảng phân-tích này đối với tôi là một vạch hào-quang. Trong khoảnh-khắc tôi chợt hiểu ra rằng cơ thể con người chứa đựng một số lớn thực-phẩm tiền-tiêu-hóa trong lúc bộ não sở hữu khả-năng hấp-thụ các chất dự trữ này để bảo tồn sự toàn vẹn các cơ quan khi thực phẩm bị cấm chỉ hay khả năng tiêu-hóa bị đình-trệ.»

Bác-sĩ Dewey đã có dịp kiểm điểm sự căn cứ vững vàng và mức chính xác những sự quan-sát của Yeo; ông có thể nhận xét trong số thân chủ của ông ở hai trường hợp chết đói nơi những đứa trẻ 4 tuổi đã vô ý uống phải một dung-dịch bồ-tạt gây sự bỏng cháy ở thực-quản và dạ dày với sự bế-tắc tiếp theo đó. Trong

trường hợp đầu thì đứa bé yếu-đuối và gầy gò : nó sống thêm được 75 ngày với thức ăn dự-trữ trong người nó. Trong trường-hợp thứ hai đứa bé mập mạnh hơn, nó chống chọi được trọn 3 tháng không hề ăn một chút đồ ăn. Trong hai trường-hợp này, đem giải phẫu, bộ não chẳng hề suy suyển tí nào, chẳng mất chút trọng-lượng nào. Những sự chứng thực này có tính cách làm yên tâm những người rụt rè quá thận trọng còn nặng lòng tin rằng thiếu thực phẩm trong một đôi buổi là một điều tai hại cho sức khỏe.

Thật là một điều lầm lỗi lớn khi người ta muốn cưỡng-bách người bệnh bội thực mục-dịch giúp cho họ thên sức khỏe. Bác-sĩ Dewey đã kể một trường hợp tượng-trưng về vấn đề này:

«Giáo-sĩ W E Rambo sau thời-gian mắc bệnh ở vùng nhiệt đới từ Ấn-độ trở về, suy-nhuộc đến mức chỉ còn xương bọc lấy da. Bộ não ông ta suy-yếu đến nỗi khi nói chuyện thì quên đầu quên đuôi nhưng ông ta lại tham ăn quá đỗi, mỗi ngày ăn đến 6 bữa ăn đầy cao lương mỹ-vị nhưng ông cũng gầy và càng yếu trông thấy rõ. Một sự tình cờ may mắn đã cho ông gặp được quyển sách «KIẾN-THỨC CHÂN-CHÍNH VỀ ĐỜI SỐNG» (True Science of living) ông khám-phá ra trong ấy tất cả sự hư-ảo lầm lạc của nền y-khoa xây-dựng trên sự tập-thực. Ông còn đủ nghị-lực đề từ biệt vị y-sĩ đang chữa bệnh cho ông và chịu khó nhịn ăn để trị bệnh. Sau hai tuần, bộ ruột ông ta bình-phục

có thể hấp-thụ một ít thức ăn nhẹ lỏng và sau ba tuần ăn uống như vậy ông ta hoàn-toàn bình-phục. Sau 3 tháng, con người còm-cỏi vì bệ thực trước kia đã lên 21 ki-lô, da thịt thanh-khiết, cứng-cát và cường tráng.

Bác-sĩ Dewey đã áp-dụng với kết quả rực-rỡ phương pháp tuyệt-thực tuyệt đối và dài hạn trong trường hợp những bệnh bị sốt như cúm, sùng phôi, bạch hầu, nhiễm trùng chuỗi cầu, chàm cầu, hạ-nhiệt, sốt rét. . . Ông ta luôn luôn nhận thấy rằng các bệnh-nhân rất chóng bình phục và nhất là suýt tử vong những trường-hợp trọng bệnh do ông chữa trị rất thấp so với các đồng-nghiệp chữa theo phép đối trị với chủ-trương cho bệnh nhân ăn uống thái quá. Nhất là ông ta đã chữa lành những trường hợp đáng chú ý về bệnh phong-thấp nhiễm trùng kinh niên hay cấp-tính mà nền công-ty đánh thúc-thủ.

Bác-sĩ Dewey nhận-định rằng tuyệt thực dài hạn có thể có những tác dụng tốt đẹp nơi những người mắc bệnh điên đặc biệt là để trấn tĩnh những người bị kích động. Đối với những người nhất quyết từ chối không ăn thì tại sao lại cưỡng bách họ tốt hơn là thuận theo sự chỉ dẫn đó của thiên-nhiên và để cho họ tuyệt thực cho đến khi sự đói bụng bình thường trở lại. Ông quả quyết-rằng :

«Người ta có thể thiết lập chế-độ tuyệt thực với sự chắc chắn trông thấy tình trạng tinh thần trấn tĩnh ngay khi quá trình của sự tiêu hóa ngưng việc bắt buộc bộ óc những

sự mệt nhọc có thể tránh được.»

Ông ta cũng viện dẫn ra hơn nửa tá trường hợp bệnh kinh giản được chữa lành hoặc cải-thiện tốt đẹp nhờ phép nhịn ăn.

Việc cai các chứng nghiện - độc, nghiện rượu, nghiện moóc - phin, nghiện thuốc lá đều được ông thực-hiện quá dễ-dàng với phép nhịn ăn.

Bác-sĩ Dewey cũng lưu ý rằng những thương-tích đóng sẹo nhanh hơn và các vết mổ xẻ khép miệng rất nhanh chóng là nhờ phép nhịn ăn.

Bây giờ chúng ta thử vào chi-tiết vài cuộc trị bệnh bằng những kỳ tuyệt-thực dài hạn đã thu được kết-quả rực-rỡ. Bác-sĩ Dewey có in trong sách ảnh những người tuyệt-thực này trong lúc đi dạo chơi như thường lệ vào những ngày tuyệt-thực cuối cùng của họ, một chứng minh cụ-thể về sinh-lực và sức-khoẻ đã được bình-phục.

Một trường - hợp lý - thú là trường-hợp ông M. Milton Rathbun, một nhà buôn cốc-loại ở Nữu-ước. Vào năm 54 tuổi ông ta bị dày-vò vì bệnh tổ-chất thống - phong và chưa biết sẽ lên cơn trúng phong hồi nào vì khí-chất của ông có vẻ huyết-tính quá. Ông ta quyết định chữa bệnh bằng phép tuyệt thực. Ông cân nặng 95 ki-lô lúc bắt đầu nhịn ăn. Khi ông bắt đầu ăn trở lại 28 ngày sau ông đã sụt mất 19 ki-lô. Ông ta vẫn tiếp-tục làm việc suốt thời gian nhịn ăn một cách dễ-dàng và không mệt-nhọc gì, hàng ngày đi bộ từ nhà ở Mount Vernon đến Nữu-ước là nơi làm việc của ông.

Ông Rathbun bị vài tờ báo y-học vu-cáo ông đã gian-lận và được người

ta nuôi dưỡng bí-mật trong thời-gian nhịn ăn, nên đã quyết-định qua năm sau nhịn ăn một lần khác để trị bệnh bằng cách xin đặt dưới quyền kiểm-soát chặt-chẽ của y-khoa. Lần này ông nhịn ăn tuyệt đối trong 35 ngày: ông đã sụt mất 19 kí-lô 400. Ngoài ra vài sự khó chịu xảy ra lúc ban đầu vì nghe theo lời các bác-sĩ kiểm-soát khắt-thiết khuyên uống quá nhiều nước làm cho ông bị nhọc thặng, ông hoàn-toàn được khỏe-mạnh trong cuộc nhịn ăn dài hạn này và có thể làm việc như lần đầu.

Bà A. M. Litthenhalm, cũng nhịn ăn trong 36 ngày chẳng khó-khăn gì, tiếp-tục chăm-sóc việc nội trợ. Bà sụt 9 kí-lô nhưng sức khỏe phục-hồi với sự trẻ-trung tươi thắm sau khi tuyệt-thực,

Cô E. Westing, giáo sư nhạc và là ca-sĩ lừng danh, tiếp tục giảng dạy và ca hát trong thời gian 40 ngày nhịn ăn của cô. Cô chỉ sụt 7 kí-lô 800 mà thôi. Bức ảnh cô ta khi bước ra cửa nhà thờ vào ngày tuyệt-thực thứ 40 với vẻ mặt tươi cười và thỏa-mãn, chẳng hề khó chịu vì tiết trời giá lạnh căm-căm. Sau cuộc tuyệt-thực này sức khỏe cải-thiện tốt đẹp đến nỗi cô cảm thấy năng-lực làm việc đã tăng gia một cách kỳ lạ.

Một trường-hợp phô-bày nhiều lợi ích là trường-hợp của cô E. Kuenzel một thiếu nữ 22 tuổi, mắc chứng ưu-uất nặng đã chữa không kết quả gì trong một bệnh-viện với thuốc men và lối cho ăn thật nhiều. Khi cô ta khỏi sự tuyệt-thực tình trạng chung thật đáng thương, sự liệt-nhược tàn-

tệ đến mức cô ta chỉ cử-động yếu-ớt được đôi chút trên giường bệnh. Cô nằm liệt giường cho đến ngày thứ 11. Bắt đầu từ hôm ấy cô ta mới bắt đầu trở dậy và hằng ngày đi dạo chơi mỗi khi thời-tiết tốt. Cô ta viết:

«Trong 45 ngày tuyệt-thực, tôi đi 23 ngày và trong thời-gian ấy tôi đã đi được 179 cây số. Lộ-trình này là ngoài số các cuộc du-ngoạn bằng xe hơi, những cuộc viếng thăm phòng Trền-lâm và những cuộc dạ-hội mà tôi đi bộ đến dự. Tôi chẳng mấy-may cảm thấy mệt nhọc hay suy-nhược mà còn cảm thấy sung-sướng hơn, vui-vẻ hơn qua từng ngày tuyệt-thực bởi vì tôi cảm thấy dường như một cuộc sống mới-mẻ tràn-ngập trong toàn cơ-thể của tôi. Trí não tôi trở thành sáng-suốt hơn và mọi sự lẫn-lộn tối-tăm đều biến mất. Tôi cảm thấy một sự hoan-lạc thật sự và cuộc đời trước kia đáng lẽ là một gánh nặng đã trở thành với tôi một niềm vui chân-thật.»

Những sự xác-nhận quả-quyết của nữ bệnh nhân trên nói lên nhiều hơn những cuộc thảo-luận dài-dòng của học-viện, rầm-rộ về lý-thuyết mà chẳng có một bằng chứng thực-nghiệm nào.

Ngày tuyệt thực thứ 44 là ngày mà Kuenzel hoạt-động nhiều hơn cả. Sau đây Bác-sĩ Dewey đã tóm lược cho chúng ta thấy:

«Cô thức dậy lúc 8 giờ 30 chăm-chỉ làm việc cho đến xế trưa rồi rủ một người bạn đến tìm gặp lại người chị gái ở phòng triền-lâm. Cô ta ở lại đó này giờ và trở về bằng xe

điện lúc bấy giờ chỉ còn sót một chỗ ngồi bèn nhường cho người chị đang mệt phờ và quên rằng cô Kuenzel đã nhịn ăn từ 44 ngày rồi mà chẳng mảy may mệt nhọc. Đến nửa đêm thì cô mới đi nằm chẳng thấy có gì khó chịu và quá nhọc-nhàn về cái ngày bận rộn hôm ấy.”

Sau đây là đoạn kết-thúc về câu chuyện tuyệt-thực của cô Kuenzel :

«Tôi đã trải qua một năm trời chịu thống-khổ không bút nào tả xiết gây ra do sự lao-nhọc và kiến-thức các giáo-sư uyên-bác. Tôi sắp bị nguy-ngập may nhờ lời giáo-huấn quý-giá mà bác-sĩ Dewey đã ban cho nhân-loại... bây giờ tôi đã được lành-mạnh, sức khỏe và vui-vẻ.»

Tất cả câu chuyện này không phải là tấm chứng-chỉ tốt đẹp nhất mà người ta có thể cấp cho khoa trị-liệu mẫu-nhiệm tuyệt-thực sao ? Chúng tôi kể ra sau hết trường-hợp của ông Léonard Thress, mà phép tuyệt-thực xứng đáng được xem là vị cứu-tinh của ông già 57 tuổi này : Mặc chứng thủng nước và cơ-tâm viêm nặng, tính-mạng ông ta quả thật là kề bên miệng huyết mà mọi y-sĩ đều tuyệt-vọng. Mặc dù tình trạng nguy-kịch bấp bênh như vậy, sau 11 ngày nhịn ăn ông Thress có thể rời khỏi giường bệnh là điều mà ông hằng mong ước suốt bao tháng dài mà không được ; ông có thể khởi sự bước đi và mỗi ngày ông thấy sức khỏe tăng gia một cách thích-thú. Trong 50 ngày nhịn ăn tuyệt-đối ông ta đi bộ trên 104 cây số, ông sụt xuống 34 kí-lô 500. Bằng lối trị-liệu thần-hiệu này ông đã thoát khỏi một cái chết

chắc-chắn và có thể trở lại cuộc sống lao-động.

Chúng tôi có thể kéo dài danh sách những trường-hợp tuyệt-thực dài hạn của những bệnh-nhân của Bác-sĩ Dewey nhưng sẽ là một sự lặp đi lặp lại đều đều những kết quả tốt đẹp như trên mà thôi.

Bác-sĩ Dewey nhấn mạnh về điểm hữu ích rằng sự lợi-lộc đầu tiên của phép trị-liệu giải-độc và nhịn ăn được biểu-lộ nhanh chóng một cách rõ-rệt bằng sự tươi-tắn của nét mặt và vẻ rạng-rỡ của da thịt, bằng chứng chắc-chắn một sự thanh-khiết của máu, một sự tuần-hoàn tốt đẹp hơn của khí-huyết và một sự dinh-dưỡng bình-thường của da và tế-bì. Triệu-chứng đầu tiên này về sự thần-hiệu của phép tuyệt-thực rất quan-trọng đáng ghi nhớ bởi vì nó biểu-thị cho sự trị-liệu về sau.

«Sự nghiên-cứu của sắc-diện phô bày sự ích-lợi sâu xa hơn cả, khi mà người ta hiểu rằng sự biểu-lộ của ánh mắt, nét mặt, sự tinh-tế và sự mịn-màng những cấu-tạo của cơ-thể và sắc da chỉ là những sự tiết-lộ của cuộc đời cao quý hơn ở bên trong.»

Không nói thì ai cũng rõ là nền công-y đã chống-đối mãnh-liệt, tàn-nhân lý-thuyết và sự thực-hành-phép tuyệt-thực của Bác-sĩ Dewey bởi vì phương-pháp của ông quá cách-mạng và đánh đổ quá nhiều thành-kiến, ý-niệm được thừa-nhận do một sự thủ-cựu uyên-bác đã lâu ngày.

Khi mà các tác-phẩm của ông xuất-hiện : « *Kiến-Thức Chân-Chính Về Đời Sống* » (The true science

of living) và «*Tân Phúc âm về sức khỏe*» (New Gospel of health) là cả một tiếng la ó phản đối toàn-thề. Ông đã đưa ra một nhận-định buồn rầu như sau:

«Các đồng-nghiep y-khoa của tôi đón tiếp phương-pháp của tôi như đón tiếp một trận dịch đậu mùa hay là một tà-thuyết mà hậu-quả sẽ gây thành một hiểm-họa cho xã-hội.»

Như thường lệ, người ta công-kích gắt gao, nhân danh lý-thuyết y-khoa khoa-học nhưng người ta lại không chịu khó làm lại những thí-nghiệm của Bác-sĩ Dewey. Tuy vậy những lời chỉ trích này không ngăn-cản được sự hiển-lộ của chân-lý. Phép trị bệnh bằng tuyệt-thực càng ngày càng được các môn-đồ nhiệt-thành hoan-ngheh và những cuộc trị lành bệnh kỳ-diệu nhiều trường-hợp tuyệt vọng càng ngày càng tăng gia gấp bội không xiết kể.

Bác-sĩ Dewey đặc-biệt muốn làm cho công-chúng hiểu rằng nhịn ăn là phương-pháp trị bệnh giản-dị thuận-hợp với những định-luật của tạo-hóa; yếu-chỉ của phương-pháp này là không nhờ cậy vào thuốc men, thường thường nguy-hại hơn là hữu-ích. Về vấn-đề này ông ta phản-nạn rằng:

« Công-chúng thật-thà có một đức tin mãnh-liệt vào hiệu-lực của thuốc men. Áo-ảnh biến-thề làm cho họ ngỡ đó là những người không-lỗi—noi theo gương kỵ-sĩ Don Quichotte—các y sĩ có bằng cấp, nhưng thật ra đó chỉ là những máy xay bằng cánh quạt mà sự giao-du quá thân mật có thể vô cùng nguy hại cho những người bệnh. »

«Y-sĩ, hãy chữa bệnh-tật của các ông!» Chính với sự cật vấn này mà Bác

sĩ Dewey trả lời với các đồng nghiệp của ông. Ông muốn rằng mỗi bác-sĩ hãy làm gương cho kẻ khác về sự tiết-độ bằng ngay chính cuộc đời của mình và đừng có nêu những cảnh tượng biểu diễn các thói xấu trái vệ sinh, đặc biệt là thói nghiện rượu và thuốc lá. Theo Bác sĩ Dewey, sức khỏe thể-chất và tinh-thần là điều hay lây, ông muốn rằng người y-sĩ nên tránh mọi tỳ vết và mọi thói quen xấu xa, sau đây là đoạn văn mà Bác-sĩ Dewey đưa ra cho các đồng-nghiep suy-gẫm:

«Theo quan-niệm của tôi trong giới y-sĩ có không thiếu gì những kẻ nô-lệ của thuốc lá, thuốc phiện dưới nhiều hình-thức khác nhau và các thức rượu, so tỷ-lệ thật chẳng thua sút một giai-cấp nào trong xã-hội. Họ cũng mắc các bệnh kinh-niên như ai và cũng bó tay chẳng thể tự chữa lành cho mình. Hằng ngày tôi thấy có nhiều y-sĩ đi khám bệnh nhân mà mồm lại ngậm điếu xì gà — dấu hiệu một bộ thần kinh hệ trong tình trạng nguy nan cam chịu tác dụng trà nguy của chất ni-cô-tin—vào trong những gian phòng mà không khí đáng ra cần phải làm cho thanh-khiết hơn càng tốt.

Còn ai thích hợp hơn trong việc truyền bá gương tốt? Thử hỏi còn gì phi lý hơn cảnh một người bệnh này lại đi chữa bệnh cho một người bệnh khác? Thử hỏi người y-sĩ mà thần kinh hệ hành hạ ông ta đến mức phải thường xuyên trấn an bằng cách hút thuốc xì-gà còn gây tác dụng làm bấn cái sự bấn nhay của vị giác. Ông ta có mắc bệnh chầy khi mà thần-

kính ông ta đòi-hỏi nhất roi của những thứ rượu nặng?

Như vậy là đòi hỏi người y-sĩ một nỗ-lực to lớn và hầu như một sự từ bỏ các điều đam-mê của thể-tục. Như vậy có thể là quá tin vào năng lực của đa số, nhưng điều ấy chứng tỏ cho ta thấy lý-tưởng cao-quí về nghề-nghiệp của Bác-sĩ Dewey và ông ta đã xem trọng những nghĩa-vụ về trọng-trách y-đạo của mình như thế nào!

Bên cạnh phương-pháp tuyệt-thực Bác-sĩ Dewey còn đề cập đến một lối trị-liệu khác. Cơ-thể một khi đào-thải hết các chất độc nhưng sức-khỏe cần phải duy-trì bằng một chế-độ thực-phẩm thích-ứng. Tuy Bác-sĩ Dewey không được cái may-mắn học-hỏi Dịch-Lý Âm-Dương của Đông-Phương để áp-dụng một cách siêu-tuyệt như trong phép dưỡng-sinh OHSAWA, về vấn-đề này ông tin-tưởng rằng cần phải giảm số bữa ăn xuống và bớt ít đi các món ăn cao lương mỹ-vị. Ông đã chủ-xướng một phương-pháp mệnh danh là « hai bữa ăn mỗi ngày » trong tác-phẩm « *Kế-hoạch nhịn ăn điềm tâm và phép tuyệt thực trị liệu* » (The No Break-fast Plan and Fasting Cure).

Do ý-niệm thực-phẩm chỉ có thể cung-cấp những năng-lực hữu-ích cho sự vận-chuyển của cơ-thể sau khi được một sự tiêu-hóa và biến-cải phù-hợp (quá-trình đòi hỏi một thời-gian khá lâu), ông kết luận rằng cái cảm-giác mạnh mẽ nhận thấy liền ngay sau

khí ăn là một cảm-giác hoàn-toàn chủ-quan. Cho nên ông chủ-trương rằng sự bãi-bỏ bữa ăn điềm tâm buổi sáng là điều cần-thiết vì trong suốt cả đêm cơ-thể có thì giờ để tiêu-hóa và dự-trữ một số lớn sức-khỏe và năng-lực thu-hoạch được trong thức ăn ngày hôm qua. Các năng-lực này quá thừa để cung-cấp những nhu-cầu cho các hoạt-động buổi sáng của chúng ta. Quí vậy, phải chăng còn gì phi-lý và trái với luật sinh-lý hơn việc ăn từ khi thức dậy trong lúc chẳng hề tiêu-dụng những năng-lực dự-trữ? Theo Bác-sĩ Dewey, sự thèm muốn mãnh-liệt, sự cần dùng mà đa số những người cảm thấy về bữa điềm tâm sáng đầu tiên chỉ duy nhất là một vấn-đề thói quen và không dựa trên một sự đòi-hỏi thực-sự của cơ-thể.

«Cảm-giác đói buổi sáng sớm không có gì khác hơn là «căn bệnh đang tiềm-ẩn» và chính những ai cảm thấy đói hơn cả đúng là những người đáng lý ra cần phải tuyệt-thực để cải-thiện sức khỏe của họ.»

Bác-sĩ Dewey khuyên phương-pháp «hai bữa ăn mỗi ngày» của ông chẳng những cho những người trí-thức, cho những người làm việc bàn giấy là những người có một nếp sống ít hoạt-động nên cơ-thể đốt cháy ít các chất dự-trữ của họ mà ngay cả những thợ-thuyền lao-động chân tay, các nông-dân làm-lụng vất-và đều thích-hợp. Những ai đã thi-hành thử liên-tục một thời-gian đều

đi đến lòng tin vững chắc này. Ông đã viện-dẫn ra những nhận-xét nhiều lần gặp được nơi các thợ-thuyền mắc bệnh phong-thấp và bệnh dạ-dày đến nhờ ông chữa trị. Những bệnh-nhân này đều được lành bệnh sau khi cải-tổ sơ-sài theo cách ăn uống này và họ đều ngạc-nhiên mà nhận ra rằng năng-lực sản-xuất của họ đã được tăng-gia gấp bội. Bác-sĩ Dewey thích-thú nhất là khi kể lại câu chuyện sau đây mà ông được tận mắt chứng-kiến :

«Vào một buổi sáng đẹp trời 3 người tá-diễn cùng đi sàng lúa mạch mà theo ý ông là một công-việc nhọc nhằn hơn cả trong công việc đồng án. Hai trong số những người này đã ăn sáng như thường lệ trước khi đi, còn người thứ ba, môn-đồ của Bác-sĩ Dewey thì để bụng đói. Người này làm việc không kém gì các đồng bạn nếu không nói là hơn : anh ta sàng một cách dễ-dàng và mạnh-mẽ không bị thở dốc như hai đồng bạn kia ; cuối cùng đến giờ nghỉ trưa anh ta vẫn tươi-tinh, khỏe-khoắn, điều mà những người ăn nhiều bữa trong ngày không mấy khi có được.

Một anh thợ mộc trước kia thường đau ốm thấy các chứng bệnh của mình biến mất sau khi chấp-nhận phương pháp «hai bữa ăn». Sức mạnh và sự dẻo-dai trong công việc tăng gia hơn trước nhiều.

Một tá-diễn lâu ngày bị dày vò vì bệnh tổ-chất thống-phong lại vương

thêm bệnh cúm kinh-niên tái đi tái lại nhiều lần, vâng theo lời Bác-sĩ Dewey áp-dụng phương-pháp nhìn ăn điềm-tâm buổi sáng. Kết quả thật kỳ-diệu và nhanh-chóng và sức khỏe bình-phục hoàn-toàn nên sau đó bệnh-nhân đã tuyên-bố rằng :

«Từ sáng đến trưa là nửa ngày tươi đẹp nhất của tôi đối với công-việc nặng nhọc về thể-xác cũng như đối với sự minh-mẫn về tinh-thần.»

Nhờ theo chế-độ ăn uống mới này anh tá-diễn đã tăng lên 10 ki-lô.»

Sự lên cân nhờ lối ăn uống «hai bữa ăn mỗi ngày» rất đáng để suy-nghiệm : nó cho ta thấy rằng không phải vì tọng vào thật nhiều, chất-chứa tràn-trề một cách vô-ích đầy dạ-dày mà người ta có thể hi-vọng một sự đồng-hóa tốt lành các thức ăn do đó có một nguồn dự-trữ năng-lực thực-sự.

Bằng-chứng rõ-rệt về sự cải-thiện thân-thể và sự non trẻ lại các cơ quan cũng như nguồn sinh-lực mới của chúng, xem vậy, phương-pháp tối giản-dị «hai bữa ăn mỗi ngày» này có thể cung-cấp cho người thực-hành một sự tươi tốt trẻ-trung trở lại về đời sống và sức khỏe.

Muốn cho con người có thể cung-cấp một lượng tối-đa năng-lực và tăng gia năng-xuất công việc hằng ngày, Bác-sĩ Dewey còn khuyên thêm một điều chủ-yếu là phải có một giấc ngủ an lành, đầy-đủ.

Ông cũng khuyên phải nghỉ-ngoi

chốc lát trước khi ăn nếu như ta cảm thấy mệt-nhọc bởi vì sự tiêu-hóa và sự đồng-hóa sẽ bị trì-hoãn nếu không phải là bị đình-trệ vì sự nhọc-mệt.

“Ăn đang khi mệt là phung-phí một cách vô ích những nguồn sinh-lực bởi vì người ta có thể biết một cách chắc-chắn rằng một bữa ăn trong những điều-kiện này thì chẳng có gì là bổ-dưỡng cả.”

Về phần các trẻ em mà sự phát-dục nhanh chóng đòi hỏi một sự cung-cấp lớn hơn những vật-liệu thực-phẩm, Bác-sĩ Dewey sau nhiều năm kinh-nghiệm cũng đi đến kết-luận là trẻ con cũng được hưởng những lợi-ích của phương-pháp “nhịn ăn điềm-tâm buổi sáng” và chúng lớn mạnh tốt đẹp hơn nhiều khi thực-phẩm có đủ thì giờ để tiêu-hóa và đồng-hóa hoàn-toàn. Và chẳng dă dầy càng tăng gia khả năng tiêu-hóa khi người ta cho nó một thời-gian nghỉ-ngơi đầy-đủ cũng như đây là trường-hợp khi người ta nhịn ăn từ chiều cho đến trưa mai.

Trong tác phẩm y-khoa của Bác-sĩ Dewey còn không biết bao nhiêu lời châu ngọc, đều hay ho, chúng tôi xin nhường việc này cho những ai say mê chân-lý, thích thú lý thuyết đầy lương-tri xây đắp trên sự quan sát lạnh mạnh về thiên-nhiên với các phương-tiện trị-liệu của Tạo-

Hóa. Và để kết thúc bài này chúng ta hãy thưởng-thức một đoạn sau đây trích trong lời tựa tác phẩm chủ yếu của Bác sĩ Dewey « *Tuyệt thực liệu pháp* » :

“Quyển sách này là câu chuyện hực-hiện trong trí của một y-sĩ suốt cả cuộc đời hành nghề. Khởi đầu trong sự thiếu kinh-nghiệm, bị bao phủ trong sương mù những điều mê-tín, những thành-kiến về y khoa, tác-giả kết-cục tạo được lòng tin là chỉ có thiên nhiên là chữa lành bệnh tật mà thôi. Phương Pháp vệ sinh chứng giải trong tác phẩm này vừa tân kỳ vừa cách-mạng. Sự áp dụng thực hành thật rộng rãi bao la và giá trị về sinh-lý thì không thể nào chối cãi được. Mỗi hàng của tác phẩm này đã được viết ra với một lòng tin mãnh liệt là thực phẩm cưỡng bách người bệnh ăn và thuốc men gây tổn hại cho cơ thể đều là những sự hành nghề có thể được thừa nhận vào những thuở man rợ nhưng không còn xứng đáng vào thời kỳ mà chúng ta đang sống.”

Tôi viết bài này theo tài liệu của Bác-sĩ khả kính Ed. Bertholet với tác lòng chân thành tha thiết mãi mãi kính tặng các Sinh viên Y khoa của đất nước Việt-nam bất khuất mến yêu.

VÕ-THỊ THANH-ROÒN

Con người và tính hiếu chiến

Hiếu chiến phải chăng là một di-sản văn-hóa?

Hay là một đặc-tính di-truyền, một ác-tính bẩm sinh?

(tiếp theo BK. số 353)

Xét ngay về phương-diện sinh-vật, các nhà sinh vật-học đã thường nhắc đến một sự kiện đáng được ghi nhận là trước khi cuộc tiến-hóa chuyển vào nẻo người, đã có một hiện-tượng, một sự thay đổi cực kỳ tế-vi nhưng cũng cực kỳ quan-trọng, xảy ra trong cơ-thể của giống sinh-vật chuẩn bị hướng về con đường Nhân-hóa. Có thể đó là một sự giảm thoái vô cùng nhỏ nhất của vai trò *kích-thích-tổ giáp-trang*, đưa tới cái hậu-quả là : sức sinh-trưởng cũng như thời kỳ phát-dục của con người chậm lại, thời kỳ thơ ấu kéo dài hơn so với các loài vật có vú cao-đẳng gần nó nhất, như các loại Khỉ Nhân-hình (1). Và « ... Nhờ sự thay đổi nhỏ nhất về tính chất sinh-vật ấy con người đã thoát-ly với quá khứ sinh-vật. Từ địa vị một con vật có vú cao-đẳng, nó trở thành một thứ khác hẳn, giống sinh-vật duy nhất ghi một dấu vết sâu đậm trong lịch-sử của sự Sống, lịch-sử của Địa-cầu và có thể cả lịch-sử của Vũ trụ nữa... » (2). Quả vậy, có thể chính vì sự thay đổi ấy, mà khi con người xuất hiện thì đó cũng là lúc mà Vật-sống đã bắt đầu có cơ móc nối với Tâm-thức, để cuộc tiến-hóa chuyển dòng theo một hướng mới, nghĩa là «... từ kỷ-nguyên của những cuộc tiến-hóa triển-phát trong trạng thái quán-tính, vốn

là đặc điểm của thế-giới thấp hơn nhân lại, chúng ta bước vào, với loài người, trong kỷ-nguyên của một cuộc tiến-hóa có sự tự-thức» (3). Một cuộc tiến-hóa sáng tạo.

Mà quả là như vậy. Con người đã sáng-tạo. Con người đã làm những gì mà không một giống vật nào khác có thể làm. đã có những tư-thái và lối động ứng mà không một giống vật nào khác có thể có được. Cũng với một bàn tay gần giống với bàn tay Khỉ Đột, nhưng thực là một bàn tay kỳ diệu vì được cấu tạo rất đổi tinh-vi (4), nó không phải chỉ biết xử-

(1) Origine et évolution de l'homme (Tome 1 — Epoque paléolithique) (Problème de l'origine de l'homme) Edit. A. J. Picard et Cie. 1948.

(2) Peut-on modifier l'homme par Jean Rostand (III — Peut-on modifier l'homme ?) page 106. Edit. Gallimard 1956

(3) L'Origine de l'Homme par Jean Piveteau (Conclusion : l'homme et la vie) P. 199 — Edition Hachette. 1962.

(4) Mỗi bàn tay chiếm trên 50 chiếc xương trong tổng số 206 chiếc xương của bộ xương. Lại có tới 28 bắp thịt dành cho mỗi bàn, nhờ đó những cử-động của các ngón rất chính xác và bàn tay có thể xoay trở đủ mọi phía dễ dàng, nhanh nhẹn (Theo Les merveilles du corps humain par M. Wilson p. 36—37)

dụng dụng cụ mà còn biết chế-tạo dụng cụ, không phải chỉ biết chế tạo dụng cụ mà còn *chế-tạo được các thứ dụng-cụ để làm ra dụng cụ*. Cũng cùng một thứ *Hầu* và *Vòm cuá* giống như *Hầu* và *Vòm cuá* của *Hắc-tinh* hay gần giống như của *Đười-ươi* (1), nhưng nó không phải chỉ biết kêu, biết rú, mà còn biết kết hợp các âm-tổ xúc cảm, di-truyền của chủng loại thành-tiếng, biết hợp tiếng thành lời, tạo thành ngôn-ngữ một công cụ truyền thông, một phương tiện trao đổi ý tình, kinh-nghiệm, mở rộng đường cho cuộc tiến hóa văn-hóa về sau.

Hơn nữa, nếu không muốn lùi quá xa, vì chưa có bằng chứng chính xác, chúng ta cũng có thể nói được rằng : cách đây vào khoảng trên 100.000 năm là ít, con người đã là một giống vật duy-nhất biết khóc trước một năm mồ. Vì công trình khảo cổ tiền-sử đã cho chúng ta được biết : những lớp người *Néanderthaliens* ở Âu-châu, ở Palestine, ở Nam-Phi, ở Java v.v. đã biết chôn cất người chết, bỏ theo nhiều thứ dụng cụ cần thiết, nhiều khúc thịt tươi, và chôn vào những huyệt mả ngay trong hang động, bên cạnh bếp lửa, hầu như để cho *« hơi nóng của Lửa đem lại cho thi thể lạnh lẽo sức ấm áp của nguồn sinh-khí »* (2)

Và những dụng-cụ, ngôn ngữ, thái độ, nghi thức đối với cái chết, người chết, ý-niệm mơ-hồ về một thế-giới vô-hình của lớp người cổ-sơ ấy nói lên cái gì ? Tất cả đã chứng tỏ rằng não bộ của con người, một loại não-bộ mà hình-trạng, theo nhà thể-học Yerkes rất gần với não bộ của *Hắc-tinh*, và theo nhà

thể-học Tilney, rất gần với não bộ *Khỉ Đột* (3), lại có gì khác biệt hẳn não-bộ của *Khỉ Đột*, của *Hắc-tinh* và của bất cứ loài động vật nào cùng sống trên tinh cầu này. Cái khác đó không phải chỉ là khác về thể-tích, về trọng lượng (4), mà khác về phẩm, về quan năng. Và đó là khả-năng trườu-tượng, khả năng tổng quát hóa, khả năng hồi tưởng, dự phóng, suy-tư, đưa tới khả năng phát-minh, sáng tạo, để con người trở thành một giống vật duy nhất biểu-thị được quyền năng của một cuộc tiến-hóa sáng tạo. Những điểm khác biệt này phát khởi từ một tia sáng đã lóe ra trong hộp sọ, vào thuở một chi-nhánh nào đó, thuộc giống *Linh-trường* đứng thẳng, vừa bước qua ngưỡng cửa *Nhân-hóa*. Quả là một hiện tượng không thể tìm thấy — vì chưa bao giờ xảy ra và sẽ chẳng bao giờ xảy ra — trong hộp sọ của bất cứ một loại tạo sinh nào khác.

(1) *L'Homme par Jean Rostand* (*L'homme dans le règne animal*) p. 22.

(2) *Dè la préhistoire à l'histoire* Par G. Childe (*le paléolithique ou l'état sauvage*) p. 55.

(3) *L'Homme par Jean Rostand* (*L'Homme dans le règne animal*) p. 14

(4) Về trọng lượng não bộ, ở người đàn ông trung bình cân được 1.300g, đàn bà 1.200g. Ở *khỉ đột*, con đực 463g, con cái 450g. Ở *đười-ươi*, con đực 431g, con cái 383g. Ở *Hắc-tinh* con đực 406g, con cái 398g : (Theo Jean Rostand, trong *L'Homme*). Dung tích sọ của người hiện đại : 1200 đến 1500cm³, hắc tinh từ 350 đến 400cm³ (Theo Marston Mats — trong *L'homme dans la nature*).

Chính nhờ sự so sánh, nhận xét những điểm dị-biệt trên đây, theo cạnh khía trên đây, mà chúng ta nắm được cái mẫu chốt cần-thiết để làm sáng tỏ vấn-đề và đặt lại vấn-đề một cách đúng hơn. Bởi lẽ tất cả những điểm khác biệt vừa kể là thành quả của một sự *chỉnh-đốn bản-năng*. Đã có những gì xảy ra trong sự chỉnh-đốn quan-trọng và quyết-định này ? Đó là, sau một thời kỳ dài dặc hàng tỉ năm, trong đó, các vật sống cố gắng thoát ly lần hồi sức kiềm tỏa chặt-chẽ của định luật nhân quả, tiến tới chung cục nguyên nhân bản-năng, thì đến lượt loài người, xuất hiện và nối tiếp cuộc tiến hóa sinh-vật, đã xoay xở để khước cho bùng sáng ngọn đuốc Trí-tuệ ngay trong lòng hộp sọ vốn bịt bùng, tối tăm. Trên bình-diện tiến hóa của con người, trí khôn biểu-tượng, óc thông minh linh-động phát-triển ngay trên cái thể thoái bộ của bản-năng cứng nhắc. Vào buổi đầu, những xung động còn mù quáng, chuyên chế, nhưng lần lần, bản-năng phải nhường bước cho óc biện biệt, cho Ý-chí có ý-thức về mục đích, đúng như Jung đã nói : *« Sự mất mát bản-năng của con người bắt nguồn từ sự phát-triển của trí óc trong một khoảng thời-gian vô-tận »*.

Mất mát chỉ là một cách nói, vì luồng tiến-hóa của sinh-hoạt tâm-thần, từ đơn giản đến phức tạp, từ hình thái thấp lên hình thái cao (1) vốn liên tục, liên li, và cái đến sau, có sau vẫn bao hàm những gì đến trước, có trước, bản năng do đó vẫn còn là một tấm bản lễ nối liền hai giới người và vật. Nhưng cần nhấn mạnh về sự chỉnh đốn nói trên là để thấy rõ hơn rằng : trong cuộc tiến hóa của nhân-

loại, con người đã có nhiều tư-thể để khắc-phục, chế ngự bản năng khi cần, và chính cái tư thể ấy đã làm cho con người, vốn là một sinh-vật, vượt xa và khác hẳn với bất cứ giống vật nào khác. Với sự xuất-hiện của nó, cả sự Sống lẫn Tinh-cầu này đã chuyển vào một kỷ-nguyên mới lạ, bởi lẽ sự phát-hiện của *hiện tượng người* không phải chỉ có nghĩa là một sự thay đổi về lượng và phẩm trong sự tiến hóa của một nhóm động vật, không phải chỉ là một sự cải tổ đưa tới lối kiến tạo một kiểu cơ cấu mới, nhưng còn là cả một sự biến hóa của lớp *Sinh quyển* (2). Cũng chính từ sự xuất-hiện của loài Người, một lớp quyển khác bắt đầu được kết dệt ngay trên lớp Sinh quyển ấy và từng được mệnh danh là *Tuệ-quyển* (Noosphère).

Chính vì những lẽ trên đây, mà khi nhìn con người, xuyên qua quá khứ sinh-vật của nó, thái độ của người biết nhìn, phải là cái thái-độ như Jean Ros-tand đã từng trân trọng tỏ bày :

« ... Không phải vì chúng tôi cứ đặt con người vào giữa vạn vật mà chúng tôi kém lòng tôn-trọng hay có thái độ khiếm nhã đối với con người. Tôi còn dám nói

(1) Nói thấp và cao đây có nghĩa là nói sự phát-hiện sớm hay chậm trong dòng tiến hóa chứ không có nghĩa thấp là kém hơn, cao là trội hơn, vì thực ra bản năng không phải là hoàn toàn xấu. Jung đã chứng minh tính cách lưỡng-diện (thú tính và tâm thần) của bản-năng. Chính bản năng cũng dự phần vào những sinh-hoạt thượng đẳng của con người.

(2) L' Origine de l' homme par Jean Piveteau (L' hominisation : la divergence initiale) p 45

rằng có lẽ lòng tôn-trọng con người còn lớn hơn ở những kẻ chỉ biết tin ở con người, những kẻ đã rửa sạch mọi ảo-mường về nguồn gốc Siêu-việt để biết nhìn con người như một sinh-vật không giống con vật nào khác... » (1).

Và đã nhìn như vậy, đã hiểu như vậy, chúng ta không thể chấp nhận lối đặt vấn-đề như trên.

Nếu chỉ đứng trên bình-diện hoàn-toàn sinh-vật, lùi trở lại với cuộc tiến hóa sinh-vật thuần-túy, thì quả là có lý khi cho rằng những đặc-tính di-truyền, những ác-tính bẩm-sinh, đã nằm trong cái vốn di-tính của chủng loại, là những gì khó thể loại bỏ, không thể chế ngự, ngoại trừ những ngẫu-biến may mắn xảy ra một cách hi-hữu, tình cờ. Nhưng con người, như chúng ta đã thấy, không còn là con vật. Và cuộc tiến-hóa của loài người cũng không còn là một cuộc tiến hóa sinh-vật thuần túy như xưa. Nhờ một sự soi sáng tỏ tường hơn trước về cuộc tiến hóa của nhân-loại, đã đến lúc những quan-điểm cực-đoan từng đối nghịch nhau, phải biết bổ-túc lẫn nhau. Là sai lầm nếu còn nhất-định cho rằng lối động-ứng của con người hoàn-toàn thuộc về văn-hóa, và nền-tảng động vật của con người không liên-quan gì đến văn-đề văn-hóa. Cũng lại sai lầm không kém nếu còn quan niệm rằng : con người đã hiển nhiên là một động vật thì tất cả những gì thuộc về con người chỉ cần được giải thích và giải quyết theo quan-điểm sinh-vật mà thôi.

Cuộc tiến-hóa của loài người đã rõ ràng là gồm có hai phần : *sinh-vật* và *văn-*

hóa, và hai thành-phần này không phải là biệt-lập, đối lập hẳn nhau, nhưng cùng có liên-quan mật-thiết, cùng có như nhau một năng chức căn bản đối với con người: giúp con người thích ứng với hoàn cảnh, kiểm soát hoàn cảnh, vươn cao trên đường tiến-hóa. *Cuộc tiến-hóa của loài người không thể được hiểu như một tiến trình thuần-túy sinh vật, cũng không thể mô tả như một lịch sử văn hóa mà thôi. Có một tác-dụng hỗ-tương giữa các hiện-tượng văn-hóa và hiện tượng sinh-vật, mà cuộc tiến-hóa của loài người chính là thành-quả* (2).

Thực vậy về phương diện sinh-vật, mặc dù từ lớp người Tối Cổ tới nay, xét về cơ-cấu, hình thái, quả không có những biến đổi quan trọng và căn bản. Nhưng sự kiện này chưa đủ để khẳng định rằng cuộc tiến-hóa sinh vật đã đình chỉ hẳn ở loài người. Một sự thay đổi quan-trọng về cơ cấu của chủng-loại đòi hỏi một thời gian rất dài lâu dài. Và lại cơ-thể con người đâu đã đạt tới mức toàn hảo như chúng ta thường tưởng. Lại xét về mối liên-quan giữa hai thành-phần tiến-hóa, thì những gì ta thường gọi là *Văn-hóa* — hiểu theo nghĩa rộng — hay tất cả mọi phương-thức sinh-hoạt của con người, đều phát khởi từ cội nguồn sinh-vật. Đơn cử một sự kiện tầm thường nhất cũng đủ thấy rõ điểm này. Sự *dinh-dưỡng* chẳng hạn là một nhu cầu chung

(3) Peut-on modifier l'homme ? par Jean Rostand, p 137.

(1) L'Homme et l'Evolution par Theodiosus Dobzhansky (L'organique et le supra-organique) — Flam marion. 1966.

của tất cả mọi cơ-thể sinh-vật. Nhưng *cái ăn* và *cách ăn* của con người đã để ra biết bao nhiêu là bình-thái phức tạp về kinh-tế, kỹ-thuật, kỹ-ngệ, phong-tục, tập quán xã hội, lễ nghi v.v.. nói chung là một phần khá quan trọng của một nền văn-hóa, văn-minh. Đó là chưa nói đến sự kiện không có một con vật nào đã có một lối động-ứng có vẻ nghịch lý về cái ăn như con người, là đói mà cương quyết không ăn, trong trường-hợp miếng ăn là miếng nhục. Và như vậy bất cứ hình-thái văn-hóa nào từng đưa con người vượt xa lối động ứng của loài vật, và dù nó chỉ biểu-hiện trên bình-diện tâm-linh, tinh-thần, nếu được ta đào sâu tận cùng, cũng phát-lộ một cội nguồn sinh-vật. Hơn nữa, ngay cái khả-năng tạo thành văn-hóa, khả năng tiếp thụ, trao truyền, biến cải văn-hóa cũng bắt nguồn từ một nền tảng sinh-vật. Bởi lẽ sự thích-ứng của chủng-loại với hoàn cảnh, có một vai trò khá quyết định trong cuộc tiến-hóa, mà sự thích ứng lại là thành-quả của luật đào-thải tự-nhiên. Lối cấu tạo đặc-biệt của cơ-thể chúng ta, nhất là lối đứng thẳng, bàn tay, bàn chân, sọ, tổ chức não bộ, cũng như sự phát triển trí năng, vốn là thành quả của luật đào thải tự-nhiên đã đưa tới khả năng văn-hóa. Cho nên đã nhìn con người xuyên qua quá khứ sinh-vật, quá phần tiến hóa sinh-vật, chúng ta không thể nào phủ nhận tính cách quyết-định của yếu tố sinh-vật khi cần giải-quyết những vấn đề liên-bệ đến con người.

Nhưng mặt khác, nếu chúng ta lại nhìn con người xuyên qua lịch-sử, xuyên

qua quá trình tiến-hóa từ khi loài người xuất-hiện tới nay, chúng ta sẽ thấy yếu-tố sinh-vật không còn chiếm giữ độc-quyền quyết định. Từ anh thợ đẽo đá làm dụng cụ đầu tiên, hay gần hơn, từ một anh chàng *Néanderthalien* hôi hám, thô bạo, loạn-luân, thích xơi thịt, hút óc đồng loại, đến con người hiện đại, có một sự khác biệt rất nhiều. Nhưng khác là khác ở cái gì? Nếu xét về cơ cấu, hình hài và ngay cả về tiềm năng, hẳn-chắc thì quả không khác biệt quá nhiều, bởi lẽ « ngay từ lúc đầu, con người đã mang sẵn trong nó, tất cả những gì mà sau đó sẽ càng ngày càng phát-triển nảy nở trong kỹ-ngệ, kỹ-thuật, khoa-học, nghệ-thuật, triết-học, tôn-giáo ». (1) Vậy hì cái khác ở đây, những điểm dị biệt có thể khiến chúng ta, trong một trường hợp lạ lùng nào đó, bất thần chạm trán một anh chàng *Néanderthalien* hay một anh chàng *Cro-magnon* ngoài lộ, nếu không hoảng hốt bỏ chạy thì cũng sửng sốt, kinh-hoàng, chỉ là những cái khác do văn hóa, vì văn-hóa nhiều hơn. Và sở dĩ nói do văn-hóa, là vì con người vốn đã là một con vật xã-hội do từ một đặc điểm của cơ thể như đã nói trên kia. Đó là sự chậm lớn. Loài *Vượn* mới 9 tuổi đã hết lớn. Các loài *Đười-ươi*, *Hắc-tinh*, *Khỉ-đột* cũng đến 11 tuổi là cùng. Riêng con người sớm ra cũng đến 20 tuổi (2) mới ngừng sinh-trưởng. Thời kỳ thơ ấu do đó cũng kéo dài ra. Điểm này tuy có

(1) Peut on modifier L'homme ? par Jean Rostand. P. 104.

(2) L'homme et L'évolution par Theodosius Dobzhansky (Stades de la croissance chez les primates supérieurs).

về bất lợi cho chủng-loại, vì trẻ thơ không có đủ thể tự vệ, tự tồn như các loài vật thơ ấu khác, phải gây nhiều phiền hà bận rộn cho cha mẹ và những người thân yêu chung quanh nó về mặt nuôi nấng, săn sóc, trao truyền kinh nghiệm sống. Nhưng chính điểm bất-lợi này, chính nhu cầu bảo vệ, dưỡng dục, trao truyền kinh-nghiem sống này đã mở đường cho sự giáo dục, giáo hóa, và cũng là một trong những cánh cửa đưa tới nhu-cầu tạo ra ngôn-ngữ, một công cụ đặc lực nhất cho sự phát-triển văn-hóa, không phải chỉ về mặt trao truyền, phổ-biến kinh nghiệm, mà cả về mặt phát-triển trí năng, tư-tưởng.

Như vậy, tuy cũng như loài vật, con người cũng mang một cái vốn di-tính sinh-vật, nhưng bên cạnh đó, lại có thêm một cái vốn di-sản văn-hóa. Vốn di-tính sinh-vật tùy thuộc số nhiễm thể và những hạt giống di-truyền. Vốn di-sản văn-hóa tùy thuộc những hình-thái biểu-tượng truyền thông, tùy thuộc truyền thống xã-hội.

Và xét về then máy di-truyền sinh-vật (1) thì dù là thứ then máy đơn giản, cứng nhắc ở loại sinh vật đơn bào, như vi-khuẩn, biến hình trùng v.v., vốn chỉ có một *chương trình* duy nhất, bất di, bất dịch được trao truyền qua các thế-hệ do lối cắt-liệt (2) hay thứ then máy phức-tập, uyển chuyển hơn ở các loài sinh-vật phát-triển theo lối sinh-dục hữu-tính (3) thì sự di-truyền vẫn khó-khăn, chậm-chạp và các đặc-tính chỉ được trao chuyển từ cha mẹ qua con cái, cháu chắt mà thôi.

(1) Nói cho đúng thì di truyền phải được hiểu là khả năng của mỗi tế bào có

thể sinh-sản ra một tế bào giống y như nó, không những về hình-thái mà cả những chi tiết của các loại hóa chất như 2.000 loại dửu tố, bao gồm trong nó. Khái-niệm này bắt đầu có từ khi Di-uyền học, với sự phối hợp của Sinh-hóa-học, vào khoảng giữa thế kỷ XX, phân tích được các vi cơ-thể mốc, men vi khuẩn để khám phá ra vai trò của **protéine**, của **ADN** trong then máy di-truyền và nhờ đó, nhận rõ được rằng: trong toàn thể thế giới sinh vật chỉ có một phương thể duy nhất để bảo đảm sự tồn tại lâu dài của các hình thái và đặc tính qua các thế hệ, và cũng chỉ có một phương thức duy nhất để biến đổi chúng nó. Những nguyên tắc về di truyền đều giống nhau ở mọi loài sinh vật.

(2) Ở các loại sinh vật đơn bào, sinh sôi theo lối cắt liệt tế bào, then máy di truyền rất đơn giản so với then máy của các loại sinh vật sinh dục hữu tính. Như ở vi khuẩn chẳng hạn, chỉ có một phần tử ADN mà thôi và phần tử này tạo thành một nhiễm thể chứa tất cả các hạt giống di truyền cần thiết cho sự qui định tổ chức và sự điều hành của tế bào về sau. Sợi ADN của vi khuẩn, dài độ 1mln tức là dài hơn đường kính của tế bào vi khuẩn 1.000 lần, nằm cuộn tròn trong tế bào và chỉ sản xuất ra một sợi thứ hai đúng y như nó khi tế bào đến kỳ cắt liệt thành hai tế bào. Toàn bộ hoành đồ kiến trúc tế bào, phương thức thực hiện, phương thức sửa sai khi cần nói, chúng là **chương trình**, với đầy đủ chi tiết, được ghi bằng mật hiệu, trong chuỗi «nucléique» và phải được sao chép, trao truyền một cách đúng đắn, từ thế hệ này qua thế hệ khác.

(3) Với sự phối hợp, trong hợp tử, hai phần vốn di tính gồm một số nhiễm thể bằng nhau của đại bên cha mẹ, với sự phân phối **chương trình** trên nhiều nhiễm thể, với số nhiễm thể nhiều hơn và có đôi, có cặp, với lối tái tổ hợp vì rạn vỡ, sự kết hợp của các nhiễm thể đồng loại và sự tổ hợp may rủi của các hạt giống di truyền. (Theo Francois Jacob trong *La Logique du vivant — La molécule*) — Về cơ cấu của ADN, theo kiểu mẫu bằng sợi kim khí do Francois H.C. Crick và James D. Watson trình bày, giống như một cái thang hình xoắn đĩnh ốc, mà thành thang đúc bằng đường, phốt phát. Còn những nấc thang là 4 bazơ đạm chất: Adénine, Thyminé, Cytosine, và guanine. Kết liên thành cặp và bao giờ A cũng đi đôi T, C cũng đi đôi với G — Chỉ một hạt giống di truyền đã có độ 2.000 nấc thang như vậy. Ở người với 46 nhiễm thể có tới từ 4 đến 6 tỉ nấc thang. (Theo Ruth Moore trong *L'Évolution*, coll. Times Life 1969).

Trái lại, cái vốn di-sản văn-hóa, cũng có thể coi là một then máy di-truyền, nhưng mau nắm, nhậm lệ và sâu rộng hơn vì có thể trao chuyển cho bất cứ ai. Đã thế, truyền-thống xã-hội, sự giáo hóa, giáo dục cùng nhiều phương-thức sinh-hoạt khác có thể *ảnh-hưởng đến tác dụng* của then máy di-truyền sinh-vật nữa là khác. Vì ngay những đặc tính của cơ-thể sinh-vật, kể cả những đặc tính về khí chất, cũng đều phát sinh từ những hạt giống di-truyền, nhưng lại chỉ có thể phát-hiện, phát-triển do sự *tác động phối hợp* của *Nhân hình* với môi trường, hoàn cảnh, mà, với con người, thì hoàn cảnh xã hội, môi trường văn-hóa có ảnh hưởng, tác dụng mạnh hơn là hoàn cảnh địa lý, vì con người đã kiểm soát được thứ hoàn cảnh này, đã biến đổi được tổ sinh-thái và, do đó, đã thoát ly phần nào sự quyết-định của luật đào-thải tự-nhiên. Nói *ảnh-hưởng đến tác-dụng* của then máy di-truyền sinh-vật là muốn nhấn mạnh rằng mặc dù yếu tố sinh-vật có tính cách quyết-định, mặc dù chúng ta không thể hay chưa thể loại trừ, đúng như ý muốn, những yếu tố di-truyền không tốt hay có hại, về thể chất cũng như khí-chất, trong cái vốn di-tính sinh-vật, nhưng con người đã tỏ ra có khả-năng ngăn chặn sự phát-hiện những đặc tính di-truyền bất lợi, ít nhất là trong một đời người của cá-nhân. Về bệnh tật chẳng hạn, các chứng bệnh do yếu-tố di-truyền, thuộc về đặc-tính *chủ*, chẳng hạn như bệnh *tiểu-khát nhạt* (diabète insipide), bệnh *quáng gà* (hónéralopie) v.v. (1) với phương pháp liệu-trị của y-học, mặc dù những yếu-tố di-truyền ấy không mất đi, mặc dù chúng vẫn còn tiềm phục trong cái vốn di-tính để chờ cơ-hội truyền qua cho con cháu, nhưng nếu

chữa trị đúng cách, thì người bệnh vẫn khỏi được, vẫn không bị chúng hành hạ trong đời anh ta. Về bệnh tật đã vậy, mà về những đặc-tính khí chất, lợi thế của văn-hóa càng thấy rõ hơn. Cứ xét ngay về nhân cách con người, phân tích kỹ về phần ảnh-hưởng xã-hội trong đó, sẽ phải nhìn nhận rằng truyền thống xã-hội, yếu tố văn-hóa chiếm phần ưu-thế. Chỉ xét ngay một chuyện nhỏ nhặt như lời ăn tiếng nói của ta hằng ngày, nếu chúng ta phân tách ra thành : giọng nói, âm điệu, nhịp điệu của giọng nói, độ nhanh chậm, lối phát âm, lối dùng ngữ vựng, cách vận dụng câu kéo, thì bất cứ ở mỗi phần nào trong đó, chúng ta cũng có thể nhận ra được một phần ảnh-hưởng rất quan-trọng của xã-hội, của các yếu tố văn-hóa.

Như vậy, riêng với chúng ta, với cái tư-thể của con người, trong cuộc tiến hóa của loài người, khi cần phải loại trừ ác-tính, vấn đề đặt ra không còn phải là tìm cách xác định một ác-tính nào đó có tính cách bẩm sinh hay tính cách văn-hóa, nhưng phải là : *dù một ác-tính, như tính hiếu-chiến chẳng hạn, có quả là một đặc-tính bẩm sinh, con người cũng phải tích cực và quyết liệt đối phó*, chứ không thể dự vào đặc tính bẩm sinh của nó để biện hộ cho sự thoái thác trách nhiệm tinh thần.

Và sự quyết liệt đối phó này quả không phải là một chuyện « *cứ liều làm thử* » nhưng là một sự tin chắc ở kinh-nghiệm đã có của con người, cái kinh-nghiệm nó xác nhận rằng nếu bẩm tính là thứ con

(1) *L'homme par Jean Rostand* (Les lois de l'hérédité humaine) p.63.

người không thể loại hẳn được ra khỏi cái vốn di-tính, thì con người vẫn có nhiều phương-thể hữu hiệu để chế ngự, khác phục. Và lịch sử tiến hóa của loài người đã chứng minh điều đó. Đã chứng minh bằng một sự chinh-đốn bản-năng rất cam go nhưng cũng có nhiều thắng lợi, những thắng lợi từng xác định rằng : mặc dù bản-năng luôn luôn dành quyền tuyệt đối nhưng con người, với ý chí đã có thể thống ngự, hướng dẫn bản năng. Đã chứng minh bởi sự khác biệt một trời, một vực giữa lối động ứng thô bạo, man rợ, rất gần với tiện-thú của lớp người Tồi Cổ với cái phong độ thuần-lương, tinh nhã có thể có được của lớp người hiện nay. Đã chứng minh với sự phát-hiện rất sớm của ý-niệm đạo đức trong loài người, một năng-khiếu mà chúng ta phải đồng ý với Alexis Carrel là *không thể nghi ngờ tính cách hiện thực của nó... Và trong dòng lịch-sử của Nhân loại nó đã từng chứng tỏ cái tầm quan-trọng rất đồi lớn-lao*. Nói chung, là cuộc tiến hóa đã chứng minh một cách tỏ tường rằng : Con người chỉ có thể trở thành người — ngay với nhân-cách và cá-tính riêng của mình — nhờ ở những giá trị văn-hóa. Then máy di truyền sinh-vật, với luật đào thải tự nhiên, cách đây trên dưới một triệu năm trời, chỉ giúp một giống Linh-trường trở thành một giống *Linh-trường đứng thẳng*, có một bản tính khác hẳn các giống sinh-vật khác, và chỉ như thế mà thôi. Chính cái khả năng *hóa-văn*, và thành tích văn-hóa mới giúp cho nó trở thành người, đem lại cho nó một lịch-sử, tạo ra cho nó cái tư thế của một chủ-nhân ông trên mặt tinh-cầu. Nhìn xuyên qua cuộc tiến

hóa loài người chúng ta hẳn phải đồng ý với K. Birket Smith, rằng văn-hóa là *một toàn bộ những thể lực tinh-thần, trí thức và năng lực của con người nằm chồng lên trên (cũng có khi đối kháng lại) tác-động mù quáng của các thứ cường lực và các loại bản năng »*. (1).

Đến nay, vào lúc phải chạm trán với cái hình bóng cũ, cái hình bóng khủng khiếp đêm đêm ám ảnh giấc ngủ của ta, và nếu đã biết rằng nó là đầu mối của cái tình trạng hoại-vong chung đưa tới một đại-họa diệt-vong khó tránh cho chủng-loại, thì văn-đề cấp bách phải là biết rút tỉa, từ những chứng minh trên của một cuộc tiến hóa kéo dài hơn nửa triệu năm, những bài học quý báu để cải - thiện, cải tiến cái lợi khí chúng ta sẵn có, để vững lòng và quyết tâm hơn trong những nỗ lực chinh-phục con người bằng những vận-động văn hóa mới mẻ, và hơn ai hết, các giới bác-học để chuộc lại cái lỗi vô-tình khơi gợi, ở con người, tham vọng có nhiều kho trữ năng-lực, nhiều vũ-khí hạch-tâm, coi những tiến bộ về máy móc kỹ-thuật là sự toàn thắng đáng hanh-diện, phải chuyển hướng hứng thích khám phá vào một con đường khác trước, trong đó nhà bác học không còn ỷ dựa vào cái tính cách phi luân lý của bản chất và mục đích khoa-học, để cũng biết tự coi mình có một trách nhiệm nặng nề trong sự hướng-dẫn nhân loại vươn cao, thẳng tiến về mặt tâm linh, tinh-thần. Có thể sứ mạng này cao quý và thiết thực hơn là chuyện mổ xẻ, phanh-phui cái vốn di-tính sinh-vật của con người để tìm xem tính hiểu chiến có tiềm tàng, mai phục trong đó hay không.

PHAN DU

(1) — L'Homme cet Inconnu par Alexis Carrel. (Chap. quatrième. Les activités mentales) p. 121. Ed. Pl. 1952

Tật lùn và hộ-pháp

Nhân loại trên quả đất tuy ở cùng hành tinh, nghĩa là điều kiện sinh sống khắp mọi nơi tương đối giống nhau, lại gồm có nhiều chủng loại khác nhau. Về mặt hình thể, bề cao của cơ thể là một dị đồng dễ thấy. Người Việt ta khi du hành qua các nước Âu Mỹ hay cả ở Phi châu, lắm lúc không tránh được chút ít tự ti mặc cảm thấy mình thấp bé trong đám người lớn cao vất vưởng. Tuy vậy, mình cũng có thể tự an ủi một phần vì tính chất thông minh không đi đôi với tầm vóc cơ thể, phần khác dầu sao mình cũng không phải là dân tộc thấp lùn nhất thế giới. Chủng tộc Négrille hay Pygmée bên châu Phi còn thấp bé hơn ta nhiều.

Người ta đã từng đặt câu hỏi vì sao tất cả các nòi giống không cùng này nở như nhau. Về mặt khoa học, ngày nay các nhà sinh vật học đã có thể giải nghĩa được sâu rõ cơ chế phát dục cơ thể và đưa ra ánh sáng vai trò quan trọng của kích thích tổ phát dục.

Một phần tử dài dằng dặc

Trong cơ thể, kích thích tổ điều động cuộc phát dục là do tuyến não thùy tiết ra. Ở con người, tuyến này nhỏ lắm, lớn cỡ hạt đậu, nằm trong một lỗ hổng ở trong xương não bộ.

Chi tiết này rất cần đề khảo cứu những bộ xương sinh vật thuở trước vì không có não thùy để quan sát, người ta chỉ còn biết suy luận với lỗ hổng còn lại.

Thật ra, não thùy không phải là một tuyến độc nhất mà là do hai tuyến khác nhau hợp lại. Phần trước của tuyến liên quan với yết hầu, phần sau của tuyến kết hợp với não thùy thần kinh. Chính ở phần trước của tuyến mà kích thích tổ phát dục được tiết ra cùng với năm kích thích tố khác. Người Anh Mỹ đã đặt tên là STH cho các kích thích tổ phát dục (đặc biệt là HGH — Human Growth Hormone — ở con người).

Kích thích tổ phát dục có một đặc tính quan trọng là chỉ có tác dụng trong mỗi giống loại (trừ giống chuột), nghĩa là không thể trích khai chẳng hạn kích thích tố này từ một con thú nào để dùng vào con người. Tính chất này đánh giá rõ ràng sự thành công trong cuộc chế tạo kích thích tổ phát dục.

Năm 1956, bác sĩ Cho Hao Li, người Trung-hoa làm việc ở Viện Đại học Berkeley, lần đầu tiên trích ra được một kích thích tổ phát dục. Mười năm sau, cùng với các cộng tác viên ở Hormone Research Laboratory, ông thiết lập được cấu tạo của

STH. Tiêu chuẩn tiếp theo là tổng hợp cho được kích thích tố ấy. Nhưng đây không phải là chuyện dễ vì phân tử STH là một dây dài gồm có 188 axit amin quấn lại thành hai vòng.

Trước hết ông phải xác định rõ ràng phối trí của mỗi axit amin, chế tạo từng đoạn nhỏ rồi kiếm cách nối tiếp chúng lại với nhau.

Tác dụng ngay ở nguồn gốc

Đầu năm nay, nhóm khảo cứu viên ở Berkeley đã thành công tổng hợp được toàn bộ phân tử kích thích tố. Thành tích này đã được giới khoa học khen ngợi nhiều nhất là khi người ta biết vai trò của kích thích tố trong nhiều địa hạt. Từ năm 1921, hai nhà sinh vật học Evans và Long đã từng thí nghiệm cho chuột hấp thụ trích chất của não thùy để thành không lồ và trái lại hề hốt cắt não thùy thì con thú dừng chậm phát nở. Ngày nay người ta biết rõ kích thích tố đã cõ vũ cuộc phát dục vừa của xương, đặc biệt là lớp sụn ở cơ thể còn trẻ, vừa của các bắp thịt và tạng phủ. Cơ chế là STH đã kích thích cuộc tổng hợp protein, đem axit amin dồn dập đóng vào xương, kết cấu là tế bào này nở, xương lớn lẫn ra. Người ta còn biết chính ngay ở nguồn gốc cuộc chế tạo protein trong ribosom mà STH đã tác dụng, chỉ phối.

Kích thích tố phát dục còn tác dụng lên các chất đường, chất mỡ của cơ thể. Như tuồng STH đã ngăn cản không cho glucot sát nhập vào axit photphorit. Người ta còn nhận thấy

hễ cho tiêm STH vào cơ thể hay vì não thùy tiết ra quá nhiều kích thích tố thì bệnh đái ra đường phát sinh. Còn đối với mỡ thì càng cõ vũ cuộc tổng hợp các lipid có nhiệm vụ bảo vệ protein thì tất nhiên STH lại càng kích thích cuộc phát dục. Có nhiều nhà bác học đã đặt giả thuyết STH ắt có can dự vào sự phát sinh ung thư.

Như vậy thì cuộc tổng hợp kích thích tố phát dục sẽ có ứng dụng tức khắc trong cuộc trị liệu chứng tật lùn. Đến nay người ta chỉ biết dùng não thùy từ các xác chết lấy ra, chế biến thành bột rồi trích kích thích tố theo phương pháp sắc phân.

Cuộc trị liệu rất hiệu nghiệm, nhất là sáu tháng đầu. Một đứa trẻ cơ thể lớn lên mỗi tháng một centimet với định phân mỗi ngày một miligam. Có điều từ mỗi não thùy người ta chỉ trích ra được có một vài miligam kích thích tố mà thôi!

Cao lên dễ thấp xuống khó

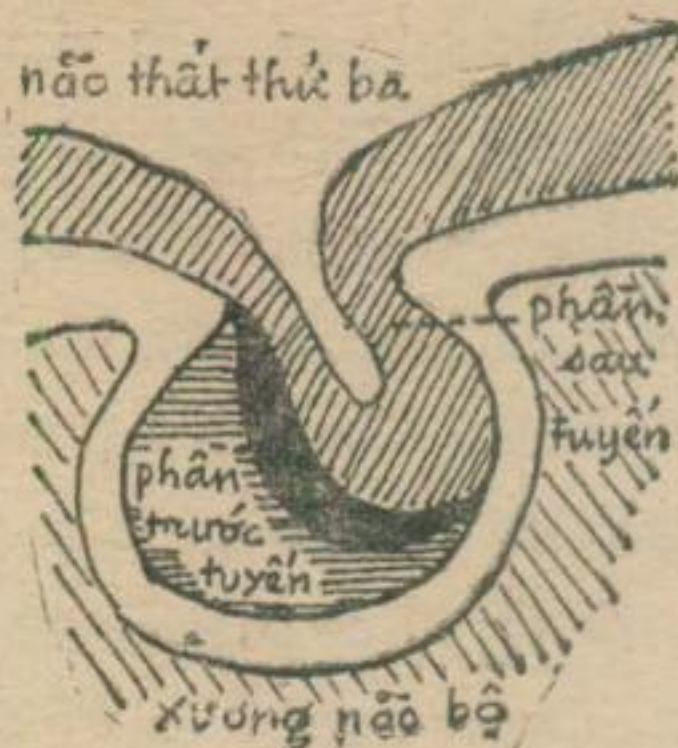
Các nhà sinh vật học đã từng muốn biết cơ thể các chủng tộc Négrille hay Pygmée có thiếu STH không. Một phái đoàn đến tận nơi thử máu thì nhận thấy số lượng [kích thích tố phát dục vẫn ở mức thường. Tuy vậy người ta không biết sức hoạt động của các kích thích tố ấy.

Trái lại với tật lùn thì có những người cao lớn gọi là hộ pháp, là những người thường vượt quá 1m90 (đàn bà) hay 2m (đàn ông). Tương đối những giống người sống ở phía bắc quả địa cầu (Tây-na-đan) cao nhất

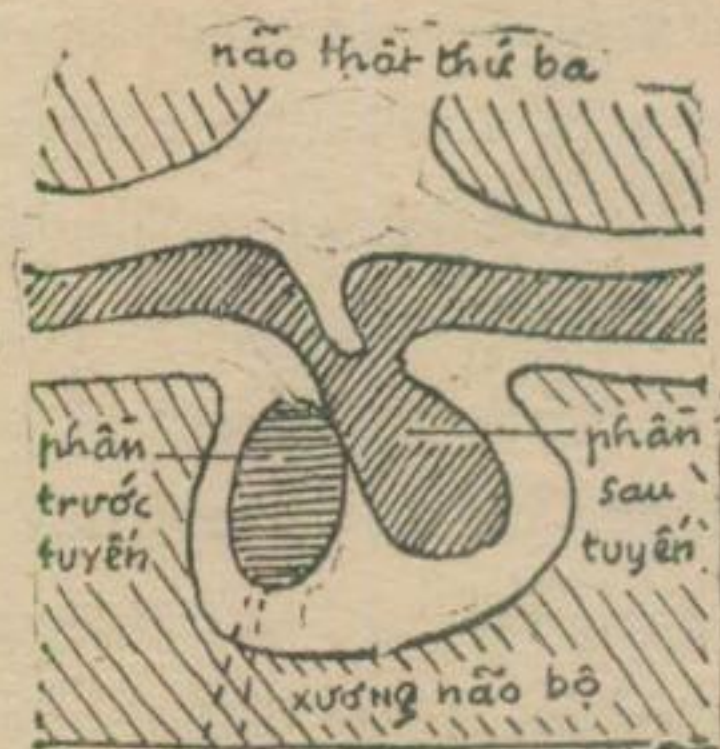
nhưng có một bộ lạc sống ở trung tâm châu Phi, trong thung lũng sông Nil tên là Dinka, nhờ chân dài phần lớn đều đạt đến 2m. Đây là nói chung. Có nhiều trường hợp vì não thùy vận dụng bất thường, cơ thể cũng vượt hẳn mức trung bình. Trong lịch sử đã thấy nói đến những người cao đến 2m50-2m60 : vua Maximin, một người Đức tên là Constantin, một người da đen xứ Congo ở cuối thế kỷ trước ; một người xứ E-cot ở triều vua Frederic II, thế kỷ thứ 18,... Nhưng đoạt kỷ lục có lẽ bên phía đàn bà là Lady Aama, sinh trưởng ở vùng Jura : 2m35 và bên phía đàn ông một người Nga tên là Machnov 2m85.

Ở những người hộ pháp này, não thùy vận dụng bất thường theo hai cách: hoặc cho tiết quá nhiều kích thích tố thì từ nhỏ cơ thể đã lớn lên rất nhanh, hoặc vẫn tiếp tục cho tiết kích thích tố sau thời kỳ phát dục thì cơ thể vẫn dần dần kéo dài mặc dầu hết còn trẻ. Nói cho đúng cuộc phát dục không thao diễn điều hòa mà cơ thể cao lên theo từng đợt và mỗi lúc xương kéo dài ra thì mình mẩy ê chề vì đau đớn ở khớp xương.

Đằng khác, người hộ pháp phần lớn bạc nhược, trí tuệ rất bị hạn chế, cơ thể lại chóng già. Có loại hộ pháp gọi là con trẻ vì bộ dài và cơ quan sinh dục không chút nở nang. Những người này thường đàn độn, chân cong về phía trong, các lớp sụn tồn tại lâu dài trong xương.



Kích-thích-tố phát-dục là do não thùy tiết ra. Não thùy gồm có hai phần : phần trước liên quan với yết hầu, phần sau kết hợp với não thùy thần kinh. Chính ở phần trước mà kích-thích-tố phát dục được tiết ra cùng với năm kích-thích-tố khác.



yết hầu

4.

Nếu cho thêm kích thích tố để người lùn cao lên được thì chưa có phương pháp trị liệu nào dành cho người hộ pháp. Cách đây vài năm bên Thụy-điền những bác sĩ chuyên môn đã kiếm cách hót cắt một khúc đuôi rồi nối liền hai đầu còn lại với một mảnh kim loại. Phương pháp có vẻ dã man và rồi sợ cơ thể cũng hết cân đối. Thì ra người cao cũng có chút tự ti mặc cảm (như những người lùn !) và cũng có những bất tiện của tầm vóc mình.

Thú vật hộ pháp thuở trước

Ai cũng biết trong lịch sử địa cầu, biết bao thú vật khổng lồ trước kia đã dần dần bị tiêu diệt, rất có thể vì tầm vóc chúng

Người ta thường bảo những loại bò sát thuộc đệ nhị kỳ địa tầng đã dài đến 40-50 m . Thật ra những bộ xương các con dinosaure còn lại chỉ dài có 25 m thì cũng đã ghê rợn lắm rồi. Hãy tưởng tượng một đốt xương sống rộng 1 m, một xương đùi 1m38, một xương tay 2 m, ... Những loại khác nhỏ hơn nhưng kích thước cũng vượt hẳn súc thú thời bây giờ : rắn 20 m, cá sấu 15 m, rùa 8 m, bò cạp 3 m, chuồn chuồn 70cm ...

Câu hỏi được đặt ra là kích thước các thú vật ấy có liên lạc gì với não thùy không. Như trên đã có nói, muốn biết

kích thước não thùy chỉ còn có đo lỗ hổng trong xương não bộ. Ở các dinosaure, có lỗ thật lớn, nhưng cũng có lỗ nhỏ, thành thử không thể có một kết luận tổng quát được. Trái lại, cuộc khảo cứu bên phía loại chim khổng lồ đã đưa lại kết quả chính xác hơn. Bốn bộ xương chim ở đảo Madagascar đo từ 1m48, 1m65, 2m qua đến 3 m đã được quan sát : người ta nhận thấy từ con nhỏ nhất đến con lớn nhất, cơ thể lớn gấp đôi thì não bộ lớn gấp bốn và não thùy lớn gấp tám. Liên quan giữa tầm vóc cơ thể và kích thước não thùy ở đây rất rõ.

Lẽ tất nhiên trứng các chim này đẻ ra cũng tương đương với kích thước của chim cái : người ta đã phỏng chừng mỗi chiếc trứng có thể đem làm chả ăn cho 70 người ! Và đấy cũng là một nguyên do của não thùy vì thí nghiệm cho biết nếu cho gà ăn trích chất của não thùy thì tức khắc trứng lớn lên.

Nhưng khổng lồ lắm rồi cũng bị tiêu diệt. Thì ra một cơ quan nhỏ xíu như não thùy mà thật đã là quan trọng cho cơ thể vì có thể thay hình đổi dạng một sinh vật và đưa nó qua khắp các thời kỳ thịnh suy.

VÕ-QUANG YẾN.

Đón đọc :

TUỔI THƠ

của Maxime Gorki

Bản Việt văn của Vũ-Minh-Thiều

Đây là tác phẩm chính của GORKI, trong đó kỳ tài của đại văn hào biểu lộ rõ rệt nhất. Một tự truyện chất phác, không cầu kỳ, nhưng nhuộm đủ màu sắc : kín đáo, linh động, thấm thía, khó quên được. Một lối diễn tả của TOLSTOÏ nhưng tính cách cá nhân nổi bật hơn : không nặng nề, đen tối; hay như một bài thơ thuần khiết, không chút giả tạo...

TRÍ ĐĂNG xuất bản

Trên giải đất của chia rẽ và căm thù,
Giữa thế giới hỗn mang vì xung đột tư tưởng,
hãy đọc

NHẤT NGUYÊN THẾ GIỚI

của Swami Vivekânanda

Một dòng phân tích triển miên từ vũ trụ đến nội tâm để tìm thấy Nhất nguyên.

Phân tích cả mọi tôn giáo triết hệ để cùng thấy Nhất nguyên như trăm sông đổ về biển cả.

bản dịch của Thạch Trung Giả
Thái Bình Dương xuất bản

Cơ sở xuất bản Ý THỨC

Trân trọng giới thiệu

CÁT VÀNG

Tập truyện của LỮ QUỲNH

« Hắn chợt nghĩ tới số tuổi hai mươi của mình. Số tuổi mà chiến tranh đã tước đoạt mọi ý nghĩa, đã cướp hết thời gian để sống của hắn. Hai mươi tuổi, hắn không có một chọn lựa nào hết. Sinh ra và lớn lên giữa chiến tranh, hắn thụ động trước mọi áp lực. Hắn như con thú sợ hãi trước mọi họng súng của thợ săn. Ai cũng có thể bắn ngã, và suốt cả một phần đời hắn chỉ biết chạy trốn».

HÀM THỤ tổng phát hành

BNP

A votre service
tous les services de la

BANQUE
NATIONALE
DE PARIS

CÂU CHUYỆN CỦA

Những người về từ Nguyệt cầu trong phi vụ Apollo 15

(Trích và thuật từ Tuần báo L'Express)

BẢO TRẦN

Viên đá quý (*)

Đại tá David R. Scott, 39 tuổi, có bằng Tiến sĩ Khoa-học và là phi-vụ trưởng chuyến bay lên trăng Apollo-15, kể rằng :

.. «Đời tôi hầu như gắn bó với nghiệp dĩ của ngành địa-chất. Trước kia, tôi chỉ ham thích lịch-sử. Còn nhớ hồi lái phóng-pháo-cơ bay bên Âu-châu, có lần bay lượn trên vùng trời Bắc-Phi và Hi-lạp, tôi đã say mê ngắm nhìn những tàn-tích đổ vỡ của thời cổ. Khi lao mình vào khoa địa-chất-học, tôi mới nghiệm ra rằng giữa lịch-sử-học và khảo-cổ-học, nó có nhiều điểm tương đồng, do đó học địa-chất đối với tôi cũng không thấy bỡ ngỡ gì lắm. Tôi khám phá ra rằng địa-chất-học quả thực mang sắc-thái nghệ-thuật của nó. Trong nó pha trộn những nét nghệ-thuật, những phần diễn-giải, những tư-tưởng độc-đáo của chính mình. Nó không giống thứ lô-gíc của toán học, vì ngành toán đòi bạn bao giờ cũng phải dẫn tới được đáp-số. Dần dà tôi thấy học địa-chất cũng không khác gì ta học ngoại-ngữ. Lúc đầu còn chật vật mới dịch nổi từng chữ một, nhưng về sau ta lại biết suy diễn thẳng bằng ngay thứ tiếng nước ngoài đó. Chỉ tới lúc này ta mới tự hào là thông-thuộc ngoại-ngữ.

« Cuộc thử-thách sau bao nhiều tháng

trời học tập thực sự đến với tôi trong lần đi ra ngoài phi-thuyền đổ-bộ thứ nhì trong ba chuyến thám-hiểm dự tính khi ở trên trăng, đó là lúc chúng tôi tới chân ngọn núi Apennins thì bắt gặp một mảng đá kết-tinh, mà hình như có người gọi nó là viên đá khai nguyên.

«Tôi trông thấy viên đá nằm gắn chặt trên một cục đá khác lớn hơn. Trong nháy mắt, tôi phân biệt ra ngay là loại đá gì, vì khi thoáng thấy các tia khứa song song trong đá, tôi nghĩ ngay đó là loại Plagioclase, một nguyên-tố chính cấu-tạo của loại đá Anorthose. Hơn nữa, người ta cũng đã nghĩ rằng trên trăng có thể có rất nhiều loại đá Anorthose, nhất là trong các dãy núi đồi cũ xưa của nguyệt-cầu hoặc tồn tại trên lớp vỏ nguyệt tự thời sơ khai.

«Tinh-thể có vẻ như Plagioclase thì rất nhiều, khiến Jim nhìn thấy rõ nó từ xa hơn thước tây. Quả thật chúng tôi cũng hi-vọng tìm thấy loại đá Anorthose vì tìm được thứ đá này, ta có thể giải quyết vấn-đề trọng-lượng của mặt trăng. Muốn tính ra được trọng-lượng của toàn khối nguyệt cầu, cần phải tìm ra chất đá Anorthose hoặc bất cứ một vật thể nào khác có tỉ-trọng nhẹ hơn tỉ-trọng các loại

(*) Những tiêu-đề là của người dịch thêm vào.

đá mang về trước đây, hầu giải-nghĩa về trọng lượng của trăng. Đá mang về các lần lên trăng kỳ trước đều có tỉ-trọng hơi nặng, so với tỉ-trọng trung-bình của nguyệt-cầu. Do đó khi bấp gặp viên đá quý, tôi báo ngay về Trung-tâm Kiểm-soát Phi-hành như sau : tôi nghĩ rằng chúng ta đã tìm ra được những gì chúng ta hằng mong tìm kiếm. »...

«...Phải thú nhận với quý bạn rằng khi thoáng thấy viên đá nằm ngon ru chỗ đó như thể nó đang chờ mong hàng triệu năm nay để chúng tôi tới lượm về, tôi đã rất đổi vui mừng. Nỗi vui đầy cảm động như chúng ta bắt được quả trứng Phục-sinh vậy. Bạn biết không, giống như một lớp trứng ta rải ra trên nền cỏ xanh, trong số đó chỉ có mỗi một trái bằng vàng. Phải, nó nằm yên ở đó, trái trứng vàng Phục-sinh.»

Thượng đế có mặt khắp nơi

Đại tá James B. Irwin, 41 tuổi, Tiến sĩ Khoa-học, là người cùng với Scotti đổ bộ nguyệt cầu kế tiếp:

«Có những lúc tôi nghĩ ngợi về các bất trắc có thể xảy tới. Đêm nào cũng vậy, khi chúng tôi đã ngã lưng xuống vớng treo trong phi-thuyền, chúng tôi thường thao thức vài phút.

«Trước khi an giấc ít khi chúng tôi trò chuyện cùng nhau. Mỗi đứa chúng tôi đều thả hồn theo ý nghĩ riêng tư. Và lại không bao giờ chúng tôi muốn làm rộn giấc ngủ của nhau, nhất là giấc ngủ đối với chúng tôi rất quan trọng để có thể bảo đảm hoàn-tất mỹ-mãn nhiệm-vụ.

«Khi nằm suy nghĩ triền miên như

thế thì chợt nhớ tới một đoạn Thán-kinh, nó quá quen thuộc với chúng ta như một điệp khúc trong một bài ca, đó là câu : Con ngược mắt nhìn lên núi là đỉnh cao mang lại niềm tin và hy vọng cho con, niềm hi-vọng từ tay Thiên-Chúa... »

«Trong chuyến Apollo-15 tôi không hề bị ngoại cảnh chi phối đức tin nơi Thiên-Chúa trong tôi, mặc dầu thời-đại ngày nay là thời-đại khoa-học và không-gian vũ-trụ. Ngược lại, khi đứng trên mặt trăng, tôi còn linh-cảm như ai đó đang ở bên tôi, đang săn sóc, che-chở riêng tôi. Có nhiều lúc công tác hết sức khó khăn, ấy thế mà mỗi lần gặp khó, mọi sự lại trơn tru, khiến chúng tôi hoàn-tất hầu hết các mục-tiêu. Tôi linh-cảm như có người nào đó đã phù giúp tôi ở trên trăng, đã như che chở cách riêng cho tôi. Nói như vậy không phải tôi ngụ-ý tới việc chúng tôi bị thâu hình vào vô-tuyến truyền-hình để Trung-tâm Kiểm-soát dưới địa-cầu theo-lõi mọi hành động của chúng tôi. Tôi không hề nghĩ tới điều đó, mà luôn luôn gạt bỏ hẳn ý tưởng bị thâu hình này đi. Có một điều chắc chắn làm cho tôi cảm động sung sướng nhất trong chuyến Apollo 15 là sự bắt nguồn từ lòng ham muốn được trèo cao, say mê leo núi, say mê bay cao, bay cao tuyệt đỉnh để ngoái cổ lại thấy mình càng thật xa... Tôi nghĩ rằng có lẽ tất cả các nhà phi-hành vũ-trụ đều cùng tâm sự như tôi, đó là sự thèm muốn lên cao. Dĩ nhiên không phải leo cao trên núi, mà là leo cao trong chuyến vượt vào không gian. Tôi thích mây mù. Nhiều năm qua tôi đã chụp khá nhiều

các hình về mây, chụp từ trên cao cũng có, chụp ngang tầm mắt cũng có, đủ kiểu. Đôi khi vân vũ cũng nên thơ như non bông. Chỉ tiếc một điều là trên trăng lại không có mây cho chúng tôi ngắm mà thôi. »

Không gian huyền ảo

Thiếu tá Alfred M. Worden, 39 tuổi, Tiến-sĩ Khoa-học là phi-tiểu lái phi thuyền mẹ bay chờ đợi trên quỹ-đạo mặt trăng trong khi 2 bạn đồng hành hạ xuống nguyệt cầu suốt ba ngày, nói như sau :

« Khi chúng ta bay trên quỹ-đạo của mặt trăng thì cái yên lặng nó êm ái dịu dàng làm sao. Nhất là khi chỉ có mình ta lẻ loi đơn chiếc. Trường hợp của tôi trong ba ngày dòng trên quỹ-đạo chờ đợi là như vậy. Tôi đã sống trong hoàn cảnh hư-hư thực-thực. Trong phòng lái, bạn không hề nghe thấy một tiếng động nào nếu có cầm nhắc vật gì lên, mọi sự như câm lặng, trừ tiếng « tách » khe khẽ của chiếc máy hình khi bạn sử dụng mà thôi.

« Tôi thường hay lái phi-cơ và trên máy bay thì bạn nghe động cơ nổ rền rền, bạn cảm thấy rõ ràng bạn được đẩy đi, nghĩa là nhờ ở sự rung-động mà ta biết và ý-thức được những gì xảy ra quanh ta. Nhưng trên quỹ-đạo mặt trăng thì tôi như người bị treo tòn-teng, lơ lửng bay chung quanh nguyệt-cầu. Tôi chỉ nhớ có hai âm-thanh, nhưng cũng y hệt trong một căn phòng có gắn quạt máy, âm-thanh đơn điệu của quạt máy nhiều khi làm cho bạn quên luôn cả sự hiện-diện của nó.

Bạn chỉ ý-thức được chiếc quạt máy lúc bạn chợt nhớ tới nó, và lúc đó

bạn lại nghe thấy tiếng máy rè-rè quáy của quạt, bạn mới tự nhẩm rằng ừ còn cái âm-thanh quạt máy đó. Nhưng khi bạn không nghĩ tới nó thì bạn cũng không ý-thức thấy sự vang động của nó đâu. »

« Trên phi-thuyền cũng vậy, có hai máy điện chạy đều đều. Một chiếc dùng cho cái quạt gió lưu-chuyển không-khí trong phòng lái, nó chạy liên hồi trong suốt chuyến bay. Rồi còn cái máy bơm nước nằm trong bộ-phận dịch-vụ của phi-thuyền mẹ, nó cũng chạy rầm rầm như chiếc quạt gió kia. Hai âm-thanh này đơn điệu và thường xuyên, còn các tiếng động khác thì rời-rạc, thường là âm thanh đặc phát như các âm vi-ba của máy truyền-tin liên-lạc với địa-cầu. Cái tĩnh của chuyến bay chỉ bị xáo-động bởi những âm thanh riu-rít phát ra từ máy truyền-tin mà thôi ».

« Mặt nguyệt vẫn từ từ trải ra dưới tầm mắt tôi. Nó huyền-ảo lạ-lùng, tới độ hình như có lúc nó thu-hút cả tôi vào đó, vào cả những nơi chỗ mà tôi nghĩ lẽ ra không tài nào có thể trông thấy được. Thật y-hệt như viên hoa-tiêu đĩa bay đang bay là là trên các nóc nhà mà nhìn thấy được cả bề trái nhà sau người ta.

« Riêng có một lúc bạn thực sự cảm thấy đang bay trên quỹ-đạo mặt trăng, đó là khi bạn đang bay trên phía sáng của nguyệt cầu, bạn trông thấy đủ thứ bên dưới, nhưng khi vượt đường phân ranh sáng tối thì bạn chìm đắm trong khoảng tối âm u, không còn trông thấy được gì nữa. Lúc đó bạn chỉ còn cảm thấy mặt trăng vẫn còn bên dưới bạn nếu bạn ngó lên bầu trời đầy ánh sao, bạn thấy một vòng cung án ngữ tầm trời của bạn, phía dưới vòm trời thì tối đen như mực »,

«Đôi khi vì mất hẳn ý-niệm về thực-tế, nên bạn còn cảm thấy làm như bạn có thể đang ở bất cứ nơi nào bạn muốn»,

Những giây phút hồi hộp.

Irwin nói về những giây phút nghẹt thở :

«Chỉ mỗi một lần chúng tôi đã e-ngại khó có thể hoàn tất được chuyến đổ bộ nguyệt-cầu. Tuy nhiên, nỗi lo sợ đó chỉ kéo dài trong khoảnh khắc. Khi chúng tôi đang bay trên quỹ-đạo trăng, Dave (tên lóng của Scott) và tôi đã chui qua phi-thuyền đổ-bộ rồi và chúng tôi đang sửa soạn tách rời phi-thuyền đổ-bộ của chúng tôi khỏi phi-thuyền mẹ, chuẩn bị cuộc đáp xuống mặt trăng.

Lúc đó chúng tôi bay vào mặt khuất của mặt trăng nhưng khi bay vào phía sáng của mặt trăng, phi-thuyền chúng tôi không tài nào tách rời được phi-thuyền mẹ. Tôi thầm nghĩ : chết cha, lại có gì trục-trắc trong hệ-thống móc nối đây ! Giả thử nếu chúng tôi không tách kịp nhau ra được thì cuộc đổ-bộ đã phải bãi bỏ. Chúng tôi đã nghĩ không khéo lại phải bò trở về phòng lái phi-thuyền mẹ. Dave và tôi nhìn nhau không nói. Tôi biết anh ta đang nghĩ gì và Dave hẳn cũng biết tôi đang nghĩ đi đâu...

«Rồi còn cái vụ lái chiếc xe Rover nữa. Lái xe này là cả một lịch-sử. Chiếc xe bốn bánh chạy điện do các bình ắc-qui cung cấp dễ bị lắc lư và lật đổ vì hấp lực trên trăng rất yếu. Không khéo mà húc phải một viên cuội lớn, chiếc xe có thể bị tung lên, lênh-bềnh trên không một lát và như thế thì dễ bị lật lăm. Mặc dầu chúng tôi cẩn thận cột chặt giây lưng an-toàn vào ghế xe, mà đôi

lúc bạn có cảm tưởng bạn lái theo một hướng, chiếc xe lại chạy theo hướng khác, giống như ta cưỡi phải con ngựa bất kham.»

«Lại còn một lần khác cũng khá nguy. Xe chúng tôi ngừng đậu ngay trên sườn dốc ngọn núi Delta trong vùng Hadley. Tôi còn nhớ chiếc xe nằm thẳng đứng với dốc núi ngay kề bên một miệng lõm rất sâu, nhưng chiếc xe lại trượt mà trôi xuống. Tôi phải vội vàng níu chặt chiếc xe lại và đứng giữ nó, để bạn đồng-hành của tôi tiếp tục công việc anh ta.»

«Một số rắc-rối như vậy tuy không quan trọng nhưng cũng làm cho chúng tôi hoảng sợ trong tình trạng căng thẳng.»

Tâm trạng khi trở về trái đất

Sống lâu trong điều kiện vô-trọng-lượng, cơ-thể con người cũng bị ảnh-hưởng, nhất là về mặt sinh-lý-học. Irwin thuật lại :

.. «Trong chuyến thám hiểm lần thứ nhất ngoài phi thuyền đổ bộ khi chúng tôi đi tới miệng lõm Saint Georges, Dave và tôi rất khó chịu về đôi găng tay. Chúng làm cho chúng tôi khó khăn rất nhiều trong công-tác. Quả là thế này, các đầu ngón bao tay xiết chặt ngón tay chúng tôi quá, nên mỗi lần giăng tay ra hoặc co tay lại, đầu ngón tay chúng tôi cọ sát mạnh vào găng làm đau đớn vô cùng. Khi trở vào phòng phi-thuyền đổ-bộ Đại-bàng, tôi đã phải lôi kéo cắt bịch nhựa thức ăn ra để cắt cụt hết các móng tay. Nhờ đó mà mỗi lần đi găng cũng bớt nhức nhối. Tôi có nói với Dave hãy bắt chước tôi mà cắt ngắn móng tay đi, nhưng anh lại sợ vì nếu cắt hết

móng tay, ngón tay anh sẽ mất hết cả sự dẻo dai khéo léo quen thuộc. Bởi vậy, mỗi lần thám-hiểm xong trở vào phòng phi-thuyền, khi lột bao tay ra thì móng tay Dave đều bị bầm tím rất đau đớn !

«Tôi còn gặp vài trở ngại khác nữa. Đó là sau ba ngày làm việc trên trăng khá nhọc mệt, tôi tưởng tượng tới bốn ngày bay trở về địa-cầu thì chúng tôi tha hồ nghỉ xả hơi cho thoải mái. Do đó tôi ít dùng tới chiếc dây thung thể thao kéo cho roãi gân cốt tay chân. Cho nên khi về tới nhà, người tôi như tê bại khắp mình không khác gì một bệnh nhân liệt giường suốt cả tuần lễ ở bệnh viện».

«Trong mấy đêm đầu khi về tới nhà, tôi nằm ngủ mà tưởng chừng như đầu tôi đổ gục xuống ngực tới 30 độ và thật là hốt-hoảng khi mặt mày quay cuồng choáng váng lạ thường».

Đi bộ trong không gian

Worden kể lúc ông bước ra không gian :

...«Lúc tôi mở nắp phi-thuyền, tôi bị kích-động nặng. Nhịp tim dồn dập của tôi chứng tỏ điều đó. Điều này không do nơi cơ-thể mệt mỏi hay đại loại những gì tương-tự».

«Có một lúc bạn ngừng đi và thầm nói : không giống như trong phòng tối. Nếu có gì bất trắc, tôi không có một ai khác trong phòng tối để bám cho tôi chiếc nút kéo tôi tụt trở lại. Khi bạn ở trong không-gian vũ-trụ, cách xa tới 300.000 cây số mà nếu có gì không hay xảy ra cho bạn thì bạn biết chắc là đời bạn đi đứt rồi.»

«Tôi không ngờ bước ra không-gian như bước vào một thứ gì đen ngòm, tối om như trong ống bếp vậy. Bật nắp phi-thuyền ra, tôi như bước lên sân khấu khai-diễn một màn kịch. Sân khấu thì tối om, trừ một tia sáng rất mạnh rọi sáng người bạn. Bất chợt bạn trông rõ mọi thứ chung quanh. Đó là do ánh sáng mặt trời chiếu thẳng vào mọi vật trong chân không và vì không có sự khuất tán ánh sáng nên nếu tia mặt trời không chiếu rọi tới vật nào thì vật đó chìm trong bóng đen.»

«Tôi có thể đổi mười triệu đô-la để có được chiếc máy hình dất vào túi trước bộ đồ không-gian của tôi. Tôi thấy Jim Irwin đứng ló nửa mình ra ngoài cửa phi-thuyền và bóng hình anh ta hiện nguyên ngay giữa mặt trăng. Cảnh này thật tuyệt mỹ, nếu ta mà chụp được bức hình này thì tôi có thể các bất cứ cái gì đổi bằng được bức hình đó».

Máy không thể thay người

Scott tiếp lời :

«Chúng ta thường hay bàn luận về những sự đáng phục của con người và của máy móc trong bất cứ cuộc thám dò vũ-trụ nào. Riêng tôi thì nghĩ rằng các loại xe tự-hành như kiểu Lunokhod của Liên-sô cũng đóng vai-trò xứng đáng trong các cuộc thám hiểm không - gian. Tuy nhiên, khả năng suy nghĩ và cân nhắc của con người vẫn cần-thiết hơn là chiếc người-máy, nhất là đứng trước một hoàn cảnh hoàn toàn xa lạ.»

«Chiếc máy không thể lượng định được theo ý riêng mọi điều bí ẩn. Trong

thực trạng kỹ thuật ngày nay, chiếc máy không thể tài nào có được khả-năng tiêu lượng các mẫu vật thể nhanh chóng hơn người được, nhất là còn phải chọn lựa nữa.»

«Bạn hiểu rằng, rút cuộc cái tri thức của con người là một cái gì không thể thay thế bằng máy điện tử được.»

Riêng cái tính tò-mò, tìm hiểu của con người đã là một thứ gì rất huyền diệu. Nó không thể có trong máy móc do con

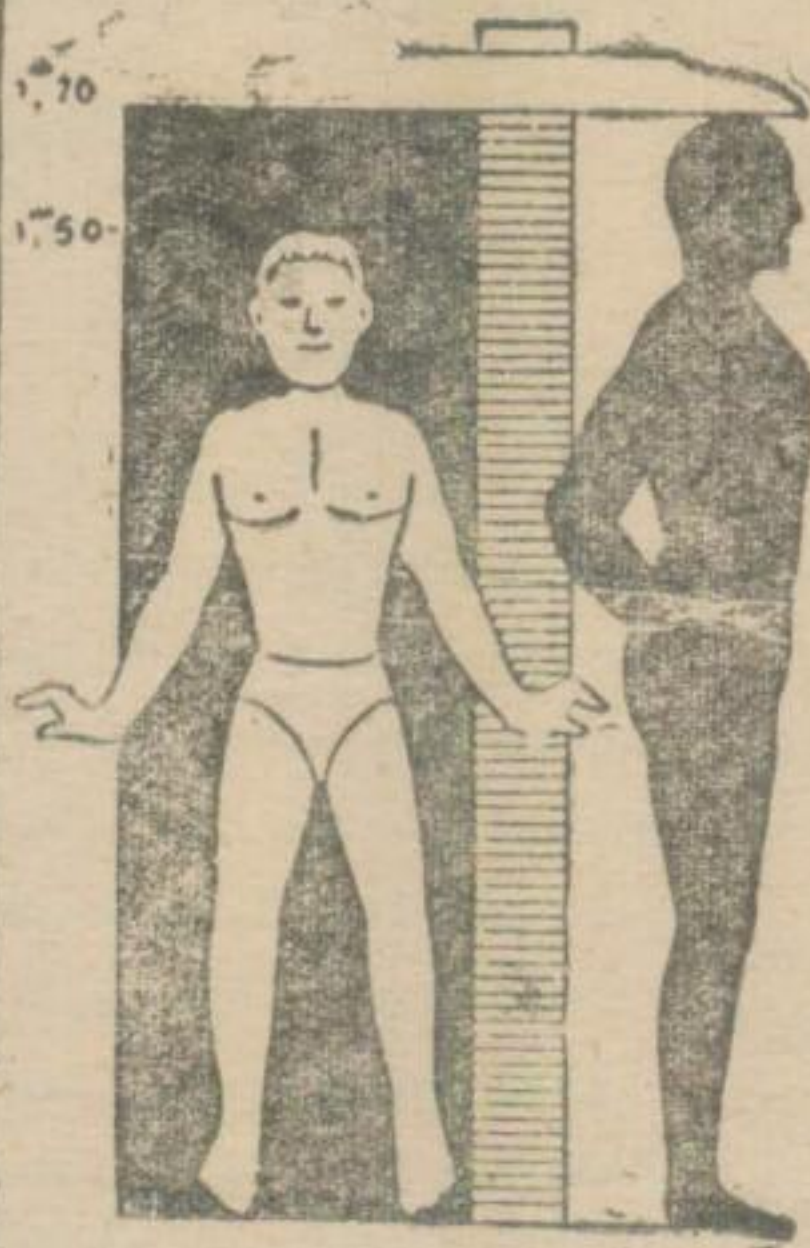
người sáng chế ra. Chính cái đó mới làm cho con người lúc nào cũng sống động, ngay cả khi đang mài miết tìm kiếm cái gì. Thật giản-dị như đưa bé hay hỏi người lớn tại sao thế này, tại sao thế kia. Các dân-tộc lớn trong lịch-sử là những dân-tộc đã biết vận dụng tài trí và óc giàu tưởng tượng để tiên phong khai phá.»

BẢO TRÂN

thuật theo l'Express

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NIT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯỜNG.
MẠNH KHOẺ.
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

KN S6 : 78 MBYT/QCPD

DƯ SINH I

Tặng Lữ Kiều, người bạn chưa quen

1-

Tiếng xôn xao bên trại nữ đánh thức Ngang dậy — Anh quờ quạng tìm cây nạng gỗ, vô ý đánh rơi xuống nền xi măng — Tiếng động khô chỏi, vang trong đêm khuya. Nghe có tiếng trở mình ở giường trên, Ngang e sợ nằm yên. Người bạn tù có lẽ đoán được tâm trạng người nằm dưới, lên tiếng hỏi trước :

— Ngang có ngủ được không ? Tôi chịu, cố gắng ngủ mà không nhắm mắt nổi. Mới lơ mơ, trong ruột lại nổi xót xa.

Ngang ngồi hẳn lên, hướng người ra phía có ánh sáng, trả lời :

— Dạ tôi cũng vậy. Mới vừa chợp mắt, bên nữ đã ồn ào rồi. Chắc cô y sĩ lại lên cơn động kinh.

— Chắc vậy. Ngang này !

— Gì hờ anh ?

— Khi chiều có đem nước về nhà không ?

— Có, anh cần để tôi rót bột cho.

— Ừ, cho anh một ca.

Khi Ngang đưa ca nước cho anh Điền, anh nói nhỏ :

— Anh có lên lấy cơm dư phơi

khô, nấu trong bao ni lông góc nhà chỗ em nằm. Ngang có đôi lấy ăn.

Ngang sợ hãi nhìn ra phía ngoài. Không có ai khác, ngoài ánh điện vàng lù mù và sự im lặng của đêm đen. Sau mỗi bữa ăn lính gác luôn luôn kiểm soát thu dọn kỹ càng số cơm thừa. Thực ra ban đầu không ai chú ý, để mặc tù binh để dành cơm trong ga-mên ăn giấc khuya. Nhưng về sau, giám thị trại giam khám phá nhiều người phơi khô cơm thừa, nấu chín một chỗ, chuẩn bị cho các cuộc đào thoát tập thể. Từ đó, người nào cố ý phơi cơm trên mái tôn bị biệt giam, và bị chuyển cấp tốc đến các trung tâm khác. Ngang ráng chống chân, bấu vào mép giường trên nói vào tai anh Điền :

— Anh nấu vào chỗ tôi nằm, lỡ họ khám xét tìm thấy, tôi bị mang vạ chết.

Điền cười, xoa lên tóc Ngang :

— Không sao đâu. Anh mới nấu ở đó từ tối hôm qua. Với lại ai bảo Ngang nằm trong xó. Ở đây đã tối tăm, muỗi nhiều lại gần bên cái hầm tiêu. Anh nằm ở trên có gió luôn không sao, còn Ngang nằm dưới lạnh đủ.

Ngang gương đứng hẳn lên, ổng quần bỏ thông vào khoảng không.

— Tại tôi sợ.

— Sợ cái gì ?

Ngang hỏi lại :

— Anh tin có ma không ?

— Ma ? trời đất ! Ngang chịu nằm trong cái xó hời hám ai cũng chê, vì sợ ma. Nói nhỏ kéo trong trại họ nghe được họ cười cho chết. Nhưng nằm trong xó tối cũng có ma xó, sao Ngang không sợ ?

— Anh can đảm, mạnh bạo, chỉ tin ở mình. Trước kia tôi cũng vậy. Nhưng có nhiều sự trùng điệp lạ lùng, khiến cuối cùng tôi nghĩ là mình bị báo oán. Tôi đi đâu, nó cũng đi theo. Đến lúc vào đây tưởng là đoạn chót của đời mình, dứt khoát với nó rồi. Mới bước qua khỏi cổng trại C, tôi lại thấy nó. Thành thử cuối cùng tôi tin có ma.

Anh Điền cười rộ, cười xong chợt nhớ nên bụm miệng lại. Điền nhìn thẳng vào mặt Ngang :

— Em nói dối hay nói thiệt.

Về mặt nghiêm trọng của Ngang đủ trả lời cho Điền. Ngang nói :

— Tôi đứng mãi thế này mỗi chân quá. Hay anh xuống giường Ngang ngồi. Đôi lúc có nỗi lo riêng, không thổ lộ được với ai, Ngang cảm thấy ấ n ức, khó chịu.

2.

Vâng, trước kia tôi cũng vậy : bạo

dạn, can đảm, chỉ tin ở mình. Cái gì tôi cũng làm thử, cho biết. Làng của tôi ở gần sông và ven núi. Gia đình tôi sống bằng nghề làm rẫy và giữ dê. Những nhà giàu trong quận tin rằng sữa dê bồ hơn sữa bò nhiều, nên ai cũng mua vài cặp. Khi dê cái sinh con, họ đem về lấy sữa. Khi đã hết sữa và không chịu nổi sự phá phách làm đồ rào, hư kiềng, họ lại đem dê gửi chúng tôi nuôi. Các anh tôi mạnh bạo trưởng thành, nên phụ giúp cha tôi chặt cây, xeo đá, mở rộng khu vực trồng trọt trên sườn đồi. Tôi ở vào tuổi mười hai mười ba, thích chạy nhảy, nên được giao việc giữ dê. Công việc đơn giản lắm : sườn đồi mùa đông và mùa xuân cây lá um tùm, nên dê chỉ lẩn quanh chuồng cũng đủ no. Mùa hạ mùa thu, phải lùa dê đi xa hơn, phía bên kia núi, gần cái đầm sâu đầy bèo và bên cạnh mấy con suối nhỏ róc rách. Buổi sáng mở cổng, đàn dê kéo đi ăn, buổi chiều gần tối, tự động, chúng kéo nhau về. Nếu sự đời cứ như vậy, thì em thành tiên rồi. Có nhiều trường hợp em phải dờ khóc dờ cười. Có bữa, đã gần tối, ra kiểm lại bầy dê thấy thiếu mất hai con. Hốt hải chạy tìm, chân vệt vì đá nhọn, ổng chân gai quào, lại sợ cha mắng... Tận bên kia đầm, cặp dê thân nhiên tình tự. Lùa được về đến chuồng, giận quá, tôi cột chặt chúng vào cái cọc rồi lấy roi quất đến lúc mệt lả mới thôi. Lại có bữa, chiều về kiểm điểm thấy thiếu một con. Chạy ra đầm không thấy. Chạy ra suối không thấy. Đến lúc tuyệt vọng,

định ngửa mặt than trời, mới thấy hình con dê đứng lặng in trên nền mây. Không biết nó đứng đó làm gì, cô đơn, lạnh lùng, băng khuâng. Tôi cũng đã có lần đứng như nó, mãi miết ngắm những thửa ruộng màu xanh khác nhau chồng chất phía dưới, chòm ngợp dưới bầu trời bao la mệnh mông quá chừng. Hôm đó, tôi đuổi con dê về, chẳng những không giận dữ mà còn thấy lòng thương xót, quyến luyến.

Kề ra công việc ấy không mệt nhọc gì, vừa nhàn nhã vừa thích thú. Buổi trưa, bầy dê tránh nắng dưới gốc cây, thì tôi lại được tắm mát dưới sông. Buổi chiều, hôm nào thấy vui, lúc dê về sớm, tôi lại ngâm mình, vẫy vùng thỏa thuê dưới dòng nước mát. Cát mịn chùi dưới gót chân, xoa dịu hết các vết vệt của đá và gai. Nước cuốn trôi hết bụi đỏ, mồ hôi và nổi nhọc nhằn chán chường. Đây là thời kỳ hạnh phúc nhất của cuộc đời tôi. Tôi thấy thỏa mãn, cho đến lúc anh Cả rủ tôi đi tắm biển và bơi biều diễn từ bên này bờ sông qua bên kia. Anh tôi bơi nhẹ nhàng, thoải mái, qua đến bên kia vẫn còn có thể tươi cười bắt tay loa lúc sang. Lúc ấy, tôi mới thấy mình còn khốn khổ. Thật tầm thường, cái cảnh ngồi bệt trên sông cạn cho nước ngập đến lưng, lấy tay vỗ nước tung tóe như đứa trẻ lên tư lên năm. Thà ở nhà tắm giếng còn hơn ra đây tắm sông mà không biết bơi. Anh Cả bêu môi bảo vậy.

Tôi khàn khản:

— Anh tập cho em bơi vớ!

Anh cả làm cao:

— Sức mày bao nhiêu mà đòi bơi. Sải vài cái tay đã mỏi, chỉ có nước để chìm ngấm mà thôi.

— Em bơi được mà — anh tập vài bữa, em bơi giỏi như anh cho coi.

— Cản gì tập. Hồi trước có ai tập bơi cho tao đâu.

— Làm sao tự nhiên anh bơi được?

— Bí mật.

Rồi anh Cả kéo sát tai, nói nhỏ:

— Mày không được tiết lộ cho ai biết nghe không. Thề đi.

Tôi mau mắn nói:

— Em xin thề.

— Xì, thề trợn thì ăn thua gì.

Tôi bứt một sợi tóc để vào giữa lòng bàn tay, nhò vào đó một bãi nước miếng, rồi xoa hai tay lại với nhau, vừa xoa vừa nói:

— Em xin thề.

Anh cả thấy tôi làm đủ các thủ tục, bằng lòng, nói:

— Muốn biết bơi, chỉ việc bắt chuồn chuồn voi cho nó cắn rún. Đừng sợ đau. Càng bị cắn đau càng mau biết bơi.

Không ngờ bí quyết đơn giản đến thế. Đơn giản đến độ khó tin.

Nhân một hôm anh Cả đi xa, tôi mới đem hỏi chuyện đó anh Hai. Anh

Hai cười ngặt, xong bí mật xác nhận :

— Đúng, tao biết bơi nhờ cho chuồn chuồn cắn rún. Loại chuồn chuồn càng to, cắn càng đau, thì càng dễ biết bơi.

Hỏi chị Mương, chị cũng nói vậy.

Tôi tìm bắt con chuồn chuồn voi to nhất, đem ra bờ sông sâu. Trốn trong một lùm cây, tôi bỏ hết quần áo, dí miệng chuồn chuồn vào rún. Lần đầu thấy chuồn chuồn sắp dơ mấy cái càng nhọn ra nghiêng mồi, tôi giật mình đem nó ra xa. Lần nhì, mấy cái càng bắt đầu hoạt động tạo một cảm giác nhột nhột khó chịu quá. Lại thất bại. Lần thứ ba, cương quyết hơn, tôi nhất định giữ chặt đầu chuồn chuồn sát kề rún. Tôi đau đớn tận xương tủy. Chuồn chuồn nghiêng mạnh thật tôi, máu bắt đầu tươm ra. Tôi cương quyết đến độ dù đau, vẫn đè sát đầu chuồn chuồn vào rún, đè mạnh đến nỗi nó chết lúc nào không hay. Cho cắn xong, rất lạc quan, rất tin tưởng, tôi nhảy ùm xuống khúc sông sâu.

Anh Điền bùm miệng cười sặc sụa :

— Ai vớt Ngang lên.

— Không ai vớt hết. Tôi bắt chước đưa tay bơi như anh Cả, nhưng chỉ vẫy vùng được mấy cái rồi chìm ngấm. Tôi uống liên tiếp mấy ngụm nước, tôi tắm mặt mũi. Không biết lúc ấy nhờ đâu, tôi đạp mạnh hai chân xuống lòng sông đầy bùn và lá rữa, nên mới trôi lên được. May mắn là ngay tại đó, dứa nước mọc đầy, rễ phụ thả thông đến sát mặt sông. Tôi chụp lấy một nhánh rễ, rán hết sức trườn lên.

Lên được gốc dứa nước, tôi mới biết mình còn sống. Máu trên rún vẫn còn rỉ rỉ chảy.

Người lớn đã lừa tôi. Nhưng chẳng lẽ thuật lại kinh nghiệm chưa xót đó cho anh Hai anh Cả nghe. Chẳng lẽ trút hờn giận vào những kẻ to lớn, mạnh bạo. Tôi đâm thù hận loài chuồn chuồn. Gặp chúng đâu là tôi giết đó. Gặp chuồn chuồn kim, tôi vạt cánh chúng, ngắt đuôi chúng, rồi ngấm chúng quay

TIN MỪNG

Thành thật chúc :

PHẠM THỊ SEN — NGUYỄN BA

trọn đời hạnh phúc — kể từ 12-10-1971

Hạ Đình Thao — Trần Công Nghị — Lê Văn Trung —
Hoàng Lộc — Ngô Thi — Nguyễn Tịnh Đông — Lê Phước Sanh —
Trần Lư Nguyên Khanh — Trương Được — Kiều Uyên

cuồn cuồn trên nền đất bùn. Gặp chuồn chuồn voi, sự hình phạt công phu hơn. Hoặc tôi đề nguyên cánh, nhưng ngắt đuôi đi, cắm vào đó một cọng cỏ lau hay một cái hoa. Chuồn chuồn bay lượn nặng nhọc một lúc, rồi đâm đầu xuống chết. Hoặc tôi lấy chỉ cột đuôi hai con lại với nhau. Hình phạt thông thường nhất là đề nó nghiêng cục đá, cho mấy cái còng ghê tởm đáng ghét gãy hết, rồi tôi lần lượt rút đuôi, rút cánh, rút đầu quăng xuống dòng sông.

Bây giờ nghĩ lại, mới thấy mình vô lý. Bị người lớn lừa, tôi lại thù loài chuồn chuồn. Tôi giết quá nhiều. Có lẽ vì vậy, về sau khi lớn khôn, tôi lại bị loài chuồn chuồn theo đuổi, trả thù. Tôi sợ chúng. Tôi sợ chúng quá rồi!

3-

Anh Điền nói:

— Chuồn chuồn báo thù? Anh không tin Ngang chút nào. Thủa nhỏ anh có nghe chuyện người thợ săn bắn gãy chân một con cọp thiêng. Về sau, con cọp ba chân ấy cứ rình rập báo thù đời con đời cháu của người thợ săn. Chuyện huyền hoặc, nhưng còn có thể tin được, vì cọp mạnh bạo, nhanh nhẹn, hung dữ. Còn con chuồn chuồn thì làm được gì!

Ngang trả lời, giọng quả quyết:

— Nó không làm được, nhưng hồn nó nhập vào một sức mạnh khác để hại mình. Người chết thì còn làm được gì? Bàn tay quắp lại, rùng mình một cái, mắt trợn trừng, thở hắt lần

cuối cùng, là hết. Nhưng những kẻ chết bất đắc kỳ tử, oan hồn nhập vào người khác để báo oán. Mẹ tôi kể có người học trò nông nghênh thường chê bai chuyện bói toán. Một hôm anh ta tìm gặp đạo sĩ tóc bạc chống gậy trúc, ồm ồm hỏi về tương lai. Đạo sĩ bảo ngày sau anh sẽ chết vì cọp. Anh học trò cười ngắt, vì ở đồng bằng bao la này làm gì có cọp. Vậy mà về sau lời đạo sĩ vẫn ứng nghiệm. Một hôm đang ngồi ngâm nga kinh sử ở chái đình, tượng cọp trên trụ đá tự nhiên đổ xuống, đè chết anh chàng nông nghênh khinh bạc.

— Đó chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên.

Ngang cãi lại:

— Trong trường hợp của tôi, không phải là ngẫu nhiên. Tiếc cho anh học trò là con cọp đá đè anh ta chết ngay, không chờ đến lần thứ hai lần thứ ba. Còn những con chuồn chuồn của tôi cứ vờn qua vờn lại, khi thì giết chết anh tôi, khi thì đốt cháy xóm làng tôi, khi thì đùa dỡn với sự sợ hãi khiếp đảm của tôi.

Anh Điền nôn nóng ngắt lời:

— Con chuồn chuồn nhập hồn vào thứ gì mà hung ác vậy? Anh mới nghe chuyện kỳ dị này lần đầu.

— Con cọp trong truyện đời xưa nhập hồn vào con cọp đá. Hồn chuồn chuồn bây giờ nhập vào những con chuồn chuồn sắt. Anh có nhìn kỹ mấy chiếc máy bay lên thẳng không? Cánh quạt nó quay xập xoè như đôi cánh chuồn chuồn. Cái bụng thon tròn phía

trước, cái đuôi dài phía sau giống y bụng đuôi con chuồn chuồn. Hai cái càng máy bay là hai chân. Nhưng giống nhất là đôi mắt. Anh có thấy loại máy bay thường chở «lính ngự» không? Trước buồng lái, có hai miếng gương trong suốt bao bọc cho ô máy, giống y đôi mắt của loại chuồn chuồn voi. Không có lý gì tự nhiên loại máy bay đó cứ theo đuôi hành hạ tôi mãi, nếu không có hồn ma chuồn chuồn nhập vào báo thù.

—Anh thấy Ngang nghĩ quá xa. Tuy đã nói một lần và đã bị Ngang bác bỏ, nhưng anh vẫn thấy không có gì linh thiêng huyền bí ở đây cả. Hình dáng của chiếc máy bay, và cảnh nhà cháy người chết Ngang vừa kể không có gì liên hệ nhau. Do ngẫu nhiên hết.

Ngang có vẻ nóng nảy, giận dữ :

— Tại sao lại có thứ ngẫu nhiên quái ác vậy? Gia đình tôi hết lòng thờ kính thần núi thần sông, hết lòng thương yêu mọi người.

Tôi không bao giờ thấy cha tôi độc ác tàn tệ với một con dê, con gà, con bò, con chó. Mẹ tôi phát nguyện ăn chay trường từ lúc đưa em tôi sinh ra sống ời ọp rồi chết dần chết mòn vì bệnh tê liệt. Mẹ tôi nói. Chắc mình có làm lỗi điều gì nên trời Phật phạt. Anh Cả anh Hai chị Mương của tôi dễ thương, hiền lành, không gây gổ kinh cãi với ai bao giờ. Vậy thì tại sao lại có thứ ngẫu nhiên bắt cả hai anh tôi chết thảm, xác phơi trên đồng hoang? Tại sao lại có thứ ngẫu nhiên

đốt tan tành cái chuồng dê, cái từ đường, mấv cây xoài, cây ổi, ném mấy kẻ sống sót là cha mẹ và chị Mương chui rúc vào trại định cư? Tại sao lại có thứ ngẫu nhiên chòn vòn mãi Lên tôi, lừa tôi vào chỗ này?

Chuồn chuồn bám theo tôi mãi, nên không thể là ngẫu nhiên được. Lần đầu nó xuất hiện, tôi đã linh cảm điềm bất thường rồi. Hôm đó, vào buổi trưa, bầy dê đã ngủ dưới tàng cây mát phía suối. Tôi thơ thẩn đi hái sim trên triền đồi, khoảng cây cối thưa thưa xuôi dài xuống bờ sông vắng phía nam. Chiếc máy bay chuồn chuồn quạt cánh phẳng phật, bay dọc theo con sông. Tôi tò mò nhìn lên. Chuồn chuồn quẩn trở lại, sà thấp ngay trên đầu tôi, sức gió làm tung cát bụi mù mịt. Tôi sợ hãi đến chết khiếp. Nó bay về phía suối, rồi quay trở lại, hạ thấp đến nỗi tôi có cảm tưởng đôi chân sắp gặp tôi bay bỗng lên không. Tôi cảm cở chạy về phía trước. Bay đến chỗ tôi, nó bốc cao lên phía đầu núi — Rồi quay trở lại, hạ thấp, như muốn húc mạnh vào ngực tôi. Tôi phải quay lưng trốn về phía suối. Nó cứ bay đi bay lại như vậy đến chín mười lần, vì tôi chạy xuôi chạy ngược đến cả giờ đồng hồ. Cuối cùng mệt là không thể chạy được nữa, tôi đành nằm ngửa giữa cát bụi, sẵn sàng nhận mọi sự bị đát tàn khốc. Ngạc nhiên làm sao, máy bay chuồn chuồn sà thấp lần cuối rồi bay xa.

4-

Đó chỉ mới là màn giáo đầu. Liên

tiếp mấy ngày sau từng đàn chuồn chuồn bay liệng trên không Cả xóm xôn xao. Ban đầu mấy đứa trẻ còn vui mừng chạy ra các đám rẫy trông giờ tay chỉ trỏ, reo vui. Nhưng cha mẹ chúng, hốt hoảng chạy đi tìm lời về, đánh cho một trận nên thân. Từ đó thiên hạ chỉ dám ngồi yên dưới bóng xoài bóng ổi, khẽ liếc mắt xem hướng bay của chuồn chuồn mà thôi. Tôi vẫn tiếp tục lùa dê lên đồi, nhưng không dám chạy nhảy tung tăng từ bờ sông ra con suối, không dám đứng trên đỉnh cao hò hét vu vơ nữa. Tôi cảm thấy tình cảnh đã khác, không còn có thể giữ được nếp sống cũ. Về sau, chính chuồn chuồn đã xác nhận sự đổi thay ấy. Đầu tháng ba, một con chuồn chuồn kim thân tròn như hột vẹt và đuôi dài ngoằn bay lượn trên sườn đồi, phóng thanh những câu gì không rõ vì gió tạt theo hướng khác, rồi tung xuống làng một số tru,ền đơn màu xanh.

Truyền đơn bảo đại khái thế này :

Đồng bào làng Tân An lưu ý :

«Quân đội Hoa kỳ đến đây để tiêu diệt Việt Cộng. bảo vệ an ninh cho đồng

bào. Đồng bào đừng có chạy khi thấy quân đội Hoa Kỳ đến. Nếu chạy, quân đội sẽ tưởng đồng bào là Việt Cộng và sẽ bắn chết. Đồng bào hãy đứng yên tại chỗ, và chỉ dãn chỗ ăn núp của Việt Cộng cho quân lính Hoa Kỳ. Đồng bào hãy dặn lại cho bà con bạn bè biết».

Từ đó, tôi thêm được leo lên đỉnh cao, thêm nhìn đồng bằng bao la phía dưới, thêm chạy theo dòng sông, ra đến bờ đầm đề ngắt mấy hoa súng tím. Tôi phải ngồi yên một chỗ khi có chuồn chuồn bay lượn trên đầu, phải đi thật chậm để tìm cho ra mấy con dê lạc khi chiều tối.

Đầu tháng tư, chuồn chuồn lại rải một loại truyền đơn khác. Truyền đơn màu trắng, một mặt vẽ ngoằn ngoèo những gì không rõ. Bốn góc có bốn chấm đen để tên làng Tân An của tôi và ba làng lân cận là Đại An, Tuy An và Vinh An. Giữa truyền đơn có một khung chữ nhật tô màu đỏ. Mặt bên kia, chuồn chuồn viết :

Đồng bào quận Hiếu An lưu ý :

Vùng trong hình chữ nhật đỏ trên bản đồ là vùng nguy hiểm — Không

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Cụ **NỘI TỔ** (thọ 90 tuổi)

của bạn **NGUYỄN ĐÌNH NIÊN** GS trường Đồng-Khánh Huế vừa tạ thế

Chúng tôi cầu chúc hương hồn Cụ tiêu điều miền Cực-lạc và chân thành phân ưu cùng GS NIÊN và tang quyến.

Ban Biên tập Tạp-chí Khai-phóng

Cơ-quan ngôn luận của Tỉnh-Hội PHHS/KH

ai được ở trong vùng đó. Nếu có việc cần, đồng bào chỉ được đi lại trên đường cái mà thôi. Không khi nào được rời khỏi đường cái. Kẻ nào bất tuân, sẽ bị máy bay oanh tạc.

Đồng bào hãy theo đúng lời chỉ dẫn của chính phủ. Chính phủ lo lắng cho an ninh của đồng bào, không muốn đồng bào và thân nhân bị thiệt hại. Hãy tuyệt đối tuân theo luật lệ của chính phủ và quân đội Hoa-Kỳ.

Cái bản đồ bí hiểm làm băn khoăn gia đình tôi suốt buổi tối hôm ấy. Xoay ngang, xoay dọc mãi, cả nhà không ai quả quyết được vùng tử địa nằm chỗ nào. Anh Cả bảo đúng là vùng có mấy đám rẫy trồng sắn của gia đình. Anh Hai bảo căn cứ vào cái chấm đen đề làng Tân An, vùng nguy hiểm nằm giữa bờ sông và sườn núi. Tôi nghe mà tái tê. Còn đâu dòng nước mát, còn đâu những trái s'm. Còn đâu những chiều lùa dê về, gió hong khô mái tóc ướt sau khi thỏa thích vẫy vùng dưới con sông xanh. Chị Mương lại căn cứ vào đường ngoằn ngoèo, đoán là con sông đề suy rằng vùng chết chóc ở phía bên kia đầm. Cuối cùng, cả nhà nhà đồng ý nhau ở điểm: tình hình không còn như xưa, cái sông cái chết gần kề nhau, nên không bao giờ đi ra khỏi đường cái.

Tôi hỏi:

— Vậy lỡ mấy con dê chạy lạc, làm sao lùa về?

Anh Cả hỏi:

— Cứ đi trên đường cái, làm sao làm cỏ sắn?

Anh Hai hỏi:

— Nếu vùng chết chóc có cả con sông, thì làm sao tắm rửa?

Không ai tìm được câu trả lời, cũng như không ai tìm ra được cái khung chữ nhật tử thần đó nằm ở đâu. Không tìm ra, nên cái chết cứ chờn vờn quanh đây, tạo những trạng thái kỳ dị. Chị Mương đem đồ ra sông giặt, Mẹ mặt mày xanh mét dần đi dần lại là giặt mau rồi về. Quá trưa, Anh Cả về chậm, mẹ cứ lo ngay ngáy sợ anh đã lười biếng đi ngõ tắt không về bằng con đường cái.

Giữa tháng tư, từng đàn chuồn chuồn chúi xuống đốt cháy nghi ngút hai làng Tuy-An và Vinh-An. Cuối tháng tư, đến lượt Đại-An điêu tàn. Khói từng đụn bốc cao, và tiếng tre nồ lách tách vang đến tận chân núi này. Mẹ nhìn lửa cháy ở Đại-An, nước mắt chảy quanh, thấp thỏm:

— Không biết ông ngoại bà ngoại tụi bay chạy có kịp không? Chính chiến chỉ cho khờ hờ trời!

Hai ngày sau chuồn, chuồn kìm lại bay liệng trên làng, thả một loại truyền đơn khác dễ hiểu hơn. Một mặt giấy có in hai cái bình. Hình thứ nhất vẽ một mái nhà tranh, dưới một gốc dừa. Trước nhà một bà mẹ đang ẵm đứa nhỏ và theo dõi đứa con khác đang cười đùa trước sân. Dưới gốc dừa, một lính Việt Cộng đội mũ bọc

nhựa gắn sao đang loay hoay đặt khẩu đại liên Bên cửa sổ, một Việt Cộng khác đang dùng AK nhắm bắn lên trời. Dưới bức hình, có chủa dòng chữ : « NẾU VIỆT CỘNG LÀM THẾ NÀY ».

Hình thứ nhì vẽ một chiếc máy bay đang bay lên, bom nổ dưới gốc dừa. Hai xác Việt Cộng nằm sấp trên sân, vũ khí văng ra xa. Ngôi nhà đang cháy. Người mẹ và hai đứa con cũng bị bắn chết, máu chảy ra ở mắt, tai, mũi và miệng. Bức hình in đen, nhưng lửa và máu được tô đỏ cần thận. Dưới bức hình thứ hai, có hàng chữ : «LÀNG CỦA ĐỒNG BÀO SẼ NHƯ THẾ NÀY».

Mặt giấy bên kia, chuồn chuồn viết :

Đồng bào thân mến,

«Quân đội Hoa kỳ đang chiến đấu bên cạnh quân lực Việt Nam Cộng hòa tại Hiếu An để cho đồng bào được sống no ấm, tự do, không sợ đói khát, đau khổ. Nhưng nhiều người Việt Nam đã chết, nhà cửa bị cháy, vì họ đã giúp Việt Cộng nô lệ hóa nhân dân Việt-Nam. Nhiều làng đã bị phá hủy vì dân chúng chưa chấp Việt Cộng.

Làng Đại An, Tuy An, Vinh An và nhiều làng khác bị thiêu hủy vì vậy. Chúng tôi sẽ cương quyết phá hủy tất cả các làng đã chứa chấp Việt cộng. Quân đội Hoa kỳ báo cho đồng bào biết : Quân đội Hoa kỳ sẽ không ngần ngại oanh tạc tức khắc các làng xóm liên lạc giúp đỡ cho Việt cộng, để Việt cộng làm công-sự bắn vào quân lính và máy bay Hoa kỳ.

Tùy đồng bào lựa chọn... nếu đồng bào từ chối không cho Việt cộng dùng làng đồng bào làm chiến trường, nhờ cửa và sinh mạng của đồng bào sẽ được an toàn.»

Tin tức thiệt hại của ba làng lân cận, cùng với tờ truyền đơn cuối cùng này làm cả làng Tân An hoang mang. Ông ấp trưởng đóng cửa trốn biệt trong nhà, ai hỏi lũ con cũng trả lời : cha về ăn giỗ bên nội. Đành thì chạy từ xóm này tới xóm khác, thu lại tất cả các tờ truyền đơn đồng bào lượm được, trấn an người này, an ủi người kia. Cán bộ hạ tầng làm việc tuyên truyền hết sức mình. Anh Đành là cán bộ nòng cốt của mặt trận, đại diện mặt trận quyết định mọi công việc ở Tân An. Ngay tối hôm đó, Đành triệu tập một cuộc mít-ting vào giữa khuya, ngay trong sân ông ấp trưởng. Đám đông ngồi im lặng trong bóng đêm. Không có lấy một ánh đèn. Đành mời ông ấp trưởng ra ngồi trước hiên, rồi nói với đồng bào :

— Chắc đồng bào cũng hiểu rõ chủ trương của mặt trận đối với đời sống nhân dân Tân An rồi. Đối với mỗi địa phương, tùy nhu cầu đấu tranh, mặt trận áp dụng một chính sách khác nhau. Ba làng Tuy An, Đại An, Vinh An tiếp giáp với quận Hiếu Bình, nơi quân Mỹ vừa lập phi trường và căn cứ quân sự, nên dân chúng đã trực tiếp tham gia vào việc cầm súng diệt xâm lăng cứu nước... Tuy nhiên đối với làng Tân An này, nhiệm vụ khác hẳn—Đã đành không có nghĩa vụ nào cao cả cho bằng đích thân rĩa đạn vào xác thù, hạ hết máy bay địch, nhưng

tiền tuyến lớn cần hậu phương mạnh yểm trợ. Làng chúng ta tiếp giáp một bên là con sông, một bên là đường mòn ăn sâu vào núi, rất cần thiết cho việc tiếp tế lương thực của mặt trận. Hàng hóa vũ khí có thể chở bằng đường sông đến đây, nhập kho Tân An, rồi chuyển dần vào mặt khu. Vì vậy, lâu nay, mặt trận đã hợp tác chặt chẽ với vị ấp trưởng đây, đồng ý với nhau là việc ai nấy làm, không xâm phạm và tò mò đến công chuyện kẻ khác. Một trận biết rõ là trong nhà đồng bào, luôn luôn có hai cây cờ. Mặt trận cũng biết là ông ấp trưởng được quận khen vì giữ được an ninh của Tân An. Tôi cũng đã đề nghị mặt trận ghi công cho ông ấp trưởng, vì đã cộng tác thành thực với mặt trận. Mấy ngày nay, Mỹ thả truyền đơn đe dọa, bắt đồng bào khai báo hoạt động của chúng tôi. Không cần nói nhiều, chắc đồng bào đã hiểu rõ điều phải làm. Quân Mỹ chỉ bay trên trục thẳng, quân chi-khu chỉ nã đại bác đến. Đồng bào cho tin tức các hoạt động của mặt trận, tức là đã tự rước lấy bom đạn.

Đám đông không ai dám ho một

tiếng. Cả sân im phăng phắc, và công nhận anh Đành nói đúng. Suốt mấy năm qua, tuy phải đóng thuế cho mặt trận, vác gạo tải vũ khí từ kho Tân An lên kho 7 cho mặt trận, nhưng chiến tranh không đến đây. Lâu lâu, anh Cả anh Hai đi biệt suốt đêm, đề sáng hôm sau ngủ vui cả ngày. Lâu lâu, chị Mương phải may một lô cờ; mẹ phải đóng gạo vào bao dứa cất riêng một chỗ sau một tiếng thờ dài. Nhưng chưa có ai trong làng bị chết, nhà chưa cháy.

Đến nay, những con chuồn chuồn bay liệng suốt ngày, và những lá bướm bướm đe dọa khiến cả làng như chột giật mình giữa khuya, mồ hôi ướt đầm, tim đập mạnh, lo sợ cho những gì sắp xảy ra.

5-

Khi quân đội Mỹ đã đổ bộ chiếm đóng ba làng Tuy An, Đại An, Vinh An để mở rộng vòng đai an ninh phi trường, thì chuồn chuồn dờn về chao liệng trên vùng trời Tân An nhiều hơn. Gần như lúc nào cũng có một chiếc thường trực trên đỉnh đầu. Không khí trong làng căng thẳng, ngột ngạt. Chị Mương chịu khó giặt dĩa bằng nước giếng đục như nước cơm. Anh Cả anh Hai không

THÁI ĐỘ đã phát hành toàn quốc

QUỐC VĂN lớp 6

THẾ UYÊN Nguyễn-kim Dũng

Phương pháp giảng huấn mới cho niên học mới để đào tạo một thế hệ mới

Giá 250đ

dám ra rầy. Ngang cũng vậy. Cha bảo tôi cầm cái roi dài, chặn không cho dê đi quá xa chừng hai trăm bước. Cả đàn lần quần gặm trơ mấy bụi lá. Hai ba ngày đầu, dê ăn tạm mấy thứ thảo mộc không mấy hợp. Về sau, vùng chu vi quanh chuồng hoàn toàn xơ xác, chồi non không kịp lú đã bị gặm nát. Dê không đủ ăn, nên ốm o thấy rõ. Buổi tối, mấy con dê con cứ siục mạnh đầu vào bầu sữa nhẩn, rồi thất vọng, kêu be be, không ngủ được. Tôi chỉ tình trạng chuồng dê cho cha thấy. Cha thở dài, không nói gì. Riêng tôi, tôi không thể chịu nổi nữa. Thấy mấy con dê con chân cứ run rẩy, bụng xẹp ve, gặm hoài núm vú khô của con mẹ ốm, làm sao tôi cầm được lòng xót thương. Tôi ôm con dê con, vuốt cái đầu thơm mùi sữa pha lẫn nước tiểu, nói với nó :

— Chịu khó nghe con ! Ráng ít bữa chuồn chuồn đi hết, ta lại dẫn con ra đầm, đem con đi tắm mát.

Nói vậy, nhưng chính Ngang cũng không thể chịu khó thêm nữa. Sau một đêm thao thức vì tiếng be be đánh thức từng cơn, tôi quyết định cho dê ào xuống vùng cây cỏ xanh tươi phía suối. Đàn dê chạy nhảy tung tăng. Mấy con dê cái có vẻ an nhiên tự tại. Mấy con dê con đưa mõm gặm thử mấy chồi non rồi lại nhả ra. Chỉ có mấy con dê đực là hung hăng, hớn hờ biểu lộ cái vui tự do. Chúng kéo nhau chạy từ đầu chuồng đến cuối suối, leo lên dốc cao, nhảy chuyền trên gành đá. Sợ cha ở trên rầy về sớm, mặt trời còn hơn con

sao tôi đã lừa dê về chuồng. Kiểm lại, thiếu mất hai con dê giống. Ngang chạy ra bờ suối, chạy ra gành đá, vẫn không thấy bóng chúng đâu. Mặt trời càng hạ thấp, nỗi lo sợ càng tăng. Buổi trưa, hai con dê quý quái này chơi trò rượt bắt, đuổi nhau nhảy từ mòm đá này sang mòm đá khác. Không biết bây giờ chúng ở đâu ? Anh Cả ở rầy về trước, nghe tin thương hại em, hốt hoảng đi tìm. Anh hỏi :

— Hai con dê đó thường tới chỗ nào ?

— Mấy ngày trước, nó thường ra bờ đầm. Con dê có đốm ở mắt lại thường ưa lên đỉnh đồi, kêu be be rồi ngó lung.

Anh chạy xuống dưới đầm. Chiều tối hơn. Trước sân chuồn chuồn bay nhiều trong khi trên trời, con chuồn chuồn sắt vẫn đảo qua đảo lại. Ngang đang lo đóng cửa chuồng, nhốt riêng mấy con dê có chữa thì tiếng cánh quạt sần sạt ngay trên nóc nhà. Máy bay bay thật thấp, dọc theo ven núi. Đàn dê hốt hoảng tông đầu vào song chuồng. Dê con kêu be be. Có tiếng một tràng súng nổ chát chúa, bặt gần...

Trời tối mịt, cha và anh Hai, mới khiêng được xác anh Cả về. Mẹ ôm ống chân của anh, khóc tỉ tê :

— Ơi con ơi là con ơi ! Mấy ông đã bảo đừng chạy, sao con còn chạy làm gì. Mấy ông đã bảo đừng vào vùng đỏ, con còn xuống bờ đầm làm gì, cho ra nông nổi này. Cả ơi, sao con nỡ bỏ cha mẹ anh em mà đi sớm vậy, Cả ơi !

Cha trầm ngâm, lấy dẻ nhúng nước

lau mặt mũi cho anh, nhưng đạn đã làm rách nát cả mặt mày, làm thành một đám bầy nhầy, không thể nhận ra nét cũ. Chị Mương run run cầm cái đèn dầu soi gần cho cha lau chùi, khóc thút thít. Hàng xóm nghe tin, đến chia buồn, lao xao trong bóng tối.

— Tội quá chừng, mới hồi chiều nó còn hứa mai làm cỏ vườn giùm cho tôi.

— Hồi sáng, anh nói chắc mai anh đi xa, lâu mới về. Ai ngờ anh chào trước mà đi luôn.

— Hèn gì mấy ngày nay nó hơi buồn buồn. Nó qua chơi với thằng Thằng bên tôi cả ngày hôm qua.

— Tính nó thiệt thà, ít nói. Ai mượn làm cái gì là làm liền.

— Thôi mà thiệt, chẳng qua cũng tại số phận. Gì gì rồi cũng không qua được số.

Ngang sợ sệt đứng sâu trong bóng tối. Anh Cả nằm đó ư? Anh đâu còn cười cợt, đâu còn bơi một cách nhẹ nhàng thoải mái từ bên này qua bên kia sông, đâu còn háy mắt cười thầm khi cha kình cãi với mẹ? Anh Hai giúp cha tắm rửa cho anh Cả, thay quần áo, rồi phụ với cha cuốn anh Cả vào chiếc chiếu. Đang loay hoay cuốn lại, có người bàn.

— Nó chết bất đắc kỳ tử, phải làm đầu, không thì về sau ảnh hưởng không tốt cho anh em, bà con.

Cha ngáp ngừng ngừng tay. Mẹ thôi khóc, thút thít hỏi lại cách thức trù tà. Cha và anh Hai lại phải tháo dây

ra, để người hàng xóm lấy mực bôi đen cái trán may mắn còn ngu ếch. Như chưa cho là đủ, ông ta còn gach chữ thập lên cổ và lên ngực anh Cả.

Lúc cha và anh Hai bó xong xác, Đành đã tụ tập đồng bào đến đông nghẹt trước cuốn chiếu. Anh đốt một nắm nhang, đến vái Anh Cả vài cái, rồi quay lại nói:

— Đồng bào thấy không? Ai trong làng mà không thương con người hiền lành chơn chất này. Vậy mà anh đã chết, chết bi thảm, đến nỗi cha mẹ anh em không còn nhận ra được mặt mày... Phải làm cái gì thiết thực để cứu đất nước này, để anh em bà con khỏi ngã gục. Tuy An, Đại An, Vinh An đã bị chiếm. Đồng bào Tân An phải có trách nhiệm đóng góp nhiều hơn, hăng hái đi chuyển vận lương thực vũ khí, hăng hái góp gạo góp tiền gấp ba gấp bốn lần. Có làm như vậy, anh Cả mới ngậm cười...

Cả làng không nói gì. Anh Đành đến lí nhí chia buồn với cha mẹ tôi, rồi dắt tay anh Hai ra nói chuyện riêng ngoài cổng. Mẹ lo sợ nhìn theo.

Từ đó anh Hai bỏ công chuyện nhà theo sát bên anh Đành. Anh đem về nhà mấy trái lựu đạn khẩu súng có gấp đạn uốn cong. Mẹ vội vã thuật lại với cha. Trong bữa cơm, cha nói:

— Thằng Cả chết, bây giờ chỉ còn có mày là cột trụ gia đình. Hãy nghĩ đến điều đó.

Anh Hai không trả lời gì. Mẹ nói:

— Mẹ thấy con đem súng đạn về mà lạnh mình. Quí gì thứ đó mà ai cũng ham. Chết chóc, chém giết, thiêu đốt! Sao không lo làm rẫy giữ dê mà sống yên ổn cho rồi.

Anh Hai và vợ cho hết chén cơm, rồi bỏ ra ngoài. Cha im lặng nhìn mông lung ra bóng đêm. Mẹ quay mặt chùi vội nước mắt trong tối. Con dê con khát sữa kêu be be ngoài chuồng.

Tối hôm ấy, lúc trăng mọc phía bờ sông, có chiếc máy bay chuồn chuồn bay tuần qua làng. Đèn xanh đỏ chớp

ở dưới bụng. Từ phía chuồng dê, có ai bắn một loạt đạn lên máy bay. Đó là nguyên do Tân An lại bị oanh tạc dữ dội như ba làng lân cận. Có người bảo chính anh Hai đã bắn loạt đạn đó. Tôi không biết có đúng không, vì trong cơn khói lửa mịt mù, cả nhà tôi đã chạy núp vào hốc đá nên an toàn, chỉ trừ anh Hai, bị cháy thui với đàn dê.

(còn tiếp)

NGUYỄN MỘNG GIÁC



Gác miền biên ải

Thơ TỐ DIỄM

lâu lắm tôi chưa về thăm lại
có người em gái đã sang ngang
tôi người lính chiến qua quan ải
nhặt của thu xa những lá vàng !



tôi gửi về tặng em
làm quà cho ngày sinh nhật
đứa con đầu lòng
một đứa con trai
để sau này cháu lớn lên
nhận trọn vẹn hình hài
tên lính chiến nằm bùng biển như cậu



từ những đêm trăng ngồi gác giặc
trùng quan heo hút bóng mây qua
em nghe không nhĩ còi đang thét ?
anh của em lòng nặng nhớ nhà !



tóc em có buông như ngày xưa ?
hay vẫn cao như má ?
tần tảo ngày đêm
giúp chồng, gánh nặng càng thêm !
quản gì gian khổ ngọt mềm đắng cay
ngày còn thơ ngày đó
bóng giặc chưa về làng
anh em mình đi học
em chối từ sang ngang
anh chối từ đi lính
đời đẹp như bài thơ
nhưng đâu học được chữ ngờ
em sang ngang đến bây giờ anh đi !



bóng núi chiều nay mây trắng đùn
điều tàn quẻ ngoại rúc trong tim
anh đưa ống sáo lên vi vút
hồn đề lang thang lạc hướng tìm



không rượu sao lòng say quá nhỉ !
em nhớ bài thơ không ?
bài thơ từ độ lấy chồng
em ngồi thức trắng giấy hồng mai ghi !



rồi anh đi
xa em chừ lâu lắm
chưa gặp lại lần nào
biết làm sao
trở về thăm lại nhỉ ?
đời lính chiến
có bao ngày được nghỉ
chuyện buồn vui chồng chất với màu da !
má chắc bây giờ rất già !
anh biết thế chỉ cúi đầu thở nhẹ
chiến chinh đã giết mòn tuổi trẻ
chuyện công hầu, khanh tướng
thật là vui !
áo anh rách
anh mong ngày về phép
em và dùm để thấy lại bàn tay
bàn tay học trò
trắng hồng sang trọng
của những ngày chưa lo
bây giờ qua một chuyến dò
chắc em gầy guộc đói no với chồng !
anh là người lính chiến
ra đi xa dòng sông
nhưng mang nặng mãi trong lòng
tình quê hương có má hồng của em.

22-7-71

TỔ-ĐIỂM

Tình cảnh người về

Thơ TRẦN VĂN GIẢ

Niềm đau xót còn gì tôi hỏi lại
nhành cây khô mang chất tuổi ưu tư
dấu chân đi cũng bắt đầu mục nát
mùa tai ương đã nặng bả vai người

Tôi đứng lặng nhìn bờ đê ngái ngủ
hàng bia xanh đủ thấp sáng ơn người
con sông xưa như mưa nguồn vỡ trận
se hồn đơn theo từng giọt máu tươi

Những giọt máu nửa đời người khép ngõ
đã xanh xao từ nỗi chết mang về
nghe rưng rưng trên ngàn cây nội cỏ
vang vọng trong ngày tháng rưng đăm mê

Ba mươi tuổi bóng tôi về hỏi hã
đàn em nhìn như người lạ quây quanh
chân khắp khênh đứng trên vùng đất lở
tuổi ngày xuân theo lá rụng tan tành

(4-71)

Thơ mùa hạ

LAN SƠN ĐÀI

chiều ta đi trên bờ đê sáng trắng
đôi tai nghe rỉ rả nước reo mừng
chân dịu mát trên từng đàn đất xám
tiếng ai hò thơm phức lúa bông măng

★

lâu năm quá giang hồ ta quên lãng
mùi quê hương ta có khói rơm nồng
khoai vôi bắp dòng dòng như đá tảng
tháng giêng ngồi nghe mơ ước trở bóng

★

thời vĩnh biệt những ngày qua ấy nhé
góc núi kia ơi hãy nhủ với rừng
rừng có kẻ đã sâu nguyên tuổi trẻ
xin từ đây cho hã bẻ gươm cùn

★

cho hã được làm người như hã đợi
sáng hát ca dao chiều khảy nhạc tình

khuya nhấp rượu đọc thơ đường thơ mới
cho tâm hồn vẫn đục lá đơm xanh

★

cho hân ném tự do đời hồn cũ
những vết thương thơm ô nhục chiến trường
những bề gổ lợc lừa trong túi hồ
của muôn ngày thở nhọc những tai ương

★

cho hân được như lũ điều lũ sáo
nhỏn như bay cùng khắp phía chân trời
tha tình ái rải đầy cây dã thảo
vỗ cánh thơm nồng tình mới à ơi.

BỐI CẢNH

Thơ TƯỜNG LINH

gửi Cường-Vũ

một mình ta uống rượu
trời nghiêng nghiêng mưa thưa
nhâm từng tên bằng hữu
mất nhiều khuôn mặt xưa
ta lặng yên từ buổi
lảo đảo lia chiến trường
ngựa què lê bước mỗi
khó trọn chuyến hành hương

em qua mùa sầu mộng
ta khép trời si mê
dại khờ nên ước vọng
xóa hộ nhau lời thề

hơn một lần quay mặt
đổ cho ai bây giờ?
làm sao ta dám chắc
lạnh lòng em trong mơ?

tình ơi ngoan giấc ngủ
hồn giạt nhánh sông xa
trăng chưa vàng ngõ cũ
sầu rơi theo mưa sa.



HIỆU THUỐC THƠM
 VIRGINIA NỔI TIẾNG
 NHỜ...
ĐẦU LỘC

M.L.C. CHOLON

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
 có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
 màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trạng-mục Bưu-điện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

SÁCH LÁ BỐI

Đã bày bán khắp nơi:

- **NHƯ CÁNH CHIM BAY** *truyện dài của VÕ HỒNG*
 - o Ai đã tham dự kháng chiến chống Pháp 45-47 nên đọc « Như Cánh Chim Bay » để thấy lại hình bóng mình ở đó.
 - o Bạn chưa hân hạnh dự cuộc kháng chiến thần thánh nên đọc « Như Cánh Chim Bay » để thấy đàn anh đàn chị mình đã làm gì.
- **GÓP NHẶT CÁT ĐÁ** *của Thiền-sư Muju, Đỗ-dình-Đồng dịch*
 - o Tác phẩm viết vào thế kỷ thứ 13. Những suy niệm về Zen.
- **ẢO TƯỢNG** *tuyển tập truyện ngắn của 7 tác giả : Sơn Nam, Hồ-hữu-Tường, Chinh-Ba, Thiều-Chi, Nhất-Hạnh, Võ-Phiến, Tuệ-Uyên. (Tái bản lần I.)*
- **BÔNG HỒNG CÀI ÁO** *của Nhất-Hạnh tái bản lần thứ năm 1971.*
- **ÁO EM CÀI HOA TRẮNG** *của Võ-Hồng*
Tái bản lần thứ ba 1971.

Giữa tháng 9-1971 sẽ phát hành :

- **LỊCH SỬ VĂN-MINH ẤN-ĐỘ** *của Will Durant, Nguyễn-Hiến-Lê dịch.*

Sách dày khoảng 600 trang, số lượng in ít vì vốn in quá nặng, bạn nên đặt trước ở hiệu sách quen, đừng để mua không kịp như Sử-Ký Tư-Mã-Thiên và Chiến-Tranh và Hòa-Bình (Tái bản giá tiền tăng hơn gấp đôi).
- **CHIẾN-TRANH VÀ HÒA-BÌNH I** *(tái bản) của Léon Tolstoi Nguyễn-Hiến-Lê dịch.*

Nhà sách **LÁ-BỐI** lot O số 121 Chung-cư Minh-Mạng SAIGON 10

Mua sách tại LÁ-BỐI được trừ nhiều hoa hồng. Bày bán các sách của các nhà xuất-bản uy tín.

F. NIETZSCHE

ZARATHUSTRA ĐÃ NÓI NHƯ THẾ

« Đây là cuốn Phúc Âm thứ năm, theo lời Nietzsche, — là một quà tặng vĩ đại từ trước đến giờ gửi cho nhân loại. « Tác phẩm kết tinh tuyệt đỉnh thiên tài của Nietzsche.

SÁCH PHÁT HÀNH ĐÚNG HẠ TUẦN
THÁNG 9 NĂM 1971

AN TIÊM XUẤT BẢN

ASPRO



trị:

CÁM CÚM ĐAU NHỨC



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PUB. TÂN-TRÍ

KN 226.BYT

Trong những tuần qua nhiều biến chuyển quốc tế đã xảy ra trên thế giới. Trước hết là vụ khủng hoảng tiền tệ tại Hoa-kỳ đã lan tràn trên thế-giới làm cho các quốc gia Âu-châu và nhất là Nhật đã phải gánh chịu hậu-quả khiến bang giao giữa Hoa-kỳ và các nước này trở nên căng thẳng.

Tình trạng căng thẳng này đã trở nên hết sức bất lợi cho Hoa-kỳ khi nước này đang cần hoạt động mạnh tại Liên-Hiệp-Quốc để vừa cho Trung cộng gia-nhập Tổ chức này vừa tránh cho Đài-loan khỏi bị trục xuất.

Cùng một lúc các lãnh-tụ trên thế-giới đang dự tính du hành ngoại giao để tranh giành ảnh-hưởng.

Những khó khăn của Hoa-kỳ sau khi hạ giá đồng Mỹ-kim

Ngày 15-8 vừa qua Tổng thống Hoa-kỳ đã đột ngột ban hành một loạt biện-pháp tiền-tệ để sửa đổi tình trạng khiếm khuyết của cán cân chi-phó Mỹ. Theo kế-hoạch ổn-định này thì Hoa-kỳ thả nổi đồng Mỹ-kim để cho loại tiền Mỹ có thể hạ-giá trên thị-trường quốc-tế tới khoảng từ 10% đến 20%. Và hàng ngoại quốc nhập cảng vào đất Mỹ sẽ bị đánh thuế phụ-thu 10%.

Hạ giá đồng Mỹ-kim có nghĩa là hạ giá hàng Mỹ trên thị-trường thế-giới so với hàng các nước khác. Vì vậy mà hàng Mỹ sẽ có thể cạnh tranh được với hàng Nhật và hàng Âu-châu không những trên đất Mỹ mà còn trên thị trường quốc-tế nữa.

Quyết định của Tổng thống Nixon đã bị các nước Âu châu và Nhật lên án nặng nề. Các quốc-gia này cho rằng Mỹ ích kỷ chỉ nghĩ đến quyền lợi của mình.

Nhật là nạn nhân đầu tiên của các biện pháp tài-chánh Mỹ. Từ trước tới nay Mỹ là khách hàng lớn nhất của Nhật. Hàng năm thị-trường Mỹ thu hút tới 30% tổng số hàng xuất cảng của Nhật. Nếu đồng Mỹ-kim hạ giá, nếu hàng ngoại quốc phải chịu thuế phụ-thu 10% thì hàng Nhật không còn được người ta mua như trước vì giá sẽ lên quá cao.

Ngoài ra Hoa-kỳ còn đòi Nhật phải tăng giá đồng Yen vì theo Hoa-kỳ trị-giá quốc-tế của đồng Yen đã được ấn định thấp hơn trị giá thực sự 20%. Từ trước đến nay Mỹ chấp nhận như vậy chỉ là để nâng đỡ Nhật, một quốc-gia vừa bị chiến-tranh tàn phá. Nay Nhật đã quá mạnh nên Mỹ không còn lý do gì mà tiếp tục nâng đỡ nữa.

Ngoại-trưởng Mỹ William Rogers đã tuyên bố như vậy trước hội đồng Tổng-trưởng Mỹ-Nhật nhóm họp tại Hoa-thịnh-đốn. Nhưng phái đoàn Mỹ đã gặp một phản-ứng bất ngờ của phái đoàn Nhật. Ngoại-trưởng Nhật Takeo Fukuda đã mạnh bạo trả lời rằng cuộc khủng-hoảng tiền tệ Mỹ không bắt nguồn từ sự thiếu hụt của cán cân chi phó Mỹ đối với Nhật mà từ chính-sách tiền-tệ không đứng đắn của Mỹ. Ông Fukuda còn đòi Hoa-kỳ phải hủy ngay biện-pháp hạ giá đồng Mỹ-kim và khoản thuế phụ thu 10% : Nếu Mỹ không làm như vậy — ông Fukuda cảnh cáo — thì các quốc-gia

khác sẽ dần dần dùng mọi biện-pháp để chống lại Mỹ và sự tự-do giao thương quốc-tế sẽ bị ảnh hưởng nặng nề.

Hơn nữa Nhật lại còn dọa là sẽ không ủng-hộ đề nghị của Mỹ tại Liên-Hiệp-Quốc để đưa Trung Cộng gia nhập Tổ-chức và không trục xuất Đài loan.

Thái độ của Nhật đã khiến cho chính phủ Mỹ hết sức lúng túng vì Mỹ hy vọng áp dụng một chính sách mới ở Á-châu với sự cộng tác của Trung-Cộng. Nếu Nhật nhất quyết không ủng hộ Mỹ tại Liên Hiệp Quốc thì chính sách mới của Mỹ sẽ thất bại.

Cuộc du hành của các lãnh-tụ trên thế-giới

Hiện thời trên thế giới «dịch du hành» đang lan tràn tới các vị lãnh tụ của các nước lớn. Ông Willy Brandt vừa sang Nga trở về Nhật hoàng Hiro Hito cũng đang thăm viếng các quốc-gia Âu châu Nữ Thủ tướng Indira Gandhi cũng sắp sang Âu châu. Hoàng đế Hailé Sélassié xứ Ethiopie và ông Richard Nixon cũng đang chuẩn bị sang thăm Bắc kinh. Cuộc viếng thăm Bắc kinh của ông Nixon được người ta bàn tán sôi nổi nhất. Có nhiều tin đồn rằng sau khi gặp Nhật-hoàng tại Alaska, Tổng thống Nixon sẽ đáp máy bay sang Bắc kinh để giải quyết vấn đề Việt Nam. Tuy ông Nixon đã gặp Nhật-hoàng và không đi Bắc kinh nhưng dư luận thế giới vẫn hồi hộp đợi chờ một hành động đột ngột xảy ra có thể đảo ngược tình hình thế giới.

Tin ông Nixon đi Bắc-kinh đã làm cho các lãnh tụ Nga phải tính lại nước cờ chính trị của họ. Sự nhích lại giữa

Hoa kỳ và Trung cộng là một cơn ác mộng của các lãnh tụ Điện Kremlin.

Để ngăn chặn những hậu quả tai hại có thể xảy ra, Nga xô đã vội vàng phái Ngoại trưởng Gromyko sang New-Delhi ký với Ấn-độ một hiệp-ước bất tương xâm. Và ngay sau đó Nga đã chịu nhượng bộ để tứ cường đi tới một thỏa hiệp ở Bá-linh.

Sau khi hai Hiệp-ước này được ký-kết, Nga xô đã phát động « một chiến dịch du hành » để củng cố ảnh hưởng của Nga trên thế giới. Brejnev sang Nam-Tur và xua quân vào các nước Cộng-sản vùng Balkan trong khuôn khổ tập trận của Minh-ước Varsovie. Đồng thời Podgorny cũng chuẩn bị sang thăm Hà nội vào đầu tháng 10 hy vọng lợi dụng hoàn cảnh lúng túng của Bắc-Việt trước sự hợp tác Mỹ—Trung Cộng để lôi cuốn Bắc-Việt vào vòng ảnh hưởng của mình. Kossyguine cũng loan báo ý định sang Gia nã đại để phá Hoa Kỳ. Tại Gia nã đại ông Kossyguine sẽ cố gắng thúc đẩy Thủ tướng Trudeau rút những cam kết của Gia nã đại trong Minh-ước Đại Tây Dương.

Giao-động tại Trung-Đông

Trong vài tuần qua tình hình Trung-Đông sau hơn 13 tháng hưu chiến đã giao-động lại mạnh mẽ. Quân đội Do-Thái đã hạ một khu trục cơ của Ai-Cập trên kinh Suez. Và một tuần sau Ai-cập đã phản công lại bằng cách dùng 2 hỏa tiễn địa không SAM — 2 để hạ phi cơ Do thái. Ngay sau đó lại đến lượt Do thái cho phản lực cơ oanh tạc các

cơ-sở Ai cập trên bờ phía Tây kinh Suez.

Trước khi Đại Hội Đồng L.H.Q. nhóm họp, Ai Cập hy vọng dùng mọi biện pháp để tạo nên một tình trạng căng thẳng tại Trung Đông hầu vận động dư luận quốc-tế chống Do thái.

Tuy cả hai bên đều chỉ muốn có những hoạt động giới-hạn hầu thu hút sự chú ý của Liên Hiệp Quốc nhưng

các quan-sát-viên đều e ngại rằng cả hai chính phủ Ai-Cập và Do thái có thể đi tới chỗ không kiểm soát nổi các hoạt-dộng của mình khiến một cuộc chiến-tranh nóng bùng nổ thật sự.

Hiện thời Trung-Đông đang ở trong một tình trạng căng thẳng nhất từ khi cuộc chiến tranh 5 ngày chấm dứt vào tháng 6. 1967.

TỪ TRÌ

Sửa lại cho đúng

* Trong bài « **Nợ Vu-sơn với phép nhịn ăn** » của Bà Võ-thị Thanh-Roàn đăng trên Bách-Khoa số 350 (1-8-71) ở trang 40, cột 1, hàng 14 (đếm từ dưới lên) sắp thiếu một hàng, đúng ra như sau: « Với sự cường tín đó mà ngày xưa, cơ-thể các hễnh nhân bị tàn phá vì *độc thủy-ngân* và ngày nay thì cơ thể bị tàn-phá vì các thứ thuốc kháng-sinh ».

* Trong bài « **Đông-Nam-Á, Liên minh quân sự ? ...** » của Bác sĩ Hoàng-vân-Đức đăng trên Bách-Khoa số 353 (15-9-71) có mấy chỗ in sai như sau :

— Trang 25, cột 2, hàng 8 (dưới lên) đã in : «biện pháp kinh tế» xin sửa cho đúng là : «biện pháp *chính trị*».

— Trong 27, cột 2, hàng 2 và 3 đã in : «con đường *xe lửa* nối liền hai nước». xin bỏ 2 chữ *xe-lửa* : Con đường nối liền hai nước »

— Trang 29, cột 1, hàng 14, đã in : «kết hợp kinh tế (union politique)», xin sửa là : (union *économique*)

Tòa-soạn Bách-khoa xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn đọc và các tác giả trên đây.

Tủ sách thi ca Khai Phóng trân trọng

kính mời bạn đọc tìm mua :

CHO CUỘC ĐỜI

thơ TẠ TÝ

PHÚC ÂM NÀNG

thơ DU TỬ LÊ

— 2 thi phẩm mà người yêu thơ chờ đợi từ lâu.

— 2 thi phẩm không thể thiếu trong tủ sách gia đình.

SÓNG THẦN

CƠ QUAN VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG XÃ HỘI DÂN TỘC

Với các đặc điểm :

— Kỹ thuật tối tân chưa từng có ở Việt Nam : In bằng máy Web Offset Rotative.

— Lập trường đấu tranh dứt khoát : đối lập quyết liệt, quốc gia cực đoan, khước từ cả Cộng Sản lẫn Tư Bản, vận động cách mạng dân tộc và xã hội toàn diện.

— Có một hệ thống thông tin rộng rãi nhất : gần 40 văn phòng đại diện gồm 300 cộng tác viên quốc nội và quốc ngoại.

— Không chỉ là tờ báo của Sài Gòn mà phản ánh đầy đủ sinh hoạt mọi địa phương : mỗi ngày dành hai trang báo cho đồng bào khắp nước lên tiếng.

— Tờ báo đầu tiên không phải là cơ sở kinh doanh của tư bản, tài phiệt mà do sự góp vốn của hàng ngàn người khổ rách áo ôm, đã nhin ăn nhin mặc, chung lưng đấu cật, nhất quyết làm lại xã hội, cải tạo con người.

Với thành phần chủ biên :

Chu-Tử — Lý-Dại-Nguyên — Trùng-Dương — Đường Thiên Lý—
Nguyễn-Liệu — Đỗ-Hữu-Dụng — Vũ-thế-Ngọc — Phạm-văn-Lương —
Tôn-thất-Tuệ — Uyên-Thao — Lê Cung-Bắc...

Và lần đầu tiên :

Sau một thời gian dài vắng bóng, nhà văn lão thành Mặc-Đỗ tái xuất hiện với chuyện dài chứa chất hoài bão cả một đời chiến sĩ ấp ủ, mang tựa đề : QUANG MINH HỘI, tác phẩm lôi cuốn hơn cả một Siu Cô Nương...

★ **Số Ra Mắt : chiều 25-9-1971**

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Tác phẩm thứ 18 của Thế Uyên

Sau khi cho ấn hành một loạt bốn cuốn sách trong sáu tháng đầu 71, hai cuốn in theo luật pháp của bộ T.T (Căn nhà của mẹ. Mưa trong sương), hai cuốn in theo điều 4 Hiến pháp (Tiểu luận. Đoạn đường chiến binh) và cũng là sau khi được các báo chí Chính luận, Điện tín, Khởi hành... « cảm ơn sự cộng tác quý báu đã dành cho bản báo », nhà văn Thế Uyên đã làm một đường « thoát vi sự ». Cuốn sách thứ 18 của anh vừa ấn hành đã không giống một tí nào với 17 cuốn đã in vì nó là Quốc-văn lớp 6, một cuốn sách giáo khoa Trung học.

Mặc dù các tư thực khai trường đã lâu sách mới ấn hành, và cũng còn xa lắm Trung học công lập mới được khai giảng, nhà Thái Độ đã bán được 3/5 số sách in. Sự đón tiếp tương đối nồng hậu của giáo giới d ãnh cho cuốn này, giáo trẻ thôi, còn giáo già thì chê, có thể cắt nghĩa bằng các sự kiện sau :

—Tác giả (Soạn giả thì đúng hơn) đã gạt bỏ phương pháp giảng văn cũ kỹ bắt nguồn từ thời sinh tiền của Dương Quảng Hàm, thay thế bằng một phương pháp mới hợp lý hơn.

—Chọn các bản văn cẩn thận, nhất là kim văn, bao gồm tất cả các thể-hệ văn-học kể từ 1929 đến 1971,

với phần chú giải xứng đáng với lời khen của một giáo sư ở Thủ-đức : « ... một kho ngữ-vựng cần thiết cho học sinh ».

Nhưng sự thành công của cuốn sách có lẽ chính yếu là ở điểm Thế-Uyên đã mang lại cho học sinh lớp mới tình thần dân tộc, độc lập, nhất là thích ứng được với xã hội hiện tại... Trong lần tiếp xúc chót, Thế Uyên cho biết đang soạn Quốc văn 7, 8, 9 ấn hành trước tháng 7. 1972, với điều kiện là thắng trong vụ án kiện bộ Thông Tin lên TCPV là vi hiến khi duy trì kiểm duyệt sách.

Giải thưởng Bút Việt 71

Đề góp phần khuyến khích phong trào sáng tác văn chương, tiếp theo các giải thưởng Truyện ngắn, Truyện dài, Phê bình, Biên khảo, Phóng sự, Thi ca và Nghiên cứu Lịch sử đã được tổ chức những năm trước, năm nay (1971) Trung tâm Văn bút Việt-Nam quyết định treo một giải thưởng duy nhất về bộ môn Sân khấu là 100.000đ.

Tác phẩm dự thi phải là một bản chưa từng in về bộ môn sân khấu (Hát bội, Chèo cổ, Cải lương, Kịch nói, Kịch thơ) với đề tài tự do.

Thời hạn dự thi từ nay đến 15-11 71. Các bạn dự thi muốn biết thêm chi tiết có thể liên lạc về trụ sở Bút-Việt (107 Đoàn thị Điểm Sài gòn) với Ô. Nguyễn Đức Hình.

THU-THỦY

Cáo lỗi

Truyện dài « Tuổi trẻ hư không » của Hoàng Ngọc Tuấn bị gián đoạn 2 kỳ nay vì tác giả bận những việc bất thường, chưa viết tiếp kịp. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý vị độc giả.

Tòa soạn Bách Khoa

HỘP THƯ

Tạp chí Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

Hoàng Kiều (thơ) Khuê Việt Trường (thơ), Linh Dũng (thơ), Phan Du (Xa lạ), Đồng di Đỗ hà (A.K.Q. J 10.9.8.7), Lê Bá Lăng (Mùa hạ, một thời nào), Lê Đông Tùng (thơ): Phan Thịnh (thơ), Hoàng Quốc Bảo (thơ), Nguyễn Cát Khương (Niềm mơ ước hồi cư), Trần Dza Lữ (thơ), Trường Thi (thơ), Thương Ca (thơ), Tống Châu Ân (thơ), Trần Hữu Nghiễm (thơ) Vương Doãn Chi (Khói sóng), Hoài Diễm Từ (thơ), Phạm Tấn Hầu (thơ) Đông Trình (thơ), Vũ Hữu Định (thơ), Từ Hoài Tấn (thơ), P2T Hồng (thơ), Lê Biện Quỳnh (thơ), T. Uy Hưng (thơ), Nguyễn Phước

(thơ, Sa Hàn Giang (thơ), Vân Triều My (thơ), Lê Văn Trung (thơ), Hoàng Bảo Khanh (thơ), Từ Chương (Chàng còn trắng), Thái Thanh Thanh (Tất cả đều là kỷ niệm).

Những bài sẽ đăng chúng tôi sẽ liên lạc với quý bạn bằng thư riêng hoặc sẽ nhắn tin trên những số Bách Khoa tới đây.

Ô. Trần Hoài Thư.— Sẽ đăng *Người thầy cũ* trên số 15-10 Sắp chữ từ số này mà kẹt bài, phải gác lại. Hôm sau mong anh mãi mà không thấy tới. LC.

Ô Mang Viên Long: Đã nhận được thư của anh. Xin cứ gửi vào ngay cho chúng tôi. Chúc anh mọi sự may mắn.

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.